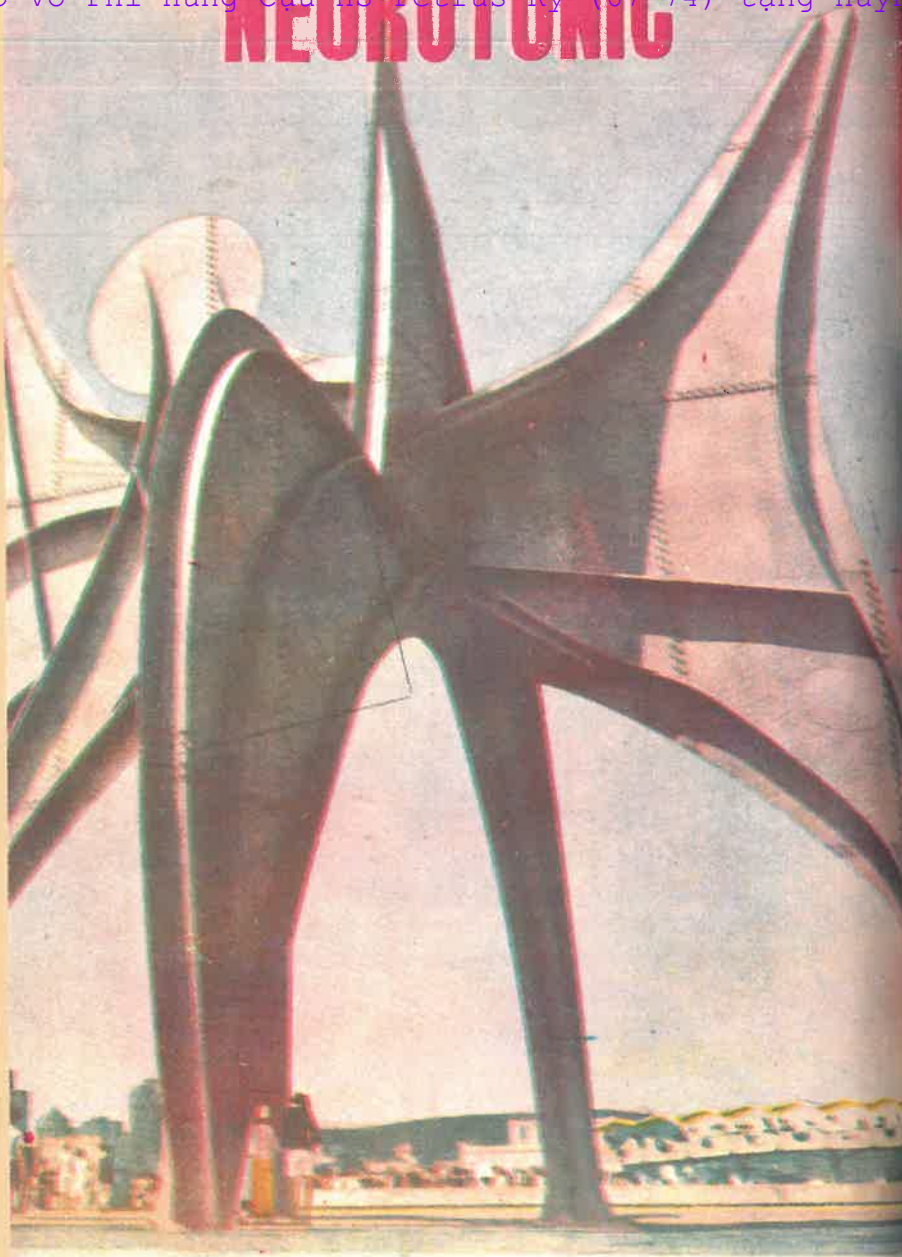


NEUROTONIC



NEUROTONIC

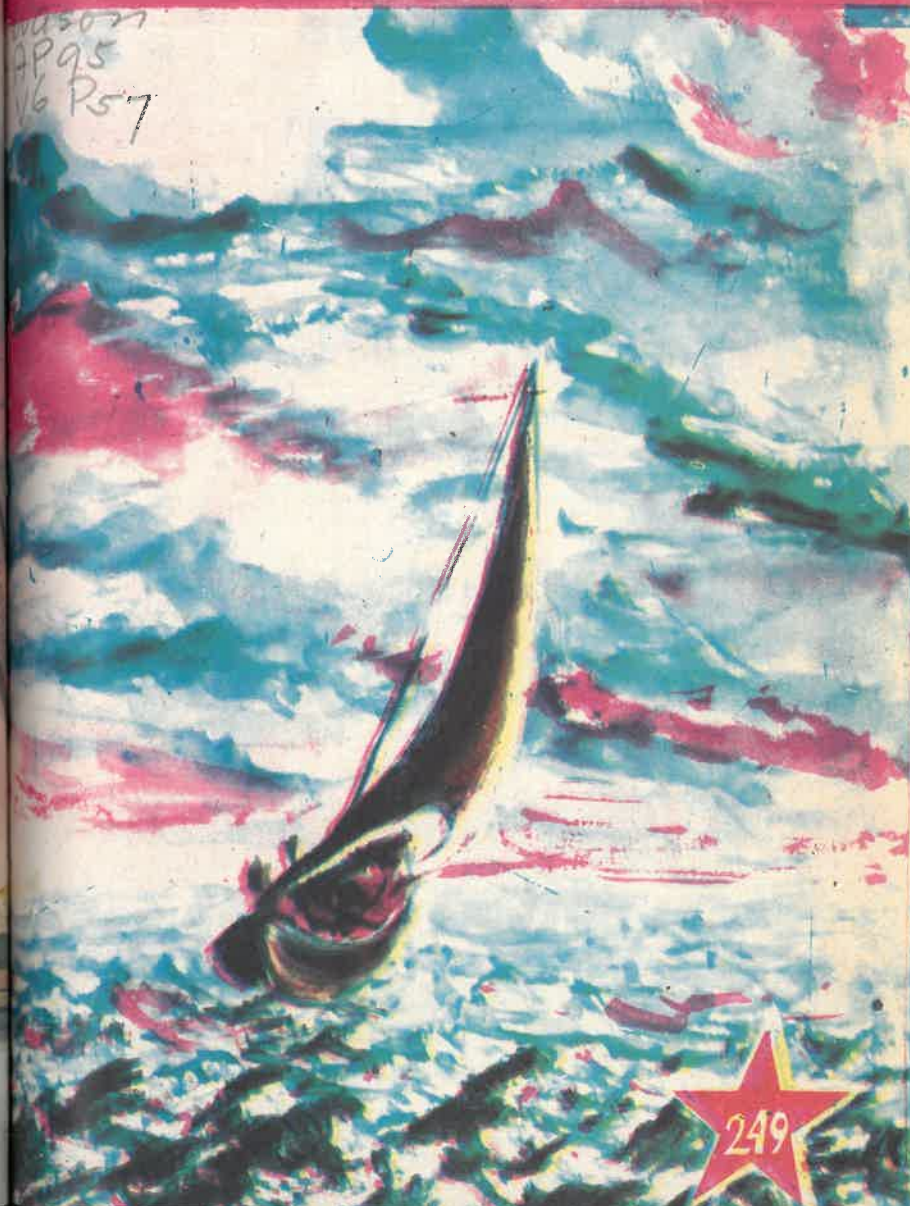
CÔNG HIỆU NHƯ THẦN

- ★ BỒI BỒ ỚC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ★ BẢO VỆ SINH LỰC

PHỔ THÔNG

Giám đốc Chũ bút | Nguyễn Vũ

005027
AP95
V6 P57



BỘ SÁCH

TUẤN,

chàng trai Nước Việt

Mới phát hành :

Loại giấy blanc-fin : 1000đ.

trọn bộ 2 quyển 1100 trang.

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN-HOÀ VIỆT-NAM
PHO BIEN VĂN-HOÀ ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-đốc, Chủ-bút; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 249 — 15-7-1970

1 — Văn hóa Miền-Nam	Nguyễn-Vũ	6 — 10
2 — Tìm hiểu Nguyễn-Đình-Chiêu	Nguyễn-quang-Tô	11 — 19
3 — Ông Phó Cơ-Điền	Ái-Lan	20 — 22
4 — Vài nét về Nhật-Bản ngày nay	Trần-văn-Quang	23 — 30
5 — Khi một loài chim đến (thơ)	Ngọc-thùy-Khanh	31 — 38
6 — Viếng chùa Ông Núi	Nguyễn-Bính	32 — 38
7 — Nhất-Linh con phượng hoàng gây cánh	Nguyễn-hữu-Trọng	39 — 45
8 — Mini-Duyp: ngôn ngữ của cao trào cách mạng	Trần-Tử	46 — 51
9 — Mả hồng trong gió bụi	Phạm-văn-Son	52 — 57
10 — Đêm buồn (thơ)	Phan-thị-Mai	58 — 61
11 — Tiếng mưa buồn (tùy bút)	Mỹ-Dung	59 — 61
12 — Đêm dài (thơ)	Phan-văn-Viên	62 — 63
13 — Rừng cổ quái (truyện dịch)	Giang Tân	63 — 68

14 — Vùng trước mặt (thơ)	Điệp-Vũ	69 — 73
15 — Mộ của vua Quang-Trung ở đâu	Đông-Tùng	70 — 76
16 — Thăng bạn (hồi ký)	Thành-Vũ	74 — 78
17 — Tự tình trong đêm (thơ)	Hoàng-L-Trung	77 — 82
18 — Hát dặm Nghệ-Tĩnh	Đông-Tùng	79 — 83
19 — Hồ-Hoàn-Kiểm	Tân-Nhân	83 — 89
20 — Góp thêm một huyền-thoại	Thái-Tàu	90 — 94
21 — Phù-Mỹ qua ca-dao	Thân-Tri-Thiện	95 — 102
22 — Võ-Thuật	Trần-tuấn-Kiệt	103 — 106
23 — Nền mỹ-thuật Cổ-Đô-Huế	Tin-Khanh	107 — 117
24 — Hồ-xuân-Hương	Nguyễn-Vỹ	118 — 121
25 — Nỗi lòng Phật-tử (thơ)	Lê-Kỳ	122 — 123
26 — Sinh khí văn nghệ	Hoàng-Thắng	124 — 127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.

P.T.

VĂN - HÓA

Miền Nam

đang vùng lên.

MỘT phần dư-luận trong giới *intelligentsia* Sài Gòn, và cả trong một vài giới Văn-hóa của chính-quyền, đã nhận định rằng Văn-Hóa Miền Nam «xuống dốc», và sản-phẩm văn-nghệ từ Chiến-tranh đến nay phần nhiều là không đáng kể.

Riêng tôi thiết nghĩ rằng một phê-phán quá bi-quan như thế thiếu hẳn thực-tế sâu-sắc và tìm-hiểu khách-quan. Trong một quốc-gia bị diên đảo vì chiến-cuộc suốt một phần tư Thế

kỷ, cố-nhiên là mọi lĩnh-vực sinh-hoạt của nhân-dân, vật-chất và tinh-thần, đều phải chịu bao nhiêu xáo-trộn, bao nhiêu mâu-thuân.

Người ta phải chịu khó và phải có đòi chút nhẫn-nại tìm trong tình-trạng phức tạp ấy, bề ngoài thấy như vô kỷ-luật, mất trật-tự và thăng-bằng, nguyên-nhân chính xác và thâm-đề của mọi rối-loạn.



VĂN-hóa, -- tức là tư-tưởng và sinh-hoạt tinh-thần truyền-thống của một dân-tộc, -- chịu nhiều phản-ảnh nhất của những biến-chuyển ngoại-cảnh và nội-tâm của xã-hội.

Từ đầu Thế-kỷ XX, Văn-Hóa Việt Nam là kết quả phối-hợp của ba văn-hóa : quốc-gia căn-bản, Tàu, và Pháp, đã cố gắng kết-tinh lại thành văn-hóa riêng-biệt Việt-nam, phong-phú và linh-động, tiến-bộ và thích-nghị, chứa đựng đầy đủ tính chất đông phương và tây phương, đương-kim và cổ-diễn, đã trải qua một thời-kỳ xáo-động, mặc-nhiên do tình-thế gây ra.

Những nhà Văn nhà Thơ Tiền-chiến còn sống sót sau bao nhiêu biến-cổ đã chứng kiến và tham-gia, dù muốn dù không, những tái-tạo còn hỗn độn và bở ngỡ trên một nền-tảng tưởng chừng như đã đổ-nát theo cuồng-phong của Lịch-sử.

Đồng thời, và liên-tục những nhà Văn nhà Thơ của thế-hệ trẻ, hăng say sáng-tạo. — với một chút kiêu-căng và tự-mãn, cái mà họ có quyền hãnh diện tin-tưởng là yếu-tố tân kỳ của hiện-đại.

Nhưng, hình như ai nấy đều cố-ý hay vô-tình quên nhận-chân rằng tất cả, cũ và mới, Hôm-qua và Hôm-nay, đều đang bị chi-phối bởi xao-động bên ngoài và bên trong của cơ-cấu lung-lay và nhất thời của định-mệnh chiến-tranh.

Khách-quan lịch-sử lôi kéo những trí óc suy-nghiệm trở về thực-trạng, nơi đây quan điểm bi-quan đã vội-vàng phán-xét nghiêm khắc bề ngoài. Họ không muốn chấp-nhận một sự kiện mới, và thường có khuynh-hướng so-sánh với Hôm-qua, đã mặc-nhiên kết án Hôm nay.

Mười-lăm năm vừa qua, 1955-1970, những cái gì tồn-tại đều đã thay hình đổi dạng không nhiều thì ít. Những cái gì tân kỳ gọi là thích-ứng với thời-trang, đã phối-thai và sinh-sản trong xao-động, hồ-đồ, cuồng-loạn. Một giai-đoạn. Một giao-thừa khá lâu, nội thuộc hoàn-toàn vào biến-cổ, chỉ có nó là chịu trách-nhiệm của mọi suy đổi và bất-ôn.

Nhưng giai-đoạn sẽ là quá-khứ. Suy-sup, hay xuống đốc, là tình trạng nhất thời sẽ thuộc về dĩ-vãng.

Cuộc trùng-hung dần dần sẽ đến, chặm-chạp, nhưng không tránh khỏi, không có gì ngăn cản. Trái lại, tất cả yếu-tố của thời-gian lịch-sử sẽ lôi cuốn nó đi, nó đi mãi, nó tiến tới, nó vùng lên. Nó đang vùng lên.

Những kẻ nghi-ngờ sẽ không còn bi-quan nữa. Những kẻ kiêu-căng tưởng mình là một trung-tâm thu-hút của thế-hệ, sẽ trở thành khiêm-nhượng. Vì mỗi tiến-triển là một cuộc thanh-lọc tự nhiên, tất cả những gì bê-bối, hỗn độn, suy-đổi, phá-hoại, đều tự nó bị đào thải, bị quét sạch, không còn lại ký-ức.

« Văn-hóa Miền-Nam đã bắt đầu vùng lên, theo trào lưu tiến-triển của Lịch-sử sau giai-đoạn đào-thải. Văn-hóa ấy vẫn mang đầy truyền-thống dân-tộc bất di bất dịch, bởi đắp thêm phong-phú bởi những đóng góp mới của nhân-loại.

Các nhà văn nhà thơ của Dân-tộc, có ý-thức về cuộc trùng-hưng đó, nên sẵn-sàng tiếp-đón và nỗ lực tiếp tay...



Tìm hiểu

NGUYỄN - ĐÌNH - CHIỀU

Qua bài văn tế

NGHĨA-SĨ CẦN-GIUỘC

□□□ NGUYỄN-QUANG-TÔ

DÂN tộc Việt-Nam, mỗi khi bàn tới anh hùng chí sĩ đất Đồng nai, Bến ghé, có lẽ không ai nhắc tới nhà chí sĩ, văn-sĩ (mù) nhưng rất (sáng) cụ Nguyễn-Đình-Chiều.

Xuất thân trong một gia đình nho học, lớn lên trong cửa Không sân Trình, nhưng cũng như các nhà Nho đương thời, Nguyễn-Đình-Chiều đã sống trọn thời gian 66 năm (1822-1888) trong hoàn cảnh

đau thương tang tóc của đất nước (đánh nhau thầy bỏ thầy đồng) và họa ngoại xâm đang đầy xéo con dân đất Việt (Trời đông sùi sụt gió mưa tây). Cho nên nếu như trong khi :

«Nhiều người theo đạo nho
ta
«Tiếng đồn thì khá, vậy mà
làm những

Nguyễn - Đình - Chiều vẫn
ôm nặng tâm hồn :

«Phò vua giúp nước, sửa
đời dạy dân,
«Học cho biết nghĩa quân
thần
«Biết phần phụ tử, biết
phần hiếu trung»

Và :

«Chẳng cho chủ khác ngồi
lưng cõ»

Chỉ vì :

«Làm người bao nữ phụ quê
huơng».

Cũng vì thế, mà khi bàn
tới sự nghiệp Văn - Chương
của ông, một sự nghiệp văn-
chương mang trong mình nó
một triết lý hành động tích
cực vì Dân vì Nước, gần bó
với cuộc đời, chúng ta không
thể không nhắc đến những
sáng tác lịch sử, trong đó bài
văn-tế (Nghĩa sĩ Căn - Giuộc)
hay còn gọi là «Vong hồn mộ
nghĩa», là một.

Theo các tài liệu của một
số nhà văn hiện nay, tác phẩm
lịch sử này được cụ viết tại
Căn-Giuộc vào năm 1861 sau
ngày nơi đây chống xâm lăng
Pháp của nhân dân ba xứ
Căn-Giuộc, Tân-An và Gò-

Công. Cụ làm cho Bùi-Quang-
Diệu thay mặt Đỗ - Quang,
Tuần-Phủ Gia-Định truy điệu
các vong hồn mộ nghĩa của
nhân dân ba xứ này. Nhưng
vì lễ truy điệu được tổ chức
tại Căn Giuộc, cho nên bài này
còn có tên là «Văn Tế nghĩa
sĩ Căn-Giuộc» «sau đó vì tính
chất lịch sử thời đại của nó,
tác phẩm của cụ được truyền
đi các đạo nghĩa quân tại
Miền Nam, rồi bộ Lễ lại cho
truyền đạt đi khắp các nơi
Trung, Nam, Bắc, xem như
một bài hịch kêu gọi sĩ phu và
nhân dân toàn quốc đứng lên
giết giặc cứu nước và, cũng
theo các nhà văn trên, tên
tuổi Nguyễn-Đình-Chiều vang
đi khắp nước, có thể nói là
bắt đầu từ bài văn tế nghĩa
quân này.

Nhận thức đầu tiên đối với
tác phẩm là bài này thuộc thể
văn-tế : Chúng ta có thể nói
bài này thuộc vào loại văn
«ngôn tình» và Thuyết lý»,
nội dung rất hùng biện, viết
theo thể «điệu văn» mà các cụ
nhà ta ngày xưa quen gọi là
«văn oi». Điểm đặc biệt dễ
nhận xét nhất đối với loại
văn này, là luôn luôn nó được

mở đầu bằng các chữ : Than
ôi» như «*Than ôi*», *Trời
Đông phổ vận ra sức cảnh*»
của Nguyễn-Văn-Thành. Hoặc
«*Than rằng*», như «*Than
rằng, tuồng thiên diễn mưa
Áu gió Mỹ, cuộc nạn kém
thua hơn được...*» của Phan-
Sào-Nam hoặc Phan-Tây-Hồ,
hoặc «*Hỡi ôi*», như trong bài
này. Và thường thường được
kết thúc bằng những thành
ngữ :

«*Hỡi ôi thương thay, Ai tai
thương hường*»,

Vì là một bài văn-tế, nên
cũng như sự phân chia của
nhà tiền bối văn-học Phan-Kế-
Bính, tác phẩm này thuộc văn
thể «*Phủ độc vận*» nghĩa là
loại phú từ đầu chỉ cuối chỉ
có một vần mà lại văn trắc,
khác với lối văn «Trương,
Hạ» trong những tiệc thọ
dùng văn bằng.

Ở đây ta có thể lược tự
một số vần trong bài : «*Tổ*»
«*Mồ*» «*khó*» «*bổ*» «*ngó*» và
cuối cùng là «*thò*» Đặc điểm
của thể (văn tế) này là văn
trắc và độc vận.

Ngoài ra thì cũng «*Tứ Lục*»

«Song Quan» «hạc tất» «*đối
ngẫu*» với nhau giữa hai vế.
Vì lẽ văn học nghệ thuật Đông
Phương cổ, xuất phát từ
thuyết âm dương Dịch học,
khởi thủy từ thái-cực, Lưỡng
nghị, Tứ tượng, Bát quái ; ý
thức «*đối xứng*» về vũ trụ
cũng như về nhân sinh, được
thể hiện qua các dạng thức :
Lưỡng long triều nguyệt,
Lưỡng phượng triều dương
ở các công trình mỹ thuật
Đông-Phương, đặc biệt là
Trung Hoa và Việt Nam. Ý
thức đó cũng đã ăn sâu vào
địa hạt văn-học, đề cho ra
đời thể văn *biền ngẫu*, *đối
liên*, tác phẩm *Văn tế nghĩa
sĩ Căn Giuộc* của cụ Nguyễn
Đình Chiểu cũng không ra khỏi
quy lệ đó. Cho nên ở đây ta thấy
toàn bài đều là những chữ,
những câu đối nhau rất chỉnh,
như là : *Súng giặc đất rền*
thì đối với *Lòng dân trời tỏ*
Mười năm công võ ruộng
thì đối với «*một trận nghĩa
đánh Tây*».

Mới nhìn vào cách cấu tạo
văn, điệu đối xứng, ta tưởng
như văn thể này là khó khăn
lắm, cũng chẳng khác gì thơ
Đường luật vậy.

Nhưng thiết ra thì không đến nỗi quá khó khăn, những người có đi học đều có thể làm được, tuy phải tốn một ít công phu. Hơn nữa, nếu không phải có thiên tài thì tác phẩm làm ra chỉ để tổ cáo tác giả là một người (thợ ghép vần) không hơn không kém. Cũng vì khó khăn và mất nhiều công phu như vậy, lại gò bó luôn cả tư tưởng con người, nên trước trào lưu tiến hóa, văn thể này ngày nay rất ít người tiếp tục sáng tác.

Dư âm của nó họa chăng chỉ trong địa hạt văn học sử mà thôi.

Vì chính không phải thể hệ trẻ ngày nay mà Phan-Tây-Hồ ở đầu thế kỷ 19 đã nghiêm khắc lên án :

«Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,

«Bát cổ văn chương túy mộng trung

Hay là :

«Học thức văn chương rỗng dối chơ.

Nói tới bố cục, thì thật ra một bài văn tế không đòi hỏi

ở tác giả một nghệ thuật bố cục nào. Lối văn công thức này tuy có đại đồng tiểu dị, vẫn ràng buộc tác giả đi theo một quá trình tư tưởng dường như nhất định, là thuật lại sơ lược cuộc đời của người đã qua từ tiểu sử, công nghiệp, ân đức đến khi người đó chết, và cuối cùng trước khi kết thúc là ca ngợi ghi ơn người đó, mọi chi tiết về tư tính cũng như về công nghĩa, đều xoay quanh cái trục đó mà thôi. Bài Văn-tế này Nguyễn-Đình-Chiều cũng không làm khác hơn được. Nói về nghệ thuật hành văn và dùng chữ, thì như trên chúng tôi đã nói, văn chương của Nguyễn-Đình-Chiều vốn mang trong mình một triết lý hành động gắn bó với cuộc đời ông, không phải là một nhà thơ chỉ biết ngồi thối xao từng chữ, lựa chọn từng điển tích và ngồi ca tụng cảnh đẹp thiên nhiên suông. Mọi tác phẩm của ông đều có giá trị thực tiễn và trước sau đều chứa đựng một nội dung thích hợp với độc giả đại chúng bình dân.

Thật vậy, trong khi Nguyễn-văn-Thành thi-vị và «anh-hùng

hào-hán hóa» đoàn quân Chúa Nguyễn trong cuộc nội chiến bần thủ vua Lê Chúa Trịnh, Nam Bắc phân tranh những năm mươi mấy năm :

«Ba nghìn hợp anh em đất Bai, cung tên : gang dọc chi nam nhi» Thi Nguyễn-Đình-Chiều khi miêu tả nghĩa quân lại rất tự nhiên và sống động, không sáo ngữ công thức :

«Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn làm quen»
«Tập khiên, tập mác, tập trống, tập cờ, mắt chưa từng ngó»

Với sự hợp mặt của họ cũng không có gì khác hơn :

«Mến nghĩa làm quân chiêu mộ :»

Cũng vậy, Nguyễn-văn-Thành là người theo Gia-Long trên 25 năm, chỉ đánh với Tây Sơn, mà trong bài «Trận vong tướng sĩ» khi tả lại cuộc chiến đấu chỉ vốn-ven có hai câu chứa đầy điển tích và sáo ngữ «Kẻ thì chen chân ngựa quyết giết cờ trong trận, xót nhẽ gan vàng mà mệnh bạc, nếm lông hồng theo

đạn lạc tên bay. Kẻ thời bắt mũi thuyền toan cướp giáo giữa giòng, khen thay phép trọng đề thân khinh, phong đa ngựa mặc bèo trôi sống vồ». Trái lại ở Nguyễn-Đình-Chiều trong các bài Văn tế khác cũng như trong bài văn tế này, những đoạn tả về chiến đấu đều rất phong phú và sống động, tính chất sáng tác của tiên sinh đặc biệt ở chỗ :

Biết phân biệt bạn thù :
Tắc đất ngọn rau ơn chúa, tài bồi cho nước nhà ta
Bát cơm manh áo ở đời, mặc mớ chi ông cha nó và đồn tây Dương một khúc đặng rửa hận...

Biết kể tội ác của bọn quân giặc :
«Đau đớn bấy mẹ già ngồi khóc trẻ»
«Nào nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng»

Biết phô diễn rõ rệt lòng yêu nước.

«Thà thác mà đặng câu định khái, theo về tổ phụ cũng vinh, hơn là còn mà chịu chờ đầu Tây, ở với man đi rất khổ»...

Biết nêu lên tinh thần chiến đấu hào hùng và kỹ thuật chiến đấu kỳ diệu của nghĩa quân :

Trong tay cầm một ngọn tầm vông... và «Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi... nhưng vẫn «coi giặc như không» đề rồi «kể đàm ngang, người chém dọc». Cực kỳ hiên ngang bất chấp cả «tàu thiết, tàu đồng, súng nổ».

Bức tranh về cuộc tác chiến của nghĩa quân như hiện ra trước mắt mọi người với đầy đủ chi tiết cụ thể. Hình ảnh một đoàn người với vũ khí quá thô sơ, đương cự với một bọn xâm lăng cường khấu đã làm cho tác phẩm chẳng những chỉ có giá trị về lại những trang sử oanh liệt đã qua, mà còn có tác dụng động viên thời đại rất lớn lao. Cho nên chúng ta có thể nói rằng lối hành văn và kỹ thuật dùng chữ của Nguyễn-Đình-Chiều trong bài văn này rất gần gũi với mọi người, đánh mạnh vào tâm hồn, khiến cho khi đọc lên như cầm thù, như thúc đẩy, như uge trống kêu kèn thổi, muốn tiến ra ngay

để chiến đấu với giặc.

Tuy nhiên, nếu nét bút bình dị nhưng tài hoa của cụ làm say mê đến từng hình ảnh trong bức tranh thì khi đọc xong bài văn tế, tâm hồn ta lại đang đứng trước nỗi u uất một bản bi hùng ca miên man bất tận, một nỗi nhớ thương man mác, nhớ thương người đã mất, thương cho hồn nước gặp buổi luân vong càng thêm nung xấu chí căm thù quân giặc cướp. Phải chăng con người khí tiết, đã ký thác tất cả cái tinh anh «sáng sủa» của mình đề nói lên nỗi uất hận đau buồn chung của dân tộc, cũng như của riêng mình trước thảm cảnh.

*«Bến nghé của tiền, tan bọt nước
«Đồng nai tranh ngói
nhuộm màu mây»*

Mà thật thế, một trang thanh niên khí tiết, hoài bão «chỉ làm lương đồng nước non nhà» vẫn mảnh liệt trong quan niệm «xã tắc là nơi báo thù, biết bao hy vọng tràn trề, thế mà ác hại thay, 26 tuổi đầu đã phải mang mục tạt. Rồi từ đó, đất nước loạn ly,

thực dân xâm lược, trong khi «súng giặc nổ rền», dân sa nước lửa, người trai Bến nghé chỉ đành chống cự với nghịch cảnh của đất nước, bằng tâm hồn, bằng trí óc hơn là bằng hành động.

Tuy nhiên, dù (côi cút làm ăn, riêng lo nghèo khó) và là chỉ «ở theo làng hộ, cung ngựa chưa quen, con người hành động của Nguyễn-Đình-Chiều vẫn vùng lên mảnh liệt : *Những muốn ăn gan toan ra cắn cổ... khi thấy ống khói cháy đen sì» hay «bóng bong che trắng lớp». Con ngựa Tiều vương «giậm giò chẳng màng ăn cỏ Tổng» nhất định «chỉ quay đầu lại hý tàu Lương» chỉ vì một tác lòng son đã nguyện thề «tấc đất ngọn rau ơn Chúa, tãi bồi che chở cho nước nhà ta» cho nên anh hùng đến thác chẳng hàng Tây» và dứt khoát «ở với man di rất khổ».*

Với tâm hồn đó, lý tưởng đó, những con người nghĩa quân của Nguyễn Đình Chiểu, tuy «vốn chẳng quân cơ quân vệ» và dù chẳng đợi lập rên, chẳng cần «trống kị

trống giục», tay cầm một ngọn tầm vông, dùng dao phay làm gươm, hỏa mai bằng rơm con cúi, cương quyết đập vào lướt tới, coi giặc như không, mặc cho thằng Tây bắn đạn to đạn nhỏ ?

Trong thảm cảnh «Trời Bến Nghé mây mưa sụt sùi» do «giặc cỏ bờ lan» gây nên, trong cái quận đau «mẹ già ngồi khóc trẻ, vợ yếu chạy tìm chồng» con người nghĩa quân của Nguyễn-đình-Chiều, với tinh thần sát nhân thành nhân, hiên ngang trước tàu đồng tàu thiết, quên hẳn «xác phạm» của mình, xông pha «đám ngang chém dọc», làm cho bọn địch mã tà mã ni phải kinh hồn. Cái tinh thần Uy Vũ bất năng khuất này của nghĩa quân trong cuộc đấu tranh chung của dân tộc, thật là một nhất búa đánh mạnh vào đầu của những con người cam tâm «Chia rượu ngọt, gặm bánh mì» để có thể nói lên tất cả tinh thần bạc nhược, đầu hàng của mình :

*«Miệng cộp hàm rồng khôn
để chọc*

«Khuyến đàn con trẻ chờ
thầy lay
(Tôn-thọ-Tường)

Chả trách chi mà họ phải
nhận lấy những bữa riu dư
luận hoặc mĩa mai ;

«Đã cam bịt mắt cùng trời
đất
«Đâu dám nghiêng mày với
ngựa xe
(Huỳnh-Mẫn-Đạt)

Hoặc đây cũng khí :

«Đừng mượn hơi hùm rung
nhát khí
«Lòng ta sắt đá há lung lay
(Phan Văn-Tri)

Dầu sao trong cái rừng cách
mạng của Dân-Tộc Việt-Nam
nói chung, của Miền Nam nói
riêng, những con người chịu
«thà mất lòng anh được bụng
chồng» vẫn chỉ là một số cỏ
dại xen lẫn vào những cây đại
thụ «trai ngay thờ chúa gái
thờ chồng». Cho nên những
con người nghĩa quân của
Nguyễn-Đình-Chiều vẫn hằng
say trong hoài bão «sống đánh
giặc, thác cũng đánh giặc»,
linh hồn theo giúp binh cơ,
muôn kiếp nguyện được trả
thù», đề rồi chẳng những

«Danh thơm đồn ở tỉnh» mà
«Tiếng bay trái muộn đời»,
chẳng những dựng đền miếu đề
thờ, mà còn sống mãi trong lòng
Dân tộc. Con người «nhục thề»
Nguyễn-Đình-Chiều tuy mù,
con người tâm linh của
Nguyễn-Đình-Chiều vẫn sáng,
đề sống trọn vẹn đời sống hào
hùng của một nghĩa quân Việt
Nam) trong giai đoạn lịch sử
đen tối nhất của Dân-tộc.

Nói tóm lại : Điềm qua
các tác phẩm lịch sử của
Nguyễn-Tiên-Sinh, cũng như
sau khi đọc bài «Văn tế vong
hồn mộ nghĩa» chúng ta
thấy được tất cả những gì là
anh hùng, là căm thù giặc
Pháp, và chiến đấu gian khổ
của đồng bào miền Nam, cũng
như nỗi lòng của Nguyễn-
Tiên-Sinh đối với vận mạng
nước nhà đối với những
người đã hy sinh vô điều kiện
cho Tổ-Quốc.

Tinh chất cách mạng của nó
là đã dự phần vào cuộc chiến
đấu chung, và giá trị thực tiễn
của nó là đã phô bày tất cả
những hình ảnh chiến đấu của
nhân dân ở trong một giai
đoạn lịch sử, cùng những tấm
gương đáng quý của dân tộc :

vừa thúc đẩy, vừa xây dựng,
nhưng cũng không quên đã
phá những phần tử xu thời,
phản bội tung vùa hương,
xua bàn độc» đề chia rượu
ngọt, găm bánh mì.

Ngoài tinh chất cách mạng
và giá trị thực tiễn rất hiếm
có ở đương thời, bài văn tế trên
còn cho ta thấy ở Tiên Sinh
một lối hành văn bình dị, tự
nhiên phản ánh một nhân sinh
quan thiết thực, không lấy sự
nghệ văn chương đề phô
trương tài học đề mong lưu
danh hậu thế, mà chỉ là đề
phản ánh trung thực tâm hồn
của mình trong tinh thần «Văn
đĩ tái đạo» đồng thời phục vụ
cho những nhu cầu lịch - sử

đương thời.

Văn tế «vong hồn mộ
nghĩa» cũng như nhiều tác
phẩm khác của Nguyễn-Tiên-
Sinh, chính là hiện thân của
một sĩ phu yêu nước tích cực, có
triết lý hành động, không dấn
bước vào danh lợi, xứng đáng
là tấm gương trong sáng và
hăng sai chiến đấu của một con
người tàn tật mù lòa.

Ngày nay, người và tác
phẩm dù đã đi vào lịch sử,
nhưng âm vang Nguyễn-Đình
Chiều vẫn sống động trong
lòng mỗi người chúng ta cũng
là vì chỗ đó.

□□□



«Ceux qui ne font rien ne se trompent jamais.
(Những kẻ không làm gì cả không lầm lẫn bao giờ).

THÉODORE DE BAINVILLE
(Odes funambulesques)

ÔNG PHÓ - CỜ - ĐIỀU

**tự cắt đầu mình để khỏi bị
quân Cao-Miên «cáp duồn»
sau khi chiến đấu, bị quân
Miên vây hãm — Ông hiện
hồn về báo oán...**

□ □ □ □ □ □ □ □ □ ★★ ★ ÁI-LAN

THUỜ ấy vào thời Minh-Mạng thứ tư, ở Miền Nam, nhứt là các tỉnh Hà-tiên, Rạch-giá đều có sự dấy loạn của người Miên (lúc bấy giờ gọi là Cao-Man.) Chúng tàn phá, cướp bóc, giết người việt rất là dữ-dần, tàn nhẫn, dã-man, nói không xiết.

Quan trấn nhậm Hà-tiên sai quan Phó-cờ Nguyễn-văn-Xuân, kêu là Điều, xuống Rạch giá đánh dẹp bọn giặc chòm đó.

Ngày 13 tháng giêng, không rõ năm nào, ông Phó-cờ-Điều vâng lệnh dẫn binh đi tảo-trừ. Sáng hôm sau, tức ngày 14, lúc rạng đông, ông Phó-cờ-Điều lên ngựa cùng với một toán quân, định kéo đi lùng địch.

Nhưng chừng hội chủ vị chỉ huy và nhà cai trị ở địa phương, thì các tướng lãnh bàn ngày 14 là ngày không tốt, không nên ra binh. Ông Phó-cờ-Điều không lấy làm tin, bèn giết heo tế cờ,

rồi cứ kéo quân đi tảo trừ loạn quân.

Vì ngăn cản Phó-cờ không được, nên quan địa phương không cho hai đội quân tã hữu tiếp ứng đội trung ương của Phó-cờ, lại cho một tốp quân hùng-tráng, cỡi ngựa đem lệnh tiễn chạy như đông dề triệu đội trung ương định binh lại, không nên cùng giặc giao chiến.

Rủi cho toán quân hỏa tốc ăy đến trễ. Thành ra binh của ông Phó-cờ-Điều đã đánh với quân Cao-Man rất dữ-đội rồi.

Đánh nhau từ mặt trời mọc đến xế chiều, quân Miên cũng như quân ta, tử trận và bị thương rất nhiều. Rốt cuộc bên quân Phó-cờ vì không có binh tiếp viện nên phải bại trận, mạnh ai nấy tìm đường chạy, vì quân Miên hung hăng và đông đảo hơn.

Ông Phó-cờ-Điều và người học trò bộ hạ của ông tuy là đã đói lại khát và sức đã mòn, nhưng hai thầy trò cũng chuyển hết thần lực xông đột chém giết, đánh đỡ, hầu chờ viện binh đến tiếp ứng với mình.

Nhưng không ngờ chờ mãi mà chẳng thấy tâm viện-binh. Hai thầy trò cứ cầm cự mãi hầu bảo vệ lấy mình, nhưng sức đã đuối, vì đầu mình hổ cũng van địch với quân hồ, thấy tình cảnh đã lâm nguy, cả hai bảo nhau đều quày ngựa chạy thoát thân. và kiếm nước uống, vì đã quá khát.

Nhưng bọn Miên vẫn chẳng buông tha, họ rằng rộ đuổi theo. Hai người vừa chạy vừa đỡ gạt. Khi đến trước một cái giếng nước ngọt, ông Phó-cờ đứng trên bờ ao. Múa siêu đỡ đánh với địch quân, cho học trò mình xuống ao uống nước, Người phụ tá của ông uống nước xong, nhảy lên bờ ao để đánh chặn bọn giặc cho ông Phó-cờ xuống ao uống nước. Không dè trong lúc người vệ-sĩ của ông ở trên bờ, bị bọn thổ cỡi trâu chạy đến giết chết. rồi bắn tên và phóng lao xuống quyết giết ông cho được. Một tay ông múa siêu đỡ gạt, một tay ông bậm nước uống. Uống nước dưới trận mưa tên và lao phóng xuống như thể trót nửa giờ, rồi ông quát lớn :

— « Hệ trời đã định, đến nay mạng ta phải vong. vậy thì bọn bây hãy dừng tay lại, để ta uống

cho đã khát rồi ta sẽ đưa đầu cho chúng bây !»

Bọn giặc: thổ nghe nói khí khái như vậy liền dừng tay thôi bắn tên. Ông bèn uống thêm nước cho đã khát. Thấy người đã khỏe, ông đứng lên, day gươm tự cắt đầu mình đứt rời khỏi cổ, hai tay bưng lấy đầu mình mà đưa cho giặc, trong lúc thân mình ông từ từ ngã xuống.

Bọn Miên, mừng rỡ múa nhảy hò hét tung-bùng, rước lấy thủ-cấp của ông Phó-cơ-Điều đem về trại, treo lên cao khoe-khoan với đồng bọn.

Sau đó, quân tùy tùng của ông đến giết thầy ông về mai táng trọng-thể. Còn cái đầu của ông, khi đã bị ông cắt rời rồi mà cặp mắt còn nháy và trợn lên lóng lánh sáng ngời.

Đêm đó, lối canh ba, hồn ông hiện về. Bọn Thổ đương ngủ bỗng tức dậy la hoảng lên : «Cáp duồn !.. cáp duồn !..» Cả bọn la như điên loạn, rồi chúng cầm dao mác, chặt đầu lẫn nhau, thầy nằm ngổn ngang cả trại. Người ta tương truyền rằng hồn thiêng

quan Phó-cơ-Điều hiện lên và xúi chúng chém giết nhau để báo oán

Qua ngày sau, quan Tuần Phủ hay tin, mới truyền lệnh đem binh đánh, trừ được bọn giặc và lấy lại thủ-cấp của ông Phó-cơ-Điều đem về mai táng. Ông Phó-cơ linh thiêng lắm, bọn Thổ rất sợ.

Cách đây vài chục năm tại dinh Vận-tập trong châu thành còn thờ cái sọ của ông Phó-cơ-Điều, Mỗi năm, trước một ngày giỗ, mấy ông kỳ lão trong làng lấy rượu rửa sọ và râu của ông sạch sẽ. Cái sọ ấy lớn hơn sọ những người bây giờ.

Hiện ở saigon, có đường tên là Phó-Cơ-Điều.

□□□



BỨC THU NHẬT BỒN

Vài nét về

NHẬT-BẢN

ngày nay.

NHẬT-Bản ngày nay là một xứ tiến-bộ và văn-minh nhiều về Kỹ-thuật, một trong những cường-quốc trên thế-giới mà ai cũng công-nhận.

Thật vậy từ lúc Nhật bại trận ở đệ nhị thế-chiến đến ngày hôm nay chưa đầy 30 năm mà Nhật đã phục hồi lại tất-cả những gì đã mất và vươn mình lên cao. Số dĩ có sự phục-hồi nhanh-chóng như vậy một phần cũng là nhờ Mỹ trợ giúp, phần còn lại là do sự cố-gắng, hy-sinh, chịu-đựng và làm việc của dân Nhật. Mục sống của dân Nhật ngày nay khác xa với thời bại trận rất nhiều. Ngày nay một người có mức sống

tầm-thường nhất ở Nhật trong phòng cũng có Tivi, radio đã nghe. Khá giả hơn một chút thì có Tivi màu, radio, Stereo tủ lạnh v.v... ấy là chưa kể giới trung-lưu có cả xe hơi. Mức sống rất tiện-nghi. Họ không bao giờ bị thiếu điện, thiếu gạo và nước. Ngay trong việc nấu ăn hằng ngày tất-cả mọi người đều dùng nồi cơm điện, gas tự-động vừa tiện-lợi, nhanh và cơm không bao giờ bị khét. Đời sống xã-hội của họ cũng rất được bảo-đảm. Lúc về già họ không thể đi làm được nữa thì hằng hay chánh-phủ phải cấp cho họ 1 số tiền dư sống đến ngày nhắm mắt mà không cần sự trợ giúp của con cái. Khi bệnh-hoạn thì họ sẽ có những sổ bảo-hiêm

xã hội và họ sẽ trả tiền bác-sĩ thật ít và hầu như chỉ trả một số tiền tượng-trưng mà thôi. Cả con cái của họ cũng dùng được số bảo-hiêm của ông cha để bớt tiền bác sĩ khi bệnh. Mức lương-bổng của họ hầu như không có sự sai-biệt quá nhiều. Tốt-nghiệp trung học một tháng sẽ được lãnh lối 32.000 yen (gần 100 dollars) và đại-học sẽ lãnh lối 37.000 yen (trên 100 dollars 1 chút). Tùy theo qui-chế của hàng định mà mỗi 2 năm tiền lương sẽ tự-dộng tăng lên 5 ngàn yen, 6 ngàn yen v...v... Một người tốt-nghiệp đại-học và phục-vụ ở một hàng xưởng trong 20 năm sẽ lãnh lương hàng tháng là 60.000y. Mức sống của họ càng ngày càng được bảo-dảm và cải-thiện.

Con cái họ được ăn học đàng hoàng và mức học tối-thiểu mà chánh-phủ Nhật qui-định cho mỗi người dân là trung học đệ nhất cấp. Theo lời của ông giáo-sư đại-học trường kỹ-thuật Đại-bản SakiHama thì 100% dân Nhật được học đến lớp cuối cùng của trung học đệ nhất cấp. Trong số đó sẽ có 80% theo đến lớp cuối cùng của trung học đệ nhị cấp và 20% sẽ đi đại-học. Trường sở họ cất cao

ráo, sạch sẽ và giáo-viên, giáo-sư rất đầy đủ và có khả-năng cùng những trang-bị máy-móc tối-tân cho các trung-học và đại-học đủ hướng-dẫn và tạo cho sinh-viên Nhật khi ra làm việc không bỡ ngỡ với dụng-cụ máy-móc trong hãng xưởng. Các đại-học đó đã góp công rất nhiều trong sự tiến-bộ của Nhật-Bồn ngày nay. Ngày nay về hòa xa Nhật đã chế được chiếc Hikari chạy nhanh nhất thế-giới với tốc-độ 200 km/g trên con đường Tokai dài 600 km nối liền OSAKA và Tokyo. Chiếc xe điện đó trang-bị rất tối-tân bên trong: Máy điều-hòa không-khí, bút-khói, phòng ăn, điện-thoại, toilet và ghế ngồi thoải-mái.

Về điện-tử Nhật đã tạo được cây đèn Piano đặt tại hãng điện-tử Toshiba Tokyo mà trong đó gồm đủ bộ-phận của 1 giàn-nhạc lớn và thông liên với màn-ảnh vĩ-dại trên tường. Tùy theo tiếng nhạc trầm bổng mà trên màn ảnh ấy hiện lên cảnh mặt trời mọc, lặn, nắng, mưa và sấm sét v...v... Còn nhiều cái hấp-dẫn hơn nữa cũng ở tại hãng điện-tử Toshiba mà kẻ viết bài này nhớ không hết.

Về xi nê thì Nhật cũng đã tạo được màn-ảnh hình bán cầu

mà Nhật tự khoe-khoang rằng thế-giới này hẳn là người đầu-tiên làm ra và được trưng bày tại gian-hàng Midori của Nhật trong hội chợ OSAKA '70 và chiếu phim gọi là «Astorama». Sau xiné rama có lẽ là xi-nê này.

Về không-gian thì Nhật cũng đã phóng được hỏa tiễn (lâm-da) 5 tại mũi Kagoshima ra ngoài quỹ-đạo do Tokyo đại-học nghiên-cứu. Về hỏa-tiến thì Nhật có lẽ đứng hàng thứ 4 trên thế-giới Sau Mỹ, Nga, Trung-Cộng.

Về kỹ-thuật thì Nhật đã tiến-bộ như thế nhưng còn về dân Nhật thì tánh-tình như thế nào đây. Trước tiên xét về thành-phần già và đứng tuổi ở Nhật thì họ còn rất nhiều tư-tưởng Á đông, cổ-kính, trọng nề nếp lễ-phép và chính vì thế họ đã đi trái ngược với tư tưởng và lối sống của bọn trẻ hiện nay. Họ là thành phần gần đất xa trời rồi nên chỉ lãnh nhiệm-vụ hưởng nhàn và làm cố-vấn cho bọn trẻ leo lái nước Nhật.

Về trai Nhật thì hầu như ít đề lộ tình-cảm ra ngoài. Thành-kiến khi thì đàn bà vẫn còn trong đầu họ đầu ngoài miệng vẫn nói rằng bình-dẳng. Họ hằng-bái làm việc

và làm rất đàng hoàng không tắc-trách. Họ rất có tinh-thần trách-nhiệm. Lúc đi chơi với bạn-bè họ không giống Tây mà giống Mỹ nghĩa là phào ai nấy trả tiền và không có vấn-đề bao qua hay bao lại như Tây và VN. Đối với gái Nhật thì họ không hề Galent hay chịu-chuộng nhưng đối với gái ngoại-quốc thì họ wa tỏ ra ta đây biết phục-dịch đàn bà đầu kém ai. Sinh-viên học-sinh Nhật dù sống với gia-đình nhưng họ thích tự-lập và muốn đồng tiền đi chơi của họ do họ tạo nên chính vì thế trong những ngày nghỉ hè, nghỉ lễ họ thường đi làm thêm để lấy tiền đi tắm biển, leo núi trong dịp hè, trượt tuyết trong dịp nghỉ Đông. Nghỉ hè 2 tháng thì họ sẽ đi làm 1 tháng hay 1 tháng rưỡi và lấy tiền đó đi chơi trong 1/2 tháng. Họ không từ chối một công việc gì hết từ nặng cho đến nhẹ. Hoặc rửa chén, khiêng thùng, vác lave nước ngọt hay những công-việc nhẹ ở văn-phòng. Họ làm sẽ ăn tiền giờ và công-việc nặng sẽ nhiều tiền hơn việc nhẹ. Công-việc khuân-vác thì 2 giờ lãnh lối 380 yen nghĩa là hơn 1 dollar chút đỉnh. Làm việc nhẹ thì sẽ lãnh 1 giờ lối 120 - 140 yen.

Đặc-biệt ở Nhật không bao-

giờ mà thiếu việc làm cả. Lúc nào cũng thấy trên báo-chí in đầy rẫy các tiệm, các hãng cần nhân viên làm giờ. Làm giờ như thế này sẽ không được hưởng quyền-lợi xã-hội như hưởng bồi-thường tai-nạn trong khi đi làm, đi khám bác-sĩ rẻ tiền v.v.. Chỉ có làm thật sự hàng tháng mới được hưởng mà thôi. Vấn-đề ăn uống thì trai cũng như gái ăn rất dễ-dãi. Họ chỉ cần no chứ không cần ngon. Trưa ở trường-học hay công-sở gì cũng vậy chỉ được nghỉ có 1 giờ mà thôi nên họ thường đem theo cơm trưa hoặc ăn vội tô mì hay bánh ngọt tại 1 hàng bán kế bên và rồi tiếp-tục làm việc cho đến chiều về nhà ăn cơm. Dân Nhật vì quá đông nên trong những giờ đi làm hay tan sở thì nạn lẩn và chen vào xe buýt xe điện dũ-dội lắm bất kể đàn bà hay già cả. Lúc đợi xe thì họ sắp-hàng cần thận lắm nhưng khi xe đến rồi thì mạnh ai nấy lẩn vào tìm chỗ ngồi cho xướng. Quý bạn thử tưởng-tượng cá đống hộp như thế nào thì người ta đứng chen chút trong những chiếc xe điện như thế ấy. Chật đến nỗi mà mình không thể eo quây gì được trong xe và khi đến ga mình xuống là phải một phen «Ra sức vẩy-vùng» để chui

cho lọt ra cửa bằng không cửa xe sẽ đóng lại và xe sẽ tiếp tục chạy tới ga tới thì phiền cho bạn lắm.

Về gái Nhật thì ngày nay nếp-sống họ bị ảnh-hưởng tây-phương nhiều lắm. Sống vội, sống cuồn.

Lúc còn con gái chưa chồng họ sống tự-do lắm và coi chữ «Trinh» như pha. Đặc-biệt nữ phái rất mến ngoại-quốc nhất là ngoại-quốc đó cùng da vàng như họ. Bạn có thể làm quen với gái Nhật rất dễ-dàng nếu bạn biết chút đỉnh tiếng Nhật hoặc nói vài câu tiếng Anh đề đề cho họ hiểu thì bạn sẽ được cảm-tình với họ ngay. Một hai lần gặp-gỡ nói chuyện bạn có thể cùng nàng cập vai dạo-phố hay đến những nơi vắng vẻ để nhìn mây nước như cập tình nhân quen nhau từ 3 năm về trước, Gái Nhật rất từ-tế và thành-thật. Bạn không biết đường hay lạc ngõ bạn đến hỏi họ họ sẽ chỉ cho bạn ngay và nếu họ có rảnh thì giờ họ sẽ dẫn bạn đến nơi mà bạn muốn. Họ hoàn-toàn không nghĩ là bạn khi hỏi đường họ là bạn muốn chọc ghẹo họ như mấy cô bên nhà.

Gái Nhật rất dễ-dãi. Thường học-sinh chơi với học-sinh, sinh-

viên chơi với sinh-viên hay với người đi làm việc. Giới làm việc thì chơi với giới làm việc và sinh-viên, vì nếu là sinh-viên thì quý cô trên 20 tuổi rồi và cái tuổi đó là cái tuổi «thả-dàn» và «líp» của quý cô nên giới làm việc thích hơn. Chính vì sự dễ-dãi và thích ngoại-quốc của mấy cô mà đã tạo nên không biết bao nhiêu thiên tình sử giữa chàng sinh-viên du-học và nàng con gái xứ anh đào. Cũng chính vì sự dễ dãi của mấy cô mà mới có câu «trả thù cho dân-tộc» của các sinh-viên ngoại-quốc da-vàng trên xứ Nhật. Trả thù gì thì trả không ai cấm nhưng hăng-hái quá dễ đến nỗi ở lại lớp và bị cúp chuyên-ngân đề việc học dở-dang thì quấy lắm. Tình-yêu của mấy cô cậu nhỏ nhỏ còn học trung-học đệ nhất cấp thì trong-sạch và lý-tưởng cũng như ở VN 7 năm về trước. Còn tình-yêu của trò lớn thì hết xin. Một thí-dụ ở công-viên gần Yodoyabashi của OSAKA thì chúng ta sẽ rõ. Trò nhỏ thì chỉ nắm tay nhau và nói trời đẹp, mây bay. Còn trò lớn thì thiết-thực hơn yêu hấp-dẫn trong những lùm cây, yêu lẩn-lộn trên thảm cỏ, yêu khấn-khít trên băng đá và mùi-màn trên chiếc xuống con được thả trôi theo dòng nước của sông Yodo và sẽ đạt đến chân-lý của tình-yêu trong những lữ-quán bình-dân ở xung-quanh công-viên. Trọ-lực thêm cho những cuộc tình «xà-nẹ» đó lâu lâu từ những ô bạt lưa đặt ở 4 góc công-viên phát lên những tiếng nói khuyến-khích «Hỡi các thanh niên nam - nữ, hãy yêu nhau hơn nữa yêu cho mây trời ngừng bay, cho gió ngừng thổi, cho Kim đồng-hồ đừng chạy và cho 10 g đêm không bao giờ đến» của người có trách-nhiệm coi công-viên đó và nói bằng tiếng Nhật. Họ chỉ được mùi-màn như thế cho đến 10 giờ tối mà thôi và không được vượt quá giới-hạn của «7 món ăn chơi. Ai phạm-thượng ăn quá giới-hạn sẽ bị mời về bót vì làm mất thắm-mỹ và phạm-thuần-phong mỹ-tục cùng qui-luật đã định. Những phim-ảnh Âu-Mỹ, của chính bản (Nhật), tư-tưởng phóng-túg của Tây Mỹ đã làm mờ dần nền đạo-lý cổ-truyền Á-Đông tại Nhật nói riêng và tại Châu Á nói chung. Một cái gì cao-quí đang đi đến chỗ mất dần dù một vài nhà đạo-đức có gào thét cũng không làm sao kéo lại được chiếc xe đang đứt thăng trên ngọn đèn.

Nhưng một điểm đặc-biệt đáng

khen cho gái Nhật là khi có chồng họ rất đáng-hoàng, chung-thủy với chồng con, chịu-dựng khổ-cực và những trận đánh đập vô-lý của mấy ông chồng vũ-phu. Chúng ta sẽ không bao giờ thấy mặt trận đánh ghen nào xảy ra tại đường phố vì đàn bà Nhật quen chịu đựng và khi khuyên nhủ chồng không được thì chỉ còn giải-pháp cuối-cùng là ly-hôn chớ không đánh ghen ồn-ào ngoài phố. Ăn mặc thì quý bà rất dễ-dãi và không xe xua để tiện tặng cho chồng cho con. Mua về vừa thì mặc chớ ít khi ra tiệm may đề mode. Tiệm may chỉ dành cho mấy bà thật giàu sang, cho ca-si và các cô con của chủ-hàng đến lấy mode mà thôi.

Ngoài ra trong gia-đình họ còn huấn-luyện con cái và tập cho nó có thói quen về lễ-phép. ÍnhK trên nhường dưới. Những tập tục hầu như ngày-nay đã biến thành thói quen như đi phải thưa về phải trình. Khi đi phải nói itte kimasu có nghĩa «Thưa Ba Mẹ con đi ạ» và người trong gia-đình phải đáp lại bằng câu «Itte irrassai» có nghĩa là «Ồ con đi đi hay anh đi đi». Khi về phải nói «Tadaimasu» có nghĩa là «Thưa Ba Mẹ con về ạ» và người trong gia đình

phải nói là «Okaeri nasai» có nghĩa là «Ồ về và vào đi con». Khi ăn họ phải nói Itadakimasu có nghĩa là «xin lỗi tôi ăn nhé». Hầu như tất cả mọi người Nhật bất kể già trẻ lớn bé đều phải làm như vậy và trở thành thói quen. Họ huấn-luyện đứa trẻ từ nhỏ và biến chúng trở thành máy-móc khi nói những câu như vậy hoặc những câu cảm-ơn mà nếu bạn không sống lâu ở Nhật thì có thể cho đó là những lời giả-dối. Nghĩa như vậy cũng đúng.

Người Nhật ưa trọng hình-thức bề ngoài và khi tiếp-xúc hay nói chuyện với họ thì họ không bao giờ làm rách lòng bạn vì lúc nào họ cũng đặt bạn lên trên họ đến độ nhiều khi bạn chửi lại họ là sao tội bây sạo thế. Một thí-dụ nhỏ như kẻ viết bài này ngay trong những ngày đầu đến Nhật thì chữ Nhật nói không được và chỉ bập bẹ và câu không quá 10 đầu ngón tay thế mà họ cũng khen cho được là «Ồi giỏi ôi anh nói tiếng Nhật giỏi quá, anh thấy mình quá» kẻ viết bài này chỉ còn biết lắc đầu và không hiểu họ khen thật, nịnh bợ cho vui cả làng hay chửi khéo mình.

Ngoài những cái kể trên xứ Nhật còn là nơi có nhiều cảnh

đẹp thiên-nhiên như : Phú sĩ Sơn là ngọn núi cao nhất tại Nhật và lúc nào cũng có tuyết trên đỉnh và là nơi để cho ngoại-quốc. Nhật-Bản đến cắm trại và xem cảnh trong mùa xuân, hạ. Nikko sẽ hấp-dẫn cho du-khách vào mùa đông với những cảnh trượt tuyết hào hứng và đẹp mắt biết bao khi ngắm những thạch nhũ. Kyoto với chùa-chiền và đền đài cũ. ToBa là nơi nuôi bết của Nhật và tại đây bạn sẽ mua bết với giá cảm-tình. Tùy theo giá tiền bạn mua mà râu chuỗi bết của bạn có giá-trị nhiều hay ít. Bạn có thể mua bết thiên-nhiên hay nhân-tạo với đủ màu trắng, hồng nhạt, hồng đậm hay xanh thâm thâm. Tại đây họ sẽ chỉ dẫn cho bạn cách nuôi bết, cấy bết và sẽ mô bết biểu-diễn cho bạn xem. Hakone với mặt hồ rộng lớn và đồi núi xanh trùng điệp mà bạn có thể đến đó bằng 4 mùa xuân, hạ, thu, đông đều đẹp cả. Ngoài ra còn có hồ Biwako, núi Rokko ở Kobe, Tượng Phật ở Nara và miền Shikoku mà tại đây bạn có thể đi bằng tàu ra thăm những đảo nhỏ của Nhật và câu cá biển tại đây trong mùa xuân, hạ và đầu thu.

Tóm lại Nhật-Bản ngày nay là một xứ văn-minh tiến-bộ và có nhiều cảnh-đẹp. Dân họ được ăn học đáng-hoàng, đời sống ấm-no

và bảo-đảm mặc dù cũng có một vài tệ-doan như nạn Híp-pi. Híp-pi Nhật cũng nhiều lắm, họ ăn mặc bê-bối, tóc tai dài thướt thướt rồi bù và đứng hàng đoàn tại ga Shinjuku của Tokyo. Họ ưa ngâm và thổi những bao ni-lông và phun vào đó đầy nước mờn trông thật dơ bẩn. Đêm họ nằm ngủ dưới hầm nhà ga Shinjuku trông mất vẻ đẹp của thành-phố. Cảnh-sát Nhật không tóm và đẩy lên xe cày vì họ không có quyền làm vậy khi bọn «hip-pi» vẫn ngoan-ngoãn và không biểu-tình bạo-động. Họ chỉ sống theo sở-thích và cá-tính của họ mà không gây rối-loạn cho xã-hội là được. Nếu bạn đi ngang qua đó bạn sẽ được họ phát cho báo tường-trình về những hoạt-động và việc làm của họ. Nếu bạn là ngoại-quốc thì họ cũng có những tay nói tiếng Anh thật tài đến giải-thích cho bạn hiểu và xin ủng-hộ. Lăn lộn trong đám đó lâu-lâu cũng thấy xuất-hiện 1 vài cô cậu Mỹ chánh-công. Ngoài ra Nhật-Bản còn có một vài thành-phần thuộc du-dang và sẵn-sàng dạy thiên hạ mà tiếng Nhật gọi là ya kuja ở rải-rác khắp nước Nhật mà nhiều nhất là tại Nagoya trong bạo-lực đoàn. Họ thường cạo đầu trọc, mang guốc Nhật. Bản thật

cao hay giầy nhọn mũi để đá lũng bụng thiên-hạ cho vui. Tuổi của giới này không ở hạng tuổi choai choai bên nhà mà là trưởng-thành và lớn hết. Tuy nhiên giới này cũng không làm rộn cho chánh-phủ Nhật nhiều lắm vì thành-phần không bao-nhiều.

«Nhật-Bản có trai Nhật mắt một mí và lại da vàng nên trông mặt có vẻ hiểm-ác dữ-dần bao-nhiều thì gái Nhật với mắt một mí trông dễ-thương, hiền-lành ngoan ngoan bấy nhiêu» là câu



Birds of a feather flock together.

Qui se ressemble s'assemble.

(Tục ngữ Anh, Pháp)

Ý nghĩa : những kẻ giống nhau (về tư tưởng, quyền lợi, v.v,..) thích đi chung với nhau.

nhận-xét của hầu hết các sinh-viên ngoại-quốc du-học tại Nhật như Thái Lan, Việt Nam, Cam bốt, Nam Dương, Tàu, Mã-Lai v.v... mà kẻ viết bài này đã có dịp tiếp-xúc, hỏi họ và cũng là câu kết-luận cho bài này.

TRẦN-VĂN-QUANG

(Sinh-viên kỹ-sư hóa-học)

OSAKA-JAPAN



Khi một loài chim đến

Em chợt đến đậu vào hồn tôi hát
Lời rất tình và mộng rất đơn sơ
Tim đã động dằng dặng bờ cảm giác
Mười mấy năm tôi đứng đó trông chờ

Và dấu vết cho tôi nhiều xao xuyến
Nhớ vào hồn vào ý động châu thân
Sau giấc ngủ tôi say vào ước nguyện
Ngôn ngữ giờ nước mắt với phản văn

Em chợt đến biển tôi thành tuyệt đối
Lời dầy thì chín đỏ một con tim
Đã lâu lắm cuộc đời tôi bão tố
Bỗng sáng ngời từ giọng hát chim khuyen

NGỌC-THÙY-KHANH

Dalat 1970

VIẾNG CHÙA

ÔNG NÚI

□□□ Kim nhật NGUYỄN-BÍNH

*Ai về Bình Định quê tôi,
Nhớ xem thắng tích, nhất
Chùa Phương-Phi.*

AI đã viếng Chùa Ông Núi,
không sao khỏi nhớ đến
Hương sơn phong cảnh của
Chu mạnh-Trinh :

*«Bầu trời cảnh bụi,
Thú hương Sơn ao ước bấy
lâu nay,
Kìa non non nước nước mây
mây,
Đệ nhất động hỏi rằng đây
có phải...»
(C.M.T)*

Chùa ông núi thật không hồ
danh là một trong những danh
lam thắng tích Bình - Định.

Chùa nằm trên lưng chừng
núi Phương Phi một chi nhánh
của ngọn núi Bà Phú Cát.

Cứ mỗi lần bình minh đến
từ dưới trông lên, Chùa được
phủ kín một lớp sương mờ
trắng đục, ta tưởng chừng như
cảnh «thiên-thai». Một thắng
cảnh cổ kính không khác gì là
một Hương-Sơn phong cảnh
thứ hai... nhiều du khách đến
viếng đã làm thơ ghi lên bia
đá đề kỷ niệm một chuyến đi
Chùa Ông-Núi. Nhưng muốn
đến Chùa du khách phải đi
bằng gì đây ? Đường bề, đường
bộ đều có du khách tha hồ vượt
đèo lướt sóng...

Nếu đi đường bề du khách

được dịp du thuyền, ngắm trời
bề bao la, sóng nước hữu tình
bồng bênh từ Qui-Nhơn ra
đến cửa Kê Thử cập bến, rồi
cùng nhau thả bộ vài cây số
sẽ đến chân núi.

Nếu đi đường bộ du khách
sẽ đi từ Quân lý, Phú Cát dọc
theo đường Quận lộ phía Nam
núi Bà, nối dài từ quốc lộ 1
đến Hàng-Ranh qua chợ Quán
Rừng. Đường không xa lắm,
nhưng cũng là một dịp để cho
du khách nhìn tận mắt những
nếp sống tập tục nơi đồng quê
thôn dã của bản dân.

Đến chân núi du khách được
nghe tiếng chim riu rít trên
cành, được thấy cá lội dưới
khe, như Chu Mạnh Trinh đã
từng thấy ở Hương sơn Phong
cảnh vậy :

Nơi đây cũng :

*«Tho thẽ rừng mai chim
cùng trái»
«Lặng lò khe yển cá nghe
kình»
«Thoảng bên tai một tiếng
chảy kình»
«Khách tang hải giật mình
trong giấc mộng»
(C.M.T)*

Tiếng chuông mõ từ Chùa
vọng lại, khiến cho du khách
giật mình tỉnh mộng, sức nhớ

đây không phải là Hương sơn
phong cảnh, mà là nơi phát
tích Chùa ÔNG NÚI đây (tức
Chùa Linh Phong) Du khách
cứ tiến bước đi, bước lần theo
những bậc đá tam cấp mà trèo
lên độ ba bốn trăm thước, du
khách sẽ gặp ngay một hòn đá
khổng lồ nằm nghiêng nghiêng.
Và chính hòn đá này là nguyên
nhân của ngôi Chùa về sau
mà người ta thường gọi là
HÒN ĐÁ QUÁN. Tại đây, du
khách hãy đưa tầm mắt nhìn
về hướng đông, du khách sẽ
hài lòng và sảng khoái khi thấy
một mỏm núi chẻ hai chạy thọc
ra tận ngoài biển khơi. Giữa
hai mỏm núi này lại có thêm
một bãi cát trắng phau... Rồi
cũng tại nơi đây, khi trời về
chiều trong ra ngoài xa khơi
bạn đã thấy những cách bươm
trắng, những chiếc thuyền câu
qua lại trên lưng sóng của
lòng Đại-Dương, một vài ngọn
gió biển thổi vào mát dịu, du
khách cảm thấy náo nức và
khoan khoái, lòng bạn không
còn thấy nhọc mệt sau một
đoạn đường dốc vừa vượt qua.

Nhưng, đây chưa phải là
Chùa, du khách hãy lên nữa,
lên độ vài trăm thước thì sẽ
thấy một khoảng đất bằng

thẳng bên cạnh một giòng nước róc rách chảy bao quanh nghe như một điệu nhạc Mường man rợ... và đây chính là Chùa vậy.

Một ngôi chùa cổ kính ẩn mình trong đám cỏ thụ xanh um. Nhưng khoan, đừng vội vào Chùa, mời du khách hãy thưởng lãm phong cảnh bên ngoài trước đã :

Cũng nào là :

*« này suối giải oan, này Chùa
cửa võng,
« này am Phật Tích, này
động tuyết Quỳnh,
« nhạc trông trên ai khéo vẽ
nên hình
« đá ngũ sắc long lanh như
gấm dệt».*

(C.M.T)

Đẹp thật ! hãy nhìn xem, hiện giờ dưới chân quý vị đang có rất nhiều giòng nước, những giòng nước tự nhiên và bất diệt. Nó không phải là nguồn suối mà là những mạch nước trong xanh từ lòng núi rịn qua các khe đá chảy ra. Những mạch nước mà quanh năm bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông,

cứ mãi mãi chảy đều cũng không lúc nào vơi mà cũng không lúc nào đầy. Nước chảy xung quanh, nước chảy dưới nền Chùa, tạo nên sự mát mẻ quanh năm mà du khách không quên được. Trước sân Chùa lại thêm một hồ sen lộ thiêng hương thơm ngào ngạt.

Bước vào hiên chùa, quý vị sẽ thấy một điều đặc biệt hơn là trên vách đá đã lưu lại không biết bao nhiêu kỷ niệm của những du khách đã viếng Chùa. Từ những bài thơ Hán Tự, nét bút linh hoạt đến những vần thơ mộc mạc bằng Quốc ngữ ghi đặc nơi đây, nếu lần đầu tiên quý vị sẽ nghĩ rằng đây là một rừng thơ vì trên những vách đá của Chùa không còn mấy chỗ trống...

Chắc quý vị đang say sưa trên những vần thơ và ngoại cảnh nhưng chưa đủ ; mời quý vị bước vào Tầng phòng và nhà nấu ăn, quý vị sẽ thấy nhiều cái đáng thấy hơn... nó vừa lạ mắt lại vui tai. Thật vậy, quý vị chỉ còn nghe tiếng róc rách của một vòi nước chảy từ trong khe đá bắt vòi vào một thùng lọc. Quý vị hết sức ngạc nhiên

khí quý vị thahồ dùng nước, dùng thật nhiều, dù quý vị có phụng phí mấy chiếc thùng cũng không vơi nổi, đó là một điều lạ nhất mà du khách không thể bỏ qua. Dù là tháng nắng hạn cũng thế. Hãy thử xối vào chân tay. tạt vào mặt, ngậm vào miệng thì quý vị tự nhiên thấy nước thấm ngoài da mà lòng mát mẻ, tinh thần sáng suốt, trở nên yêu đời và thích thú.

Giờ đây, các vị Sư Sãi ra đón tiếp niềm nở quý vị và sẵn sàng đưa quý vị vào chiêm ngưỡng chánh điện.

Bước vào Chánh điện quý vị sẽ có cảm giác rằng đây là nơi huyền bí thâm nghiêm nhất ở trần gian, quý vị tưởng chừng như là mình đã đi lạc vào một thế giới khác. Một sự thâm u, tịch mịch có thể nói là quý vị nghe rõ từng hơi thở nhẹ nhàng của chính mình. Trong cảnh thâm nghiêm này, ngoài tiếng chuông mõ tụng niệm thì không còn tiếng động nào khác nữa. Dù là mùa đông, bên ngoài gió rít mưa tuông nhưng ở đây vẫn u tịch.

*«Thăm thăm một hang lồng
bóng nguyệt»*

*«Gập gềnh mấy lối uống
thang mây»*

*«Chừng gian sơn còn đợi ai
đây»*

*«Hay tạo hóa khéo ra tay
xếp đặt».*

(C.M.T.)

Nhìn lên Chánh điện quý vị sẽ thấy sự kiến trúc hoàn toàn theo lối cổ. Đức Phật ngự trên tòa sen bàn giữa, hai bên có thờ các vị Bồ Tát La-Hán. Ngoài ra Chùa còn thờ các vị Tiên hiền, các vị Đại đức đã viên tịch nơi đây, ở bàn thấp thuộc hai bên tả hữu còn thờ nhiều vị nữa nào Quan Thánh, Tiêu Diêu.v... quý vị không thể biết hết được.

*Lần tròn hạt niệm Nam mô
Phật*

*Cửa Từ-bi công đức biết là
bao*

*Càng trông phong cảnh càng
yêu.*

(C.M.T.)

Chiêm ngưỡng xong, quý vị trở lại Tầng phòng bên tách

trà sen ngát hương, quý vị sẽ được nghe vị Trụ trì kể lại sự tích Chùa này :

«Nguyên vào trước đời Vua Gia Long, núi Phươg phi cũng như bao nhiêu núi khác, nhưng đặc biệt nơi này là một chỗ hết sức hoang vu u-tịch, hồ lang ác thú đầy dẫy, dân bản xứ không mấy ai dám bước chân đến. Người ta có đồn củi, chặt cây cũng chỉ dưới mép rừng mà thôi người nào dạn lắm thì cũng lên đến Hòn Đá Quán là cùng.

Nhưng một sự lạ lùng xảy đến vào năm Gia Long thứ bảy (1808) Hằng ngày có một tiêu phu, cứ đứng Ngõ thì đã thấy Người với gánh Củi, chẳng biết từ đâu đến nghỉ nơi Hòn đá Quán chờ đổi gạo? Người ta chỉ gặp Ông một vài lần đầu tiên và biết sự trao đổi tại nơi đây thế rồi những lần kế tiếp họ chỉ thấy gánh củi để sẵn và ai muốn đổi cứ việc để lại vật trao đổi rồi tự do đem gánh củi về. Do đó mà người ta đặt tên chỗ trao đổi là HÒN ĐÁ QUÁN. Người ta cũng chẳng biết ông là người ở đâu ? thế rồi hình dáng ông

cũng được xóa nhòa theo thời gian, dân bản xứ họ chỉ còn nhớ thường lệ sự đổi củi mà thôi.

Ít năm sau, người ta không còn thấy củi ở hòn đá quán nữa, dấu cũ đã rêu phong cả rồi, lúc đầu người ta cũng phân vân bàn tán, nhưng rồi thời gian đã trả lời cho họ yên trí rằng Lão Tiêu Phu đã chết... hoặc đi làm ăn nơi khác... Thật là giản dị và cũng dễ dàng phai mờ dần trong trí nhớ của dân chúng địa phương.

Bỗng một hôm việc đột nhiên xảy đến, dân làng được lệnh đi rước Chiêu Vua. Khi khai Sắc họ mới hay rằng lệnh Vua sai lập một ngôi Chùa tại núi Phươg Phi đề đền ời cứu mạng».

«Nguyên một hôm nhà Vua bị bệnh đau mắt rất nặng các Ngự y và danh y trong nước đều thúc thủ vô phương, bỗng một đêm nhà Vua mộng thấy một người ăn mặc như Đạo sĩ đem cho Vua một ly thuốc Vua dùng xong cảm thấy bình phục ngay, bệnh thuyên hai mắt sáng tỏ như xưa. Vua liền hỏi :

Khanh người ở đâu đến đây dâng thuốc cho ta ? Người ấy thưa : Dạ ! Thần là một Dật-sĩ ở núi Phươg Phi, đất Bình-Định lên Lê-Bang, nghe Bệ Hạ đau nặng nên thần đến đây dâng thuốc đề gọi là chút nghĩa Chúa Tôi. Nói xong người ấy biến mất. Tỉnh dậy, sáng ngày lâm triều Vua liền hỏi quần thần về vị trí của núi Phươg Phi thì đúng như mộng triệu. Vua bèn hạ chiếu xuất kho đề lập Chùa tạ đức cứu sanh. Nhưng khi sắc chiếu đến nơi, dân làng tìm không ra người nào đáng gọi là Dật-sĩ, họ liền mới nghĩ ngay là người Tiêu phu thuở nọ. Có lẽ người đã tu hành đắc đạo chẳng ! Dân làng mới kéo nhau lên núi Phươg Phi tìm khắp nơi thì thấy trên lưng chừng núi có một hang đá, bên trong chỉ vồn vện một chiếc bàn đá, một ghế đá, ngoài ra không có dấu vết gì nữa.

Bấy giờ dân làng mới lập Chùa phụng tự đặt tên là Chùa Ông Núi và sau này đổi lại là Linh Phong Tự. Nhưng dân chúng vẫn gọi là Chùa ÔNG NÚI cho đến ngày nay.

Lịch sử của ngôi Chùa là thế, giờ đây quý vị cứ tiếp tục cuộc viếng thăm. Ra phía sau Chùa trước tiên quý vị được ngắm các ngọn cỏ tháp, nó là di tích của các vị Sư tiền bối viên tịch ở đây, rồi tiếp tục trèo thêm một đoạn đường dốc bộ mười thước nữa quý vị sẽ được chứng kiến một di tích lớn lao mà chưa từng có trên những ngôi Chùa Cổ ở Việt Nam, đúng như lời chỉ dẫn của nhà Chùa.

Chùa ÔNG NÚI tuy lối kiến trúc chẳng khác gì các ngôi Chùa cổ kính khác, nhưng vì phong cảnh khá nên thơ, với tú nước non kỳ, bốn mùa mát mẻ lại mang thêm một di tích lịch sử cực kỳ huyền bí nên đã thu hút được rất nhiều du khách.

Đề kết luận tôi xin phép trích ghi lên đây một vài bài thơ mà các du khách đã cảm tác khi viếng Chùa :

Bài thơ sau đây là của Thầy Tú VÕ KIÊM một cư-sĩ ở làng Hưng trị quận Phù Cát như sau :

«Thạch đồng xưa tu nổi
 tiếng Thầy
 Thầy nay tuy vắng dấu còn
 đây
 Giữa Chùa ông Hộ, non xây
 đá,
 Cúng Phật vữa hương biển
 kéo mây,
 Nước nhỏ lon bon, chuồng
 dưới suối
 Gió rung lóc cóc mõ đầu
 cây
 Những người phiền não
 trường danh lợi
 Tới đó thời lòng cũng phải
 khuây».

Có một bài thơ rằng :

«Cây xanh lồng đá biển lồng
 mây,
 Ông Núi danh vang tự bấy
 chầy,
 Mộng bén ngọc sàng bia có
 đó,
 Đồi nương thạch đồng dấu
 còn đây,
 Lòng trần tỉnh táo câu kinh
 vắng,
 Nguồn đạo thơm thanh mạch
 suối đây.
 Chào đón xuân về hoa nở
 thanh,
 Giữa Chùa Sư cụ cũng thơm
 lầy.»

Và mới đây ông Hương Sơn
 một Nho sĩ ở Bình-Khê cũng



*Quand les riches se font la guerre, ce sont les pauvres
 qui meurent.*

*(Khi các kẻ giàu đánh nhau, mấy thằng nghèo bị vong
 mạng.)*

JEAN PAUL SARTRE
 (Le Diable et le Bon Dieu)

*Câu này có ý nghĩa tương đương với «Trâu bò húc
 nhau, ruồi muỗi chết» của V.N.*

NHẤT - LINH

con phượng-hoàng gầy cánh

□□□ NGUYEN-HỮU-TRONG

THẮM thoát kể từ ngày
 Nhất-Linh, một trong những
 người khai phá văn học thể kỷ
 XX năm xuống, đến nay đã tròn
 bảy năm.

Bảy năm qua, văn đàn Việt-
 Nam chính thức mất một tay
 kiện-tướng, chính giới Miền-Nam
 mất đi một kẻ nhiệt thành.

Đã hơn bảy năm, tên tuổi Nhất-
 Linh chính thức đi vào lịch-sử.
 lịch sử Văn-Học lẫn Lịch-Sử
 Đất Nước.

Hôm nay, nhân ngày giỗ thứ
 bảy của Ông, chúng tôi viết lại
 mấy dòng này để gọi là tưởng
 niệm, tưởng niệm một bậc đàn
 anh trong văn giới đồng thời
 cũng để tưởng nhớ một nhà cách-
 mạng có nhiệt tình.

Trong bài này, tôi chỉ nói đến
 một khía cạnh, đó là khía cạnh
 chính trị qua cuộc đời của Nhất-
 Linh. Sở dĩ tôi đặt vấn đề đối
 với Nhất-Linh trên bình diện
 Chính-Trị vì tôi nghĩ, trong lúc
 Nhất-Linh còn sinh thời, cũng
 như kể từ ngày ông mất đã có
 nhiều người trước tôi nó quá
 nhiều về ông trên lãnh vực văn-
 chương, vì thế nếu bây giờ nói
 về phương diện này tôi e ngại sẽ
 làm nhàm tai người đọc cũng như
 tự mình dẫm chân lên chỗ người
 khác đã đi chẳng? Lý do đó khiến
 tôi trình bày quan niệm Chính Trị
 của ông vậy.



Trong tiểu sử của Nhất-Linh
 Nguyễn-Tường-Tam, ngoài phạm
 vi Văn-Chương thuần túy ông

còn là một nhà chính trị lão thành nữa điều này không một ai không biết, song điều đáng nói ở Nguyễn-Tường-Tam ông tượng trưng cho một thế hệ đang lên, thế hệ của những lớp người trẻ muốn vươn lên trong ao tù của xã-hội và những thấp kém tầm thường của một giai đoạn lịch sử đen tối.

Nhìn về quá trình hoạt động trong chính trường chúng ta không khỏi khâm phục về những điều ông đã làm.

— Năm 1939, ông chính thức bước chân vào chính trường và thành lập đảng HUNG-VIỆT, tức Việt-Nam Dân-Chính. Sau một thời gian âm thầm hoạt động, đảng này sáp nhập Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng.

Cuối năm 1941, công cuộc đấu tranh chống Pháp đã đến thời kỳ nghiêm trọng, các cơ sở của những hội kín bị khủng bố thẳng tay, trong đó nhóm Tự-Lực Văn-Đoàn và xuất bản Ngày Nay phải đóng cửa. Nhất Linh trốn sang Trung-Hoa, ông bị Pháp lùng bắt và đến năm 1942, ông bị Pháp bắt được ở Liễu-Châu.

Trong khoảng thời gian bị giam tại đây Nhất-Linh làm quen với nhà cách-mạng Nguyễn-hải-Thần và Hồ-Chí-Minh. Ông bị giam ngót 4 tháng vì tình nghi hoạt-động chống chính phủ bảo-hộ.

Sau khi được thả ra, ông lại tham gia ĐỒNG-MINH-HỘI, ở đây ông học thêm Anh-Ngữ và Hán-Văn. Sau đó về Côn-Minh (Trung-Hoa) ông lại hoạt động trong hàng ngũ Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng và từ Vân-Nam ông liên lạc với các chiến-sĩ trong nước.

Giữa năm 1945, ông trở về nước cùng một số anh em quân nhân ở Cẩm-Giang, với ý định thành lập một phong trào chống chính phủ Thực-Dân Pháp, nhưng vì địa thế bất lợi nên Nhất-Linh lại bỏ dở và lên đường đi Côn-Minh và Trùng-Khánh. Năm này ông cũng đứng ra chủ trương tờ báo VIỆT-NAM, nhưng chẳng được bao lâu thì bị đình bản, sau đó ông lại lần đường sang Trung-Hoa một lần nữa.

Tháng năm 1946, ông lại bồi hường về Hà-Nội hợp tác cùng chính-phủ Liên-Hiệp Quốc-Gia Kháng-Chiến, với chức vụ Bộ-

Trưởng Ngoại-Giao.

Năm này Nhất-Linh đã cùng với Hồ-Chí-Minh và Hoàng-Minh-Giám gặp toàn quyền D'Argenlieu ở Vịnh Hạ-Long.

Sau đó ông lại cầm đầu phái-đoàn Việt-Nam tham dự hội nghị trù bị ở Dalat, với tư cách trưởng phái-đoàn, Võ-Nguyên-Giáp làm phó trưởng phái-đoàn; nhưng hội nghị này bị bế tắc, Pháp đề nghị mở hội nghị Fontainebleau ông lại được đề cử đi tham dự cùng với Phạm-văn-Đồng do ông làm trưởng phái-đoàn. Nhưng Nhất-Linh đã đoán trước sự thất bại của hội nghị này nên ông lại từ chức và lên đường sang Trung-Hoa. Đồng thời kể từ ngày ấy, Nhất-Linh chính thức không còn tham gia hợp tác cùng nội các của Hồ-Chí-Minh nữa.

Khi sang Trung-Hoa đến Côn-Minh rồi đi Nam-Kinh, xuống Hongkong ông gặp Bảo-Đại và phái-đoàn Mặt Trận Toàn Quốc ở đây.

Đến ngày 8 tháng 4 năm 1948, khi cựu hoàng Bảo-Đại ký hiệp ước với Pháp tại Vịnh Hạ-Long

thì ông bắt mối hoàn toàn với Chính-Phủ Bảo-Đại cũng như Hồ-Chí-Minh vì những âm mưu bất chính của họ, Nhất-Linh lại tìm cách từ giả chính trường.

Năm 1949, chiến-tranh Trung-Hoa đến hồi khốc liệt và cuối cùng Mao-Trạch-Đông chiếm mất lục địa, tại Việt-Nam tạo thêm hậu thuẫn chính-trị bắt đầu những âm mưu đen tối trong chính trường và đảng Cộng-Sản hiện nguyên chân tướng, Nhất-Linh chán chường lên đường trở về Hà-Nội rồi lên sống ẩn dật tại Dalat chờ đợi một cơ hội khác thuận tiện hơn.

Khoảng cuối năm 1951, ông vào Nam, tại đây ông thành lập nhà xuất bản Ngày Nay và bắt đầu tạo dựng uy tín của nhóm Tự-Tực Văn-Đoàn qua hình thức thành lập tạp chí Văn-Hóa Ngày Nay.

Năm 1958, Nhất-Linh đứng ra thành lập Trung-Tâm Văn-Bút Việt-Nam.

Năm 1960, Chính-Phủ Ngô-Đình-Diệm bắt đầu thực hiện một chính sách độc tài gia đình trị, ông cương quyết chống đối,

Nhất-Linh đã tham gia vào chính trường qua cuộc chính biến ngày 11 tháng 11 năm 1960 do tướng Nguyễn-Chánh-Thị cầm đầu, nhưng cuộc quật khởi của nhóm quân nhân cách-mạng này không thành, ông cùng một số nhân-sĩ khác phải lẩn trốn. Sau đó chính quyền Ngô-Đình-Diệm càng ngày càng tỏ ra độc tài hơn qua cuộc đàn áp Phật-Giáo Đờ năm 1963 Nhất-Linh bị theo dõi và cuối cùng bị đưa ra tòa án Đặc-Biệt xét xử.

Ngày 7 tháng 7 năm 1963, ông đã dùng thuốc Véronal để tự tử khoảng 12 giờ đêm và mất tại Y viện Đồn-Đất.

Di chúc cuối cùng của Nhất-Linh đã viết lại một đoạn khiến cho những người đời sau phải suy nghĩ khi nhắc đến tên ông.

Nhất-Linh đã viết ;

«Đời tôi, để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả.

Sự bất bớ và xử tội tất cả các phần tử đối-lập Quốc-Gia là một tội nặng, sẽ làm cho nước mất vào tay Cộng-Sản.

Tôi chống đối sự đó và tự hủy mình, cũng như Hòa-thượng

Thích-Quảng-Đức tự thiêu, để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.»

Trước những quá trình hoạt động trên chính trường của ông mọi người Việt-Nam yêu nước đều phải khâm phục tinh thần chiến đấu hăng say, ý chí sắt đá và lòng cương trực của một người quốc-gia, yêu nước chân thành.

Trong suốt cuộc đời, Nhất-Linh luôn luôn biểu tượng cho một sự tranh đấu không ngừng, ông đã tranh đấu trên mọi mặt, trong mọi hoàn cảnh.

Ngay trong lãnh vực học tinh thần đấu tranh đối kháng của Nhất-Linh cũng đã phát biểu quá rõ ràng. Những ngày còn chủ trương tờ «PHONG-HÓA» Nhất-Linh đã hô hào bài xích những tệ đoan xã hội qua những bí họa của hai nhân vật Lý-Toét và Xã Xệ đề châm biếm, dù là đứng trong giới bạn văn-chương, nhưng việc làm đó của Nhất-Linh đã nói lên quá rõ ràng tinh thần cải-tiến cốt giải thoát nhân dân Việt-Nam ra khỏi những cái vô thống trị nặng nề của ngoại bang.

Trong thời gian tham chính

trong chính-phủ Việt-Minh Nhất-Linh đã cương quyết chống đối mọi hình thức lường gạt, giả nhân giả nghĩa, những chiêu bài tốt đẹp của chính-phủ Hồ-Chí-Minh, thái-độ từ chức Tổng-Trưởng Ngoại-Giao của ông đã là một bằng chứng chính xác nói lên tinh thần ái-quốc của mình.

Chán chường với những thủ đoạn lọc lừa của trường chính-trị ông đã quay về với cuộc sống văn-chương, nhưng trong những ngày lui về cuộc sống ẩn dật đó ông vẫn không ngớt nuôi dưỡng tinh thần cách mạng và ý chí đấu tranh của mình. Bằng chứng là sau một thời gian sống bằng nghề thuật, hoàn cảnh đất nước lại rơi vào một giai đoạn đen tối quan trọng hình thức cai trị độc tài và sự hà khắc của chế độ nhà Ngô, không thể thụ động được nữa, một lần nữa Nhất-Linh lại dẫn thân vào sự nghiệp cách-mạng tranh đấu của mình qua cuộc binh biến ngày 11 tháng 11 năm 1960 của tướng Nguyễn-Chánh-Thị. Cuộc Cách-Mạng đã không thành lời cuốn theo sự gậy đổ của bản thân mà hậu quả sau cùng là ông bị theo dõi và truy tố trước tòa án, Nhưng, với tính khí của một người từng hoạt động Cách-

Mạng. Nhất-Linh cương quyết chọn cho mình một giải pháp, một hướng đi, ông đã chấp nhận cái chết và theo ông chỉ có cái chết mới có thể bảo toàn được tư tưởng cương trực của mình.

Ý nghĩa của việc ông tự hủy mình để chối từ một bản án do chính quyền nhà Ngô định đoạt phải được coi là một thái độ hy sinh chính đáng, một lối tự xử của những người có tiết tháo. Làm cách mạng tức là đã chấp nhận sự gian nguy, không quản ngại chết chóc tù đầy. Làm cách-mạng chỉ có ý nghĩa khi cuộc đời mình đã từng gian truân chìm đắm, đó là thực chất và định lý xác thực nhất của hai tiếng cách-mạng. Vì những nguyên ủy trên nên Nhất-Linh cương quyết chọn cái chết để bảo toàn lý tưởng của mình.

Có một số người khác không đồng quan điểm với giải pháp đó của Nhất-Linh, họ đã cho rằng làm cách mạng phải biết coi thường sinh mạng, chấp nhận những khổ ải gian truân có thể cuộc đời chính trị của ông mới có giá. Số người này quan niệm rằng ; Tại sao ông không chịu để cho tòa án nhà Ngô xét xử, dù là

bản án 10 năm hay 15 năm, việc đó không có giá trị với một con người theo mẫu Nhất-Linh, ông cứ chấp nhận nó một cách thần nhiên và nếu như thế thì cuộc binh biến thành công sau đó ba tháng tức cuộc Cách-Mạng 1 tháng 11 năm 1963 khi đó tên tuổi Nhất-Linh có phải được cao hơn không, vinh dự của toàn dân dành cho ông có phải nhiều hơn không, vì thế cho nên hình thức tự hủy của ông đối với số người này được coi như là một việc làm thiếu suy nghĩ.

Tuy nhiên, đó chỉ là một quan niệm của một nhóm người, theo tôi nghĩ thì việc Nhất-Linh tự hủy mình để bảo toàn lý tưởng là một việc làm đáng nhắc nhở.

Tại sao ?

Một lý do quá dễ hiểu là chính Nhất-Linh không muốn việc làm của mình để cho kẻ thù xét xử mà theo ông hành động của ông chỉ có thể để cho toàn dân cũng như Tổ-Quốc biết đến và ông nhất định tự hủy mình. Đồng thời ông cũng muốn tự mình làm công việc ấy để cảnh cáo những kẻ đã chà đạp lên mọi thứ tự do của con người.

Trong cuộc chính biến 11 tháng 11 năm 1960, ông đã trực tiếp tham gia nhưng chủ trương của ông cũng không có tính cách độc đoán và quá khích, đường lối chủ trương của ông không phải là nhằm vào mục tiêu lật đổ chính phủ Ngô-Đình-Diệm mà ông chỉ mong đợi ông Diệm phải thay đổi chính sách độc tài của mình bằng cách nên chấp nhận một đảng phái đối lập thực sự trong Quốc-Hội và nên mở rộng thành phần chính-phủ để những kẻ có thực tài có thể mang tài cán của mình ra phục vụ Quê-Hương Dân-tộc. Có làm được như vậy, chính phủ mới thực sự vững mạnh bởi tinh thần Đoàn-Kết Quốc-Gia. Nhưng ý kiến đó không được chính-phủ Ngô-Đình-Diệm chấp nhận, đáp lại chính quyền nhà Ngô còn tỏ sự độc tài, đàn áp mạnh mẽ hơn, và chỉ vì đường lối của mình đưa ra ngõ hầu cứu vãn những gì đang rạn nứt trong hàng ngũ quốc gia nhưng không cứu vãn được, nên hình thức đấu tranh cuối cùng của ông không còn phương thế nào hơn là việc tự sát.

Thấy như vậy thì việc Nhất-Linh tự hủy mình không có nghĩa là ông sợ hậu quả công việc mình

làm mà chúng ta coi đó như là một thái độ chống kháng tích cực nhất của một kẻ làm cách mạng, và việc ông chết được coi như một tai biến đối với những người quốc-gia thành tâm yêu nước, một kết quả đau thương ngoài sức tưởng tượng của con người và ông mất đi chúng ta coi như một con phượng vừa gãy cánh trên một vùng trời giống bão của Quê-Hương.

★

7 - 7 - 1963.

7 - 7 - 1970.

Bảy năm trường trời qua với



A — Hồi nhỏ, Pascal làm toán để tránh binh nhứt đầu.

B — Lạ vậy ? Tao thì hồi nhỏ bày ra nhứt đầu để tránh khỏi làm toán.

bao nhiêu đổi thay trong Lịch-Sử Dân Tộc với bao nhiêu biến chuyển của nền Văn-Hóa nước nhà, và cũng đã bảy mùa Xuân qua tên Nhất-Linh đi sâu vào Lịch sử Dân-Tộc và Văn-Học Việt-Nam. Hôm nay, kỷ niệm lần thứ bảy ngày Nhất-Linh nằm xuống ghi lại mấy dòng qua một vài cảm nghĩ của kẻ theo sau, tôi ước mong việc làm này đã nói lên phần nào sự ngưỡng mộ và kính trọng cũng như tinh thần tranh đấu của một người đã khuất.

NGUYỄN - HỮU - TRỌNG

15/06/1970

□□□

MINI DUÝP:

ngôn ngữ của cao trào cách mạng?

... TRẦN-TỬ

(phỏng theo Francoise Girond)

★ Số phận hẩm hiu của Mini-Duýp nơi xứ sở nông nghiệp Việt-Nam có sự hiện diện của người Hoa Kỳ trong chiến tranh

N GƯỜI VIỆT-NAM, văn-chương, báo chí Việt Nam mấy năm nay đã phải bận tâm không ít về cái gọi là Duýp — từ ngày nữ giới V.N cũng đua đòi với người Âu Tây bận duýp ngắn ngang đùi — Mini-Duýp. Sự bận tâm này, nơi nhiều người, có ý nghĩa của một sự lên án về mặt đạo đức luân lý, kết

án một cách tiêu cực. Kết án bằng một sự chế điều thâm lặng và trích thượng đối với một thiểu số không hội đủ điều kiện nhưng vẫn diện Mini Duýp một cách phản mỹ thuật, đại diện cho một quần chúng mất gốc, phi văn hóa... Việt.

Mini Duýp trong lòng xã hội Việt nam còn có ý nghĩa tương trưng cho cái «American way of life» (đời sống kiểu Mỹ). Bận Mini-Duýp, dưới một nhãn quan của người Việt-Nam.

Chỉ có lòng tự hào về văn hóa và đạo đức đặc chất nông

ngiệp làm khí giới chống lại người Mỹ chủ nhân của Mini Duýp, có ý nghĩa của một sự chạy theo vật chất và dục vọng hưởng thụ. Nghĩa là chạy theo người Hoa Kỳ, chạy theo vật dục...

Nói một cách tổng quát, chiến tranh và sự hiện diện của người Mỹ trên lãnh vực nhân bản đã làm cho Y Phục Thời Trang có một ý nghĩa đặc biệt đối với một quần chúng nông nghiệp. Súng đạn, chiến sự, áp lực của đời sống kiểu Mỹ đã làm cho ý nghĩa của Thời Trang bị sai lệch trước mắt người Việt. Bởi thế, người viết bài này xin làm cái công việc giới thiệu ý nghĩa của Thời Trang Y Phục, cái ý nghĩa chân chính của nó theo nhận định của một người Âu đủ thâm quyền để giải thích vì Âu Châu là quê hương của Thời Trang Y Phục. Là quê hương của Duýp phụ nữ, của Mini Duýp. Hơn nữa, người Âu này lại là đàn bà thuộc thành phần tiền tiến của nữ giới Âu châu chủ nhân của Duýp; ý kiến của đương sự vì vậy, phải có một ý nghĩa nào đó...

PHỒ-THÔNG — 249

★ Phản ứng của phe Bảo thủ chống lại đòi hỏi cách mạng của thanh niên qua Thời trang Y phục trên thế giới.

Cũng như bao giờ, các ông lớn lãnh đạo chúng ta ngày nay vì những lý do quan trọng hẳn hoi, phải nhìn chăm chăm vào cặp đùi của phụ nữ trẻ, thanh thiếu nữ. Những cặp đùi ấy sẽ cung cấp cho những vị nào biết cách «dịch» cái nguồn tin rất ích lợi nằm trên da thịt của chúng ngay trong một mùa xuân này, trước mặt...

Thời trang phụ nữ bao giờ cũng có một nội dung xã hội rõ ràng. Nếu kiểu Duýp phủ trùm đầu gối, kiểu tiết hạnh và đạo đức, mực thước mà được thanh nữ ưa chuộng và may mặc, chúng ta có thể tin chắc rằng Bảo-thủ, Phản động sẽ thắng sẽ dành được quyền lãnh đạo. Chắc chắn như vậy!

Một bộ phận của xã hội đã bị «sốc» vì được người ta chỉ cho thấy cặp đùi ấy tận đến chỗ có một cái tên khác, Rồi người ta tiêm vào cơ thể của

bộ phận này một chủ nghĩa nhục dục

Tự nhiên, một tương quan trực tiếp được thiết lập giữa cái chủ nghĩa nhục dục ấy với sự đòi hỏi giải phóng luyến ái của thanh niên, cũng bị trói chặt với cao trào bạo động quá khích của sinh viên, làm cho một số người nổi lên chống lại. Số phận bị «sốc» của xã hội thấy ở nơi đây—nơi chủ nghĩa nhục dục và đòi hỏi giải phóng luyến ái nam nữ—chỉ có một hiện tượng duy nhất... Họ đang phản ứng lại, kiểu theo nghĩa đen của động từ này.

Như ở pháp, Gilbert Abadie đã đứng ra chiêu mộ một lực lượng chống lại việc trình diễn màn đại nhạc cảnh «Hair» kéo thêm được một số người hưởng ứng. Đáng chú ý nhất là nhà chánh trị Claudius-Petit công nhiên tuyên bố ủng hộ Gilbert Abadie và lên án việc trình diễn một cách can đảm, không sợ bị chế nhạo...

Tiến trình của sự việc rất tin thề và cổ điển. Có một cái gì lực dục mạnh tiến một bước, hai

bước rồi mười bước.. Rồi phản ứng bùng nổ, tất cả nguồn sức mạnh của phản ứng được huy động vào hành động, cái đã lực dục kia sẽ phải lui... một bước hai bước: rồi phong trào sẽ đứng tại chỗ, dầm chân.

Bước lùi của chúng ta. Mini Duyp bây giờ tối tân...

Thời trang chỉ là một dấu hiệu, chỉ là một dấu hiệu trong vũ văn tác động của một xã hội, Một dấu hiệu khá quan trọng.

Với cá nhân, Y phục là một thứ ngôn ngữ, một tập hợp cái dấu hiệu người ta dùng để giới thiệu với thiên hạ con người của ta hay con người ta muốn thành, nghề nghiệp và có thể cả cấp bậc, chức vụ địa vị và thành phần xã-hội: Y phục cũng là những dấu hiệu nói lên sự quan tâm của người mặt trước con mắt nhận xét của thiên hạ và nhiều điều khác nữa.

Với tập thể, thời trang, của Y phục cũng là một thứ ngôn ngữ không kém hùng hồn...

* Sự xuất hiện của Mimi Duyp và việc thanh niên dành quyền quyết định đời sống xã hội của giới Lãnh đạo

Có thể nói là, trong vài năm trở lại đây — có thể nói là từ 1964 — 1965, đã có một hiện tượng quan trọng phát lộ ra:

Cho đến thời gian nói trên, sự thống nhất hóa Y phục của Nam giới và Nữ giới hình như đang làm cái công việc xóa tẩy hết những dị biệt xã hội. Những tiến bộ của Y phục may sẵn kết hợp với những sự tăng trưởng của mức sống, sự xuất hiện của những tạp chí Phụ-nữ và cái chủ đích hào hào một sự khiêm tốn và biết điều của các bà các cô giàu có phải biết điều trong sự chưng-diện có ý nghĩa triển lãm sự giàu sang... đang đi đến đích: tạo ra một thời trang cho tất cả.

Nếu Thời trang Y phục cho tất cả chưa phát hiện... là phải thúc tiến. Việc làm này đúng với phong trào tiến hóa của xã hội.

Thành phần thượng lưu

lãnh đạo tạo ra thời trang, bây giờ cũng như trước kia và sau này, qua báo chí, qua các nhà vẽ kiểu và các nhà may, cửa hàng. Nhưng đến nay, một thành phần đa số, trong một thời gian ngắn, đã xài được thời trang của thượng lưu, hòa đồng với nhau ở bộ vỏ bên ngoài. Có ai từ chối thời trang này không?

Sự thực sau đây rất có ý nghĩa: thời trang «tư sản», do tư sản nghĩ ra cho giới tư sản chưa bao giờ phải đóng vai trò đối tượng cho một «phần thời trang vô sản»; nghĩa là:

«Y phục vợ con và mèo của chúng mặc được, vợ con và mèo của chúng ta cũng có quyền mặc chứ?»

Suy rộng ra nữa, mọi người cũng phải được mặc chứ?

Rồi một kiểu Mini Duyp khác ra đời. Các bà, các cô, các tiểu thư chạy theo thời trang dĩ nhiên phải là dân có tiền, kiếm tiền dễ; Dám vứt mẹ nó cả hai phần ba túi áo lạc hậu. Tiền bạc chưa đủ để mặc đẹp và cũng không đủ để tạo một ý

nghĩa cho thời trang. Nhưng, với thói quen đạo đức giả, ta cũng bằng lòng cho rằng nó cũng giúp cho thời trang chút đỉnh trong việc tạo cho mình ý nghĩa...

★ Mini Duýp báo hiệu một xã hội không còn giai cấp tư sản, công nhân mà chỉ còn giai cấp Trẻ và giai cấp Vía ?

Tất cả những cái đó là ngày xưa. Cỗ lỗ xỉ lăm rồi. Thành phần đẻ ra thời trang không phải là giai cấp tư bản. Và cũng không phải là giai cấp công nhân. Đây là thanh niên... Giai cấp thanh niên bắt đầu trưng bày bộ đùi từ ngày cô Kiều Anh-cát-lợi Mary Quant đã có ý kiến sáng tạo và giới thiệu với nữ giới cái «Mini Duýp». Phải nói là Sáng tạo vì đây là một trong những phát minh của Y phục thời đại, tất cả những gì còn lại đều là sản phẩm chịu ảnh hưởng của quá khứ. Người ta cũng có thể khoái quá khứ chứ ?

Vậy là thanh niên đã tìm được — nơi cái Váy càng ngày càng ngắn — không phải là

một thứ y phục tiện lợi như loại blue-jean.

Mini Duýp, trước hết, là phương tiện xác định lý lịch thanh niên như là một giai cấp độc lập với giai cấp «vía». Mini Duýp còn là một cách từ chối hiện trạng sinh hoạt và vận hành của xã hội...

Đặc biệt quan trọng nhất, Mini Duýp là một vũ khí của một sự thách đố thuần chất đối với trật tự thế xác hiện tại ! Mini Duýp là dấu hiệu chứng tỏ rằng giới nữ trẻ tuổi đã dứt khoát vì cương quyết dành lại quyền tự do trên lãnh vực này, kể từ nay !

★ Bảo thủ phản ứng chặn Mini Duýp ! Thời trang y phục ngôn ngữ của phần vô thức của nhân dân.

Với thời gian, các thành phần nữ giới khác dần dần cũng theo Mini Duýp ; hay đi đường vòng tránh né Mini Duýp khi nó lên quá cao bằng cách chọn đưa em trong cao trào thách đố xã hội của Mini Duýp là cái Quần Tai Voi, thì

điều này cũng chỉ có ý nghĩa nói lên rằng ai là người đóng vai trò quyết định ?

Không phải thành phần lãnh đạo rồi đó, Không phải thành phần lãnh đạo đã tạo ra thời trang. Nó phải chịu đựng và chấp nhận Mini Duýp, thế thôi.

Tủ áo phụ nữ cũng nhất loại hết giá trị, Thanh niên khỏi có cần tủ áo. Thanh niên cứ mua y phục may sẵn mặc hàng ngày, mặc cũ đi và liệng nó đi rất gấp.

Do đó, thanh niên bao giờ cũng sẵn sàng để chấp nhận những đổi thay.

Bởi thế, người ta phải sẵn sàng chờ đợi...

Biết đâu ngày mai, người ta lại không trở lại với một thời trang đã từng được coi là «chic», là ê lê găng, là nốp bơn — vừa bị thanh niên Âu châu tế sống năm ngoái vì cái vô long trọng vẫn nên buồn như châu chấu ?

Biết đâu ? Tỷ dụ như ngày

mai đây giới thanh niên Việt nam ta đa số chề Mini Duýp và chọn lại thời trang Lơ Muya cũ kỹ (như đã chọn loại rộp ngắn cũn cỡn không cần biểu diễn cái eo), là ta phải hiểu rằng trên con đường thỏa mãn nhục dục của đại chúng, ngọn đèn đỏ đã được bật lên. Và có thể còn bật lên trên nhiều con đường khác nữa !

Cũng như trong hiện tại, Mini Duýp chưa phải là Thời trang của đa số ở Việt Nam.

Nên chưa có vấn đề phản ứng.

Thời trang đúng là cách thức thăm dò dư luận hay nhất. Vì nó nói bằng một thứ ngôn ngữ xa lạ với ngôn ngữ của các cuộc thăm dò. Vì ngôn ngữ của nó là tiếng nói của Vô Thức.

Bạn có thể tin rằng tiếng nói của Vô thức nhất định bao giờ cũng đúng !

□□□

Má hồng trong gió bụi

(Thiên tình sử náo nùng giữa nàng Emma và Nelson vị đại anh hùng của thủy quân Anh)

★ PHẠM-VĂN-SƠN

(tiếp theo kỳ trước)

NHỜ có Đại-đô-Đốc Anh quốc trật tự chẳng bao lâu được văn hồi ở vương quốc Naples — Để cảm ơn sự giúp đỡ của Đô-Đốc nhà vua đã tặng Đô-Đốc một thực ấp ở Bronte (vào hàng thực ấp của các Công-tước) dưới chân núi Etna và một số trên khoảng ngót một vạn livres.

Và từ ngày ở chiến hạm Foudroyant đổ bộ xuống Palerme hoàng-gia đã mở nhiều yến tiệc linh đình tại Điện Colli để khoản đãi các nhân vật người Anh. Trong các mảnh vườn tươi tốt, hoa cỏ xum-xuê người ta treo

đèn sáng rực như ban ngày và các nhà quý-tộc của Sicile đều có mặt rất đầy đủ, hoan hô vị cứu tinh của nền quân chủ.

Người ta đã khéo bày ra một sự ngạc nhiên để làm cho Đại-đô-Đốc Nelson vui lòng thêm nữa: Một nhà điêu khắc của địa-phương đã tạc-được bằng sáp tượng của Nelson lớn bằng tầm vóc thực. Trong thì nhận ngay ra vị anh hùng. Lại có tượng William dặt tới tượng nữ thần chiến thắng có những nét mặt giống Emma và sẵn sàng đặt vòng hoa Lauriers lên đầu Đô-Đốc — Thật là một biểu-tượng

đầy thành kính làm Bộ-Ba Nelson Hamilton và Emma rất cảm động.

Những ngày sống chung của ba người thật là êm ả đầm thắm và vị Công-tước de Bronte (Nelson) mới luôn luôn tỏ sự thân ái tha thiết với Hamilton. Có lần Đô-Đốc đã viết cho Emma: «Em và ông Hamilton đã cung tôi hết lòng khiến tôi phải nghĩ rằng tôi chỉ có thú sống với vợ chồng Em mà thôi... Tôi kính mến Em hết mực, tiếc rằng chúng ta không sớm gặp nhau...»

Sự giao-du thân mật của Nelson với Emma chẳng bao lâu được cả Âu-châu biết. Ở các đình đám các quyền môn, các nơi tụ họp của giới quý tộc, quân sự cũng như chính trị người ta xôn xao bàn tán chuyện giao du thân mật của Nelson-Emma. Người ta đặt cho chuyện tình này là cuộc tình duyên Pyrame - Thisbé, Antoine-Cléopâtre hay Roméo-Juliette. Người ta còn ác mồm, ác miệng dè bỉu, chê bai, báng nhạo rằng: Có Juliette đã gần bốn chục xuân xanh rồi, cô bắt đầu mập rồi, nhan sắc sẽ giảm bớt đi nhiều.

Tại Anh quốc Nelson bị phê bình gay gắt hơn.

Huân-tước Minto viết: Hình như Nelson không biết rằng vì cuộc tình ái lãng nhãng với Emma mà ông ta mất danh giá... Dù sao ai mà có thể ném đá vào vị anh hùng dân tộc đầu vào vị anh hùng ấy đang si-mê một người đàn bà đẹp.

Huân-tước Keith vì việc này sinh ra ghét Nelson đã phàn nàn Nelson muốn làm gì thì làm chẳng coi chỉ-thị Bộ Hải-Quân ra sao cả.

Nhiều kẻ buộc tội rằng Bộ ba Nelson, Hamilton, Emma đã nhúng tay vào vụ tàn sát rất dã man những người thuộc phe Nã-phá-Luân.

Rồi Ngày 1-3-1800 một hung tin đã bay đến cho Hamilton, ông bị bắt buộc về hưu và người thay ông đã lên đường.

Ông giận lắm và đưa ra những lời chua chát như sau: Tôi phục vụ hoàng-gia 36 năm liền rất nhiều công lao, hết sức chân thành, rồi chỉ một khoảnh-khắc tôi bị đá bật ra khỏi chức vụ. Thế là thế nào?

Nàng Emma cũng nổi dóa.

Nàng vào bệ-kiến quốc vương Ferdinand xui giở chồng ở lại Palerme. Nàng nói rảo riết, quốc vương phải to tiếng; rồi chính quốc vương cũng không dấu ý ngài là ngài cũng không

muốn sứ-thần Hamilton ở lại vương quốc.

Hoàng-hậu cũng bức đọc về vụ này nói bà cũng sẽ rời Sicile vì quốc vương đang tìm mọi cách đẩy bà ra khỏi chánh-trường. Bà sẽ qua Vienne (kinh đô Áo) và vợ chồng sứ thần sẽ cũng đi với Bà đến đây cũng thăm hoàng-hậu Áo là con gái Bà sau đó gia-đình sứ thần sẽ về Anh.

Còn Nelson, ông tỏ ra bỡ ngỡ, rồi đau buồn sắp phải cách biệt người yêu. Ông đề nghị lấy Soái-hạm của ông đưa các quý khách đến Livaurne rồi từ đây họ sẽ đi bộ đến Áo. Ông lại nhận sức khỏe kém sút và bị nhiều chiến thương xin nghỉ dài hạn.

Mặc dầu Huân tước Keith uất ức thấy Đô-Đốc dùng soái-hạm chở Hoàng-hậu vương quốc Naples và vợ chồng Hamilton, chiếc Foudroyant vẫn lên đường và đổ bộ lên bán-đảo. Nhưng khi các hành khách đã rời soái-hạm thì một tin không vui đến cho các người Anh là Nã-phá-Luân vừa đánh bại quân Áo ở Marengo.

Nelson phải làm sao đây ?

Liệu ông có thể đề các thân hữu của ông thả bộ đề gặp rủi ro giữa đường với đám quân Cộng-

hòa chẳng? Con người mà thượng liên quyết định đưa các bạn đến tận Vienne, và vài ngày sau họ đã đến Schoenbrun. Họ được tiếp đón linh đình trọng hậu, hết đại yến đến tiểu yến, nào là nghe hòa nhạc, nào là dự các cuộc đua thuyền v.v...

Nàng Emma lấy làm vui sướng lây về cái vinh dự thành phố Vienne đã dành cho Đô-Đốc Nelson. Còn Nelson, dưới mắt ông chỉ có Emma mà thôi, đành đắm-tiết từng có nghĩa gì !

Tuy vậy ở đây Nelson cũng không khỏi bị chỉ trích ngầm về mối tình bất chính giữa ông và vợ của cựu Sứ-thần Hamilton. Nhất là Emma bị kết án gay gắt hơn. Vị quý tộc James Harris nói :

Bà Hamilton là cái thá gì ? Tôi gặp thiếu gì người đàn bà như bà ta, thật là tầm thường trên hết mọi sự tầm thường, vậy mà...

Bà Boigne nói chen vào :

Ngoài cái khiếu thẩm mỹ thì Bà Hamilton có gì đặc biệt đâu !

Bà Minto tả đôi tình nhân một cách hài hước :

— Nelson chẳng thay đổi gì nhĩ ? Vẫn đầu bù tóc rối nhưng coi chừng mê Emma như không.

còn thấy trời đất là đầu nũa. Emma đi đâu cũng lôi ông ta như anh làm xiếc dắt con gấu ra trước khán-giả.

Con gấu, đầu sao vẫn thích người ta buồng lỏng — Nelson cầm chiếc khăn mũi của người đẹp một cách triu mến và hoan hỉ nghe nàng ca những bài nhạc ý khoái trí vô cùng. Ông ta có lẽ bất chấp dư luận mà còn có thể bất bình với những kẻ chỉ-trích nàng Emma của ông nữa. Tháng 9 năm ấy, sau khi giã biệt Hoàng-hậu Bộ ba lên đường về Anh quốc. Họ phải đi qua Đức — Trong những nơi dân chúng Đức, Emma thường bị công kích nặng nề, Nelson còn bị chê trách nghiệt ngã hơn và Hamilton được coi như một kẻ đáng thương. Tóm lại xã-hội Đức cũng không ai có ý rộng dung Bộ-ba này — Ông Bộ-trưởng Elliot phát biểu một ý-kiến cay độc rằng, Huân-tước Nelson là kẻ mù quáng vì tình, Hamilton thì tự nguyện mù quáng trước sự nham nhở của vợ.



Ngày mùng 2 tháng 11-1800, huy chương đầy người trong bộ quân phục trang trọng, người hùng Aboukir đặt chân lên bến Yarmouth giữa các tiếng hoan-

hô rap trời. Một chiếc tàu binh lớn đã đưa ông cùng vợ chồng Hamilton từ Hambourg về Anh. Trên hành lang đầy cờ xí phất-phới ông bước xuống, tiếng reo hò lại nổi lên. Đi sau là cựu sứ thần và nàng Emma lộng lẫy như một nàng tiên. Cả ba đều lên xe và vào kinh thành.

Tại đây một sự vui vẻ nồng nhiệt lan tràn và các nhà cầm quyền đã đón Nelson với tất cả mọi nghi lễ về danh dự đối với một anh hùng dân tộc. Riêng Huân tước Spencer có thái-độ dè-dặt trong cuộc tiếp đón.

Ông nói với Nelson :

Theo tôi, Đô-Đốc về Anh nghỉ ngơi có lợi cho sức khỏe hơn là nằm liên miên giữa một triều-định ngoại bang đầu được đãi ngộ trọng hậu để tri ơn Đô-Đốc.

Xét ra Spencer đã gián-tiếp tỏ ý không tán thành việc Nelson ở quá lâu đất Siciles và đó không phải là công việc thích yếu của một viên tướng ngành hải-quân. Dĩ nhiên Nelson cũng biết ở đây người ta khó chịu với ông thế nào đồng thời ông còn một sự buồn phiền nữa với bà Fanny là vợ chính thức của ông đã không thêm ra đón ông. Bà được mời đến dự bữa tiệc của chánh phủ mừng Đô-Đốc để tặng một thanh gươm

dan lì dự, nhưng bà từ chối. Bà tính làm dữ chẳng? Emma có vẻ lo ngại bà sẽ gây sự với mình. Sau một hạn hiền tình ý của đôi bên đã đứng ra giàn xếp nhờ vậy Fanny chấp nhận tới. Nhưng khi bà đến phòng khách thấy vợ chồng Huân-trước Hamilton đang chêm-chệ trong hàng ghế nhưng, bà liền té xỉu.

Nelson đã nghĩ gì về sự bất ngờ này?

Có lẽ ông cũng bị xúc động trước sự bị sỉ nhục của vợ nhưng bấy giờ ông chỉ biết có Emma là người yêu duy nhất của ông mà thôi. Emma quả đã hội đủ điều-kiện hơn Fanny về tài cũng như về sắc để níu cánh con đại bàng của Anh-quốc từng vùng vẫy oai hùng trên mặt các đại-dương, Hơn thế nữa, vài tuần trước đây Emma có nói với ông nàng đã có thai và Nelson là cha của đứa con tương lai đó. Ông mừng rỡ hết sức và đó là lý-do ông càng khó tách rời bà Hamilton.

Vào ngày lễ mừng Chúa giáng sinh ông đưa vợ chồng Hamilton tới Fontill Abbey là một cái ấp của bạn ông tên là Beckford. Ở đây người ta cũng làm một cuộc tiếp tân hết sức long trọng để đón vị anh hùng Anh quốc. Em-

ma cũng được hoan nghênh nhiệt liệt. Khi trở về Luân-Đôn vợ chồng nàng đến ở một khách sạn khu Piccadilly. Emma ưa nếp sống sa hoa đài các, tiêu tiền không có tính đếm, nên mỗi ngày công nợ một nhiều, William lại chưa được lãnh tiền hưu trí đầu đã làm đơn đòi hỏi chánh phủ từ nhiều tháng. Bà Hamilton phải bán các đồ trang sức để thanh toán các hóa đơn. Chồng nàng phải hy sinh cả các tượng điêu khắc cổ kính, các bức hình của các nhà danh họa mang từ Ý về trong đó có bức vẽ nàng Emma sau Nelson phải chuộc về để treo trong phòng riêng ở chiến hạm.

Giữa lúc vợ chồng Emma lúng túng, loanh quanh về tiền bạc, công nợ, Nelson tính ly-đi cùng vợ một cách vĩnh viễn các bạn thân đã ra công hòa giải mà không xong. Trong một bữa cơm tối bà Fanny đã giận dữ lớn tiếng tuyên bố với mọi người:

— Tôi đã quyết định rồi, Nelson chỉ còn có lựa chọn hoặc tôi hoặc mụ khốn nạn kia.

Nelson phản đối:

— Bà nên thận trọng lời nói. Tôi thật tình vẫn yêu bà, nhưng tôi không thể quên phận sự của

lời đối với bà Hamilton, đó là chưa kể đến cảm tình và lòng ngưỡng mộ của tôi đối với bà.

Đối với bà Nelson, lời đó là hết rồi. Không chịu đựng được hơn nữa, bà đứng dậy bước ra khỏi bàn. Thế là hoàn toàn tan vỡ. Và bà vợ bị phụ tình từ đó về ở Brighton hàng tháng lãnh một số tiền phụ cấp của chồng. Còn Nelson, ông trở lại với ham đội ở Plymouth. Không còn nghĩ gì đến sự đau khổ của bà Fanny. Nếu ông buồn là phải rời Luân-Đôn vào giờ đưa con của bà Hamilton sắp ra đời.

Từ mấy tuần lễ qua Emma thấy mệt-mỏi.

Nàng không ra khỏi giường, cáo mình bị bệnh sốt rét nặng. Hamilton vẫn có thái-độ khoan dung làm ra bộ không biết gì về căn nguyên bệnh tình của vợ cũng như không để ý đến sự đi lại của cô mụ và bác-sĩ đến lo việc hộ sản.

Dầu sao thì Emma cũng không thể đẻ đứa nhỏ đó ở khách sạn Piccadilly. Nàng giao nó cho một người vú và khi đã bình phục nàng cho đem đứa gái nhỏ xinh đẹp ấy ra ngoài thành Luân-Đôn giữa một đêm tối.

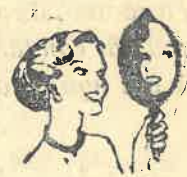
Tin nàng đã sanh đem lại cho

Nelson một sự vui mừng rất lớn. Ông đã viết thư cho Emma bày tỏ sự vui mừng của ông nhưng để giữ bí-mật cho khỏi sự nhĩ mục quan chiêm ông đã lấy danh hiệu là Thompson trên bức thư.

Một ngày khác, ông yêu cầu Emma đặt tên đứa nhỏ đó là Horatia lấy cha đỡ đầu là ông và mẹ đỡ đầu là bà Hamilton. Kèm theo những lời vẫn rất thắm thiết như sau:

«Emma rất yêu quý của anh. Em hẳn biết rằng anh sẽ không bao giờ từ chối một việc gì ở trên đời này để chúng ta có thể sống chung với nhau và có bên chúng ta đứa con gái quý báu hết sức của chúng ta, Anh đã yêu và chưa bao giờ yêu ai trước em. Anh chưa bao giờ được biết một tấm lòng yêu đương nào nồng đượm như ái tình của em. Lạy Chúa, xin Chúa đừng cho ai hưởng cái hạnh phúc như Chúa đã đưa lại cho Con.»

(Còn nữa)





Đêm buồn

đêm nên trời hôm nay muốn vì sao.
 đêm trong lòng hôm nay nỗi buồn nào
 đã tàn phá niềm vui từ thuở trước
 đã dắt hồn mình ra giấc chiêm bao.
 gọi nắng rằm tháng ba chơi với
 gọi tên người đã xa xăm rồi.
 Buông xuôi bên đó người có biết
 đêm vắng riêng mình thương không người
 đã dặn mình đừng bao giờ vu vơ
 nghĩ mông lung rồi bước loạn khật khờ
 đừng rêu rắt như ve sầu rền rĩ
 đừng u buồn như dáng ai trong thơ
 nói với mình đừng ngóng trông sơn khê
 đừng ước mơ, đừng khao khát khi về
 bởi quả đất còn lăn tròn lăn mãi
 nên ta với người cách ngăn lê thê

PHAN-THỊ-MAI
 (Ban mẹ thuộc)

TÙY BÚT

TIẾNG MƯA ĐÊM

*** MỸ DUNG

(trao về Tuyết-Hoa và các bạn có cùng một tâm sự)

ĐÊM nay mưa lạnh về cho
 buồn giăng mắc khắp không
 gian... Thảo ngồi nhìn hạt mưa
 rơi bên song cửa sổ của ngôi nhà
 nhỏ miền biên giới mà mơ ước
 viễn-vong, đề rồi buồn lại đến...
 Buồn càng đi sâu vào lòng Thảo
 hơn.

Trời càng về khuya, tiếng mưa
 càng nặng hạt và thanh thót, âm
 thanh khoan nhặt như một bản
 nhạc buồn ai oán. Phải chăng
 mưa là cái buồn của Trời Đất,

còn nước mắt chính là cái sầu của
 thế nhân?

Thảo không biết, mà có lẽ
 cũng chẳng làm gì!!! Thảo tự
 hỏi và tìm xem trong mưa có
 những gì... Tại sao lại có lắm kẻ
 nhìn mưa rơi mà thương cảm
 dâng đầy? Những cái bể bàng
 của ngàn cảnh trong cuộc sống?
 Những cuộc chia ly nhiều nước
 mắt? Hay...

Không hiểu lúc Thảo được
 sinh ra đời, ai đã ban cho Thảo

một tấm lòng mềm yếu dễ làm gì nhỉ ? Thảo đã buồn vì hoàn cảnh hay tự nhiên thấy buồn... Khi có sự tan vỡ của một đôi lòng xa lạ. Họ ặc sầu lằng lằng vì nghe một câu chuyện bẽ bàng.

Đôi khi Thảo cũng thấy mất mình rưng rưng lệ lúc một cơn mưa trút xuống dù Thảo ở nơi nào, thời gian và không gian nào cũng mặc. Mỗi lần mưa đổ là mỗi lần Thảo bồi ngùi, tâm trạng ấy làm Thảo buồn vô tả... Buồn mà Thảo vẫn không biết tại sao Thảo buồn ! Đường như trong tiếng mưa rơi có một cái gì... Khiến Thảo buồn vậy !

Bên ngoài, mưa vẫn rơi tưởng chừng như chẳng bao giờ dứt tạnh. Nếu là một người ôm một tâm tư buồn trĩu nặng, mới nhận thấy được cái sầu lai láng qua tiếng mưa đêm

Mưa chính là một ngòi bút vô tư, đánh dấu bước đi của thời gian và mưa cũng có nghĩa là cái phút mà thời gian đứng dừng lại để con người trả về dĩ vãng :

*« Bao nhiêu đau khổ của
trần gian
Trời đã dành riêng để tặng
mình
Thôi thì hồn trách làm chi
nữa... »*

Chỉ chuốc cho tâm lắm hận buồn



*Ta cứ xem là chẳng có chi
Thân ta một kẻ phượng
chưa định*

*Cuộc đời có lẽ trong cơ khổ
Sống để rồi đây chịu thiệt
thời...*

Thì ra vòng bánh xe định mệnh chỉ lăn theo chiều hướng của tạo hóa đặt bày cho một kiếp người. Không ai có thể bẻ ngược chiều vết xe lăn để đưa về nơi mưu sự của thế nhân. Nghĩa là trong chúng ta hiện thân của một sinh vật trong vũ trụ chịu dưới quyền tối cao của Thượng-Đế. Thì không 1 ai với lý do gì mà có thể đảo lộn được vòng bánh xe định mệnh cả... Cũng như không thể nào tự thay đổi được số phận mình.

Như thế có phải chăng, những gì đã đến với đời mình dù chỉ đến bằng một giấc mộng hào huyền, cũng khó mà chôn sâu nó xuống huyết thời gian ? ! Tuy rằng có lúc thời gian là liều thuốc tiên hàn được bao vết thương nhân thế. Nhưng lắm khi thời-gian lại không thể xóa nhòa được những kỷ-niệm êm-dềm bất diệt của lòng người. Chính cái

khó quên ấy... đã gây ra bao nghịch cảnh thương sầu, bao mái đầu gục ngã đè ôm hận nghìn thu — Vạn mối tru-tư dâng cảm khi có một cái gì... khơi lại kỷ niệm thời quá khứ hay những tâm sự u buồn...

Riêng Thảo không biết tại sao ? Tại sao ? Tình cảm Thảo rất bén nhạy... Thường chuốc lấy chuyện tha-nhân mà đem đến lòng mình bao nỗi tiếc thương, khi chuyện của mình còn dằn vặt trong tâm. Thảo sao dễ xúc cảm vô cùng ?? Điều bình với những cơn mưa... Thế-nhân có bao người nhìn mưa rồi lại buồn lằng lằng mà thấy thích trong lòng như Thảo không ? thật tâm-trạng khó tả (Hay chỉ mình Thảo trời đã ban cho 1 tấm lòng đa sầu đa cảm nên đối với Thảo mưa tuy buồn lắm... nhưng mưa, đôi lúc giúp Thảo vui bớt u sầu qua những giọt mưa rơi). Với ý nghĩ thăm-kín, Thảo tưởng tượng những hạt mưa như là những giọt nước mắt của Thảo. Tự đáy lòng bao phẫn nộ nện cạn dần... để rồi « Sau cơn mưa trời lại sáng » Thảo cảm thấy sung-sướng vô cùng...

Bấy giờ lòng Thảo trở nên vui thích lạ, tâm-hồn thanh thản như 1 tội nhân vừa thoát chốn ngục tù, như 1 cánh chim vừa

tìm được tự-do với khoảng trời xanh mây biếc — muốn bay nhảy tung-tăng bầu lấy lại nếp sống bầm-sinh của mình.

Dù rằng mưa chỉ đem đến rồi buồn cho những kẻ nhiều tình-cảm vu-vơ, người mang tâm-sự thương đau... Thảo có phải là một trong những người đó không, mà sao lại buồn trong những trận mưa về... ? Phải hay không với thời-gian qua và hiện-tại đã chứng-tỏ rằng : bắt đầu mưa đổ đến lúc mưa tạnh. Thảo chỉ ngồi trầm-ngâm, gần như bất động đôi mắt buồn nhìn xa xăm — như muốn gửi tâm-tư vào mưa cho vui niềm khổ hận hay nuôi-tiết việc gì... Thảo khi ấy, dường như không còn là Thảo nữa. Tâm hồn thả tận đâu đâu, thỉnh-thoảng vài giọt lệ lăn dài trên má, buông tiếng thở dài hay gục đầu nén tủi hờn vương vấn tấm lòng côi.

Tiếng mưa thưa dần, không gian càng tĩnh-mịch tăng thêm vẻ u hoài, nào ruột của tiếng nhạc mưa buồn muôn thuở đó. Thảo yêu thích và say mê làm sao ấy... những trận mưa về mùa Thu, Hạ nhất là những trận mưa đêm trong khung trời thanh vắng của ngày xưa, bây giờ và cả ngày sau nữa...

(Tịnh Biên 23-6-69)

Đêm dài

Đêm lặng-lẽ, tiếng côn trùng thồn thức
Gió hắt-hiu, lạnh lạnh gió xuân về
Ôi ! đêm nay tôi cảm thấy dài ghê
Hồn khắc-khoải, lịm đau chờ trời sáng

★

Đêm sao khuya, sạo dài như vô hạn
Sao chưa tàn còn nằm đó đêm oi l.,
Hồn thương đau, trôi nổi giữa ngàn khơi
Đời là khổ ! nên nhiều đêm không ngủ

★

Tôi ! — như xác bướm tàn ủ rũ
Mãi cho khuya tôi mới nhớ đến mình
Muốn hỏi gì mà tôi vẫn làm thinh
Sao thế nhỉ ? — Em ơi ! buồn lạ quá. . .

★

Nhớ chàng em, ngày xưa tôi bẻ lá
Thắt vòng hoa cài lên tóc em yêu
Và đêm nay tôi lại nhớ em nhiều
Buồn quá nhỉ đời mình sao lại thế

★

Em hỡi em, ngày xưa mình kẻ-lẽ
Chúng mình yêu, anh yêu lắm em ơi !
Rồi hôm nay đôi lứa cách đôi nơi
Anh ở lại với đêm dài năm tháng

PHAN-VĂN-VIÊN
(Qui-Nhơn)

Quái-Đàn Tây-Phương

★

RỪNG CỎ QUI

của JOSEPH PAYNE BRENNAN (1)

GIANG TÂN dịch

TÔI được dịp quen biết với Canavan cách đây hai chục năm, vào lúc chàng từ giả Luân-Đôn để đến định cư ở New Haven. Đến nơi đây, Canavan mở một tiệm mua tất cả những sách vở cũ.

Vốn liếng của chàng không khá mấy vì vậy chàng chỉ có quyền thuê được một căn phố ở ngoại ô thị xã. Đó là một ngôi nhà cũ kỹ.

Thường thường, vào suốt buổi sáng tôi phải làm việc nhưng chiều đến tôi luôn luôn có mặt ở tiệm sách của Canavan, giờ hết cuốn này đến cuốn kia xem qua những hình ảnh

lạ. Canavan cũng chiều theo sở thích của tôi. Chàng cũng biết là tôi không được giàu có lắm nên chàng cũng tỏ ra vui vẻ dù tôi có đến làm phiền chàng, đến tiệm chàng xem sách chán rồi lại bỏ đi mà không bao giờ mua lấy một cuốn nào cả.

Thật ra, chàng có ý vui vẻ thấy sự có mặt của tôi cạnh chàng. Tiệm sách của chàng xem chừng cũng thừa khách nên tôi thấy chàng luôn luôn cô độc. Có khi công việc không có gì, chàng còn pha trà rồi cả

(1) «Canavan's back yard» — trích trong tập «Nine horrors and a dream»

hai đứa chúng tôi ngồi hàng giờ nói chuyện về sách vở. Canavan, dáng người nhỏ thó, gầy ốm, lưng hơi còm, cặp mắt xanh sau cặp kính vuông, gọng bằng thép. Công cuộc buôn bán của chàng thật ra cũng chẳng đem lại lợi lộc gì cho chàng nhưng Canavan tỏ ra vừa ý với số phận của mình lắm.

Nhưng rồi, niềm hạnh phúc yên ả của chàng cũng chấm dứt vào cái ngày mà chàng bắt đầu ngấm hàng giờ ra phía sau cái sân của nhà chàng. Đó là một đám đất thật rộng với cỏ, gai mọc hỗn loạn. Hàng rào mục nát bao-quanh làm cho quang cảnh càng thê lương hơn. Luôn luôn tôi tự hỏi là vì sao Canavan không thuê người phát quang rừng cỏ này đi.

Một buổi chiều nọ, lúc đến tiệm, tôi không thấy bóng dáng Canavan. Tôi đi lần theo một con đường hẹp ở phía sau tiệm, nơi Canavan thường thu xếp sách vở. Lúc tôi bước tới, tôi thấy Canavan đứng ở cửa sổ, đưa mắt nhìn ra sân cỏ.

Tôi định lên tiếng nhưng rồi lại thôi vì không muốn phá rối

sự im lặng của chàng. Tôi để ý đến sự hiện diện của tôi. mãi mê chứng kiến một cảnh kỳ lạ nào đó. Trên mặt chàng hằn lên những đường nét kỳ lạ, vừa lo âu, vừa bàng hoàng vô định. Khi chàng nhận thấy sự hiện diện của tôi, Canavan có vẻ sửng sốt, mắt nhìn chăm chăm vào tôi, xem tôi như một người lạ mặt.

Gần một phút sau, chàng mới tỉnh trí nở nụ cười thường lệ, đoạn chàng chớp chớp mắt rồi nói :

—Cái sân này kỳ lạ thật ! Mỗi lần tôi ngấm xem cái sân này trong một thời gian khá lâu tôi có cảm tưởng như nó rộng ra thêm nhiều mẫu nữa !

Canavan không nói gì nữa. Tôi cũng vội quên câu chuyện. Và tôi cũng không nghĩ rằng chính cái màn mờ đầu này là khởi sự tấn thảm kịch sau này.

Cũng từ ngày hôm đó, mỗi chiều, khi đến thăm Canavan, tôi lại bắt gặp chàng ở sau tiệm. Chàng vẫn đứng ở cửa sổ, mắt chàng vẫn đắm đắm nhìn ra khu rừng cỏ ở cái sân phía sau nhà.

Chàng vẫn im lặng trong

nhiều phút dường như không để ý đến sự hiện diện của tôi. Tất cả tâm trí chàng như đang tập trung vào cảnh kỳ lạ trước mắt chàng. Tôi giả vờ chẳng háng thật mạnh lên mấy tiếng cổ ý để làm cho chàng quay mặt lại.

Khi chúng tôi nói đến chuyện sách vở, tôi mới nhận thấy chàng tỉnh trí lại. Ngoài những phút bàn luận đó thì tâm trí của Canavan lại gởi vào khu rừng cỏ ở cái sân rộng mênh mông sau nhà.

Đã nhiều lần tôi định chấp vấn chàng về vấn đề đó nhưng kỳ lạ, tiếng nói chưa hề thoát khỏi môi của tôi. Vì sao Canavan cứ mãi mê ngấm nhìn khu rừng cỏ hoang ở phía sau nhà ?

Tôi vẫn giữ im lặng. Nhưng về sau, chính vì sự im lặng đó tôi đã phải nhận chịu một sự hối hận suốt đời.

Công việc làm ăn của Canavan chẳng thấy tiến bộ một chút nào, xem chừng càng ngày càng suy sụp thêm. Hơn thế nữa, sức khỏe của chàng mỗi ngày lại yếu kém hơn. Lưng chàng còm thêm chút nữa.

Chàng mất cân rất nhiều. Mắt chàng vẫn còn long lanh sáng nhưng tôi nhận thấy tia sáng đó là do hậu quả của những cơn sốt bệnh tật mà không phải do sự háng say nào.

Rồi một buổi chiều nọ, tôi không tìm thấy chàng ở trong tiệm mà cũng không thấy chàng ở phía sau tiệm. Tôi nghĩ rằng chàng có một việc riêng gì làm ở phía sau. Tôi bước lại cửa sổ, nhìn ra khu rừng cỏ.

Vẫn không thấy bóng dáng Canavan. Tôi ngấm nhìn đám cỏ, bụi cây gai góc. Một cảm giác buồn thảm lạnh lạnh tự nhiên ám ảnh lấy tâm hồn tôi. Cái cảm giác đầu tiên đến với tôi là muốn rời xa ngay nơi này nhưng dường như có một cái gì cản ngăn tôi lại. Tự nhiên tôi sa vào vực thăm đó. Có lẽ một phần trí óc của tôi muốn khám phá cái lý do kỳ bí nào đã đưa tôi vào cái cảm giác kỳ lạ kia. Như vậy nghĩa là tôi vẫn còn tỉnh trí. Phải chăng cái cảnh kỳ lạ trước mắt tôi đã làm một phần tiềm thức của tôi chìm đắm vào một biên giới kỳ dị.

Tôi vẫn đứng lặng như trời

trông. Những ngọn cỏ cao phát phơ theo chiều gió. Những cành cây khô chết vể lên những hình đen bất động trên khu rừng. Không một cánh chim. Không một con bướm bay qua trên đám cỏ, nơi đây như thiếu hẳn một sự sống.

Tuy nhiên tôi vẫn nghĩ rằng có một cái gì kỳ lạ đang diễn ra trước mắt tôi. Có cái gì kỳ lạ thật và nếu tôi ngắm kỹ có lẽ tôi sẽ tìm ra câu giải đáp. Ngắm lâu vài phút, tôi có cảm giác dị kỳ là dường như có một sự biến đổi. Cỏ cây vẫn không có gì thay đổi nhưng kích thước cái sân như lớn dần ra. Đầu tiên, tôi nhận thấy cái sân dài thêm. Nó choán ra đến nhiều mẫu tây. Và mỗi lúc cái sân đó lại chạy dài thêm nữa tưởng chừng tôi phải mất rất nhiều giờ mới đi hết cái sân đó.

Tự nhiên tôi có cái nao nức là xông mình vào khu rừng cỏ đó, cầm đầu đi thẳng cho đến khi đi hết khu rừng. Trong lúc đó, tôi bỗng bắt gặp Canavan. Chàng lăm lúi giữa đám cỏ cao, trông vẻ bơ phờ mệt nhọc. Gai góc bám vào quần áo chàng,

những sợi cỏ còn quấn lên hàng giày đôi giày của chàng. Mắt chàng nháo nhác nhìn khắp mọi hướng. Cứ trông bộ điệu của chàng thì người ta nhận thấy chàng dường như đang chuẩn bị muốn lao lại vào đám cỏ mà chàng vừa thoát chân ra. Tôi đập tay mạnh vào cánh cửa có ý để làm cho chàng chú ý đến sự hiện diện của tôi. Cặp mắt chàng bắt gặp cặp mắt của tôi. Chàng lấy lại bình tĩnh sau đó. Và chàng đứng thẳng người đi về nhà. Tôi vội vàng mở cửa cho chàng. Chàng bước mau qua cánh cửa, để thân mình rớt vào chiếc ghế bành.

Tôi bước theo chàng. Canavan mở mắt, giọng nói yếu ớt:

— Frank ạ ! Cho tôi uống nước trà. Tôi làm theo lời chàng Canavan uống nước và vẫn im lặng.

Tôi biết là chàng quá mệt nên không thể nói cho tôi nghe tất cả những gì đã xảy ra.

Tôi từ giả chàng và dặn chàng không nên ra ngoài nữa.

Chàng gật đầu nhưng mắt vẫn nhắm.

Qua ngày hôm sau, tôi đến

thăm chàng. Canavan đã lấy lại sức nhưng nét mặt vẫn còn tiêu tụy đến trong thấy. Chàng vẫn không nói một lời nào về chuyến mạo hiểm hôm qua. Suốt một tuần lễ dài, tôi nghĩ rằng Canavan không còn nghĩ gì về khu rừng cỏ đó nữa.

Nhưng vài ngày sau đó, tôi lại bắt gặp chàng đứng tần ngần ở cửa sổ sau tiệm, nhìn ra khu rừng cỏ. Cái cảnh kỳ lạ kia lại tái diễn. Tôi thăm hiểu khu rừng cỏ kia đã ám ảnh hết trí óc của Canavan.

Lo lắng cho sức khỏe và công việc của chàng, tôi bắt đầu ngỏ vài lời khuyên răn. Tôi cho chàng biết là tiệm của chàng bắt đầu vắng khách rất nhiều. Tôi khuyên chàng nên lo khai thác việc làm ăn đừng để mất nhiều thì giờ ngắm xem khu rừng cỏ làm gì. Cứ mãi mê ngắm khu rừng cỏ đó, chàng dễ bị ám ảnh mà sinh ra bệnh. Hơn nữa, sức khỏe của Canavan bình thường cũng đáng lo ngại lắm rồi. Nói xong những lời đó, tôi muốn đi đến kết luận là muốn chàng kể lại những gì đã xảy ra trong buổi chiều mà tôi bắt gặp chàng lăm lúi trong đám cỏ hoang dại kia.

Canavan lấy cặp kiếng ra khỏi mắt, thở dài, rồi chậm rãi :

— Frank ạ ! Tôi hiểu rõ tâm lòng của anh. Nhưng thật ra, cái sân này, khu rừng cỏ này hiện bao trùm một cái gì bí mật lắm kia ! Tôi thề là phải khám phá cho ra sự bí mật đó. Tôi chưa biết nói sao đây ? Có lẽ ở đây là vấn đề khoảng cách, vấn đề kích thước. Nhưng dù sao, tôi cũng phải tìm cho ra câu giải đáp. Đây là cả một sự thách đố cho cả cuộc đời của tôi. Nếu anh có nghĩ rằng tôi đã loạn óc, tôi đành chịu vậy nhưng tôi không thể nào yên tâm, yên trí nếu tôi vẫn chưa tìm ra lời giải đáp.

Canavan lại mang cặp kiếng vào mắt. Chàng nhú đôi mày trước khi kể tiếp câu chuyện.

— Chiều hôm ấy, sau khi đã mãi mê ngắm khu rừng cỏ, bỗng nhiên có một cái gì thúc đẩy tôi phải hành động. Tôi mở cửa bước ra sân. Tôi lao vào khu rừng cỏ với ý chí nao nức là đi tìm biết. Tôi cứ bước đi mãi. Nhưng càng bước về phía trước, tự nhiên tôi cảm thấy lòng cô đơn hoang lạnh

lạ thường. Tôi muốn quay trở lại nhưng kỳ lạ là tôi đã không thể làm theo ý muốn của mình. Tôi nghĩ rằng anh khó có thể tin những lời tôi đã kể lại với anh, nhưng tất cả những gì tôi đã nói là cả những sự thật.

Lúc đó, đầu óc của tôi mất hết cả sự nhận định về phương hướng. Tôi không biết nên đi theo hướng nào. Những cây cỏ này mọc quá cao, cao hơn ý mình vẫn tưởng tượng. Lúc đã lọt vào khu rừng cỏ thì cỏ thì không còn thấy trời đất

gì nữa !

Tôi đã đi trong rừng cỏ đó suốt hai hoặc ba tiếng đồng hồ. Tôi có giác như cái sân này mỗi lúc mang những hình dáng kỳ lạ. Tôi có cảm giác như cái sân đó thay đổi kích thước mỗi khi tôi bước chân lên, do đó lúc nào tôi cũng thấy trước mắt mình một khu rừng rộng mênh mông. Có lẽ nào tôi đã đi vòng quanh trong khu rừng cỏ đó ? Quả thật tôi đã bước đi trên cả chục cây số !

(còn nữa)

Da Đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, nắng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiếm giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sống chế được thứ kem và phấn vừa đề trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.



Vùng trước mặt

Nắng lờ mờ buổi chiều nghiêng ngửa chết
đường về thôn gai kẽm cỏ um tùm
ta thét vang sa mạc lòng hiện-hữu
dưới xa xăm ngàn núi khói mây đùn
Chân dẫm mạnh đi trên vùng Tử-địa
mùi tanh hôi thây chết ngồn ngang nằm
đạn hân sâu xác sinh xi rĩ máu
Gục ngã rồi tay vẫn súng dao găm
Ta cười khan với Đông về gió thổi.
nhìn đăm đăm cảm hơn lũ ngủ say
lệ bông nhỏ trên môi khó lưỡi đắng
thiết tha thương ta kẻ gọi «chúng mày» !
Rồi qui xuống vuốt ve từng khuôn mặt
da xám đen mái tóc hãy còn xanh
lâm râm nguyện cho hồn người yên nghỉ
Xót xa ngâm bài thơ «hận sông Gianh»

DIỆP-VŨ

(Quảng-Ngãi)

MỘ CỦA VUA

QUANG - TRUNG Ở ĐÂU ?

★ ĐÔNG-TÙNG

NÓI về Quang - Trung Nguyễn-Huệ, đã có kẻ quả quyết rằng Quang-Trung chết yểu (39 tuổi) không những là vô phước cho nhà Nguyễn Tây-sơn, mà trời đất quỷ thần cũng đang tay đỡ nước khế lên đầu dân-tộc Việt-nam nữa. Vì rằng, nếu Nguyễn-Huệ không bị chết yểu, thì Lịch-sử Việt-nam sẽ không có Nguyễn-triều (1802-1885) Và cũng không có thời gian Pháp thuộc (1884-1945). đồng thời cũng không có luôn cả cuộc chiến-tranh Việt-Pháp kéo dài 9 năm di hại cho tới bây giờ mà chưa làm sao chấm dứt được.

Nếu Nguyễn-Huệ không chết yểu, với đức và tài về quân sự và chính trị của ông, Á-Đông này sẽ

có hai nước Nhật-bản.

Một nhân vật lịch sử như Quang-Trung mà chẳng may bị chết yểu để giang sơn xã tắc lại cho một đứa con dầm dệu chưa quá mười tuổi, để rồi mấy năm sau đó Gia-Long trời dấy làm mưa làm gió, không những tai hại cho gia tộc Nguyễn-quang-Trung mà đem cả nước Việt-nam vào cảnh vong quốc luôn.

Lịch-sử nhà Nguyễn-Tây-Sơn, sau năm 1945, được nhiều người viết lại tương đối phong phú, chính xác, chứ không đến nỗi bảo là — «Giặc Tây-Sơn hay là nguy...» như các sử-gia dưới thời Pháp. Trong bài này chúng tôi không muốn làm lại cái việc mà nhiều người đã làm đó.

Nhà Nguyễn-Tây-Sơn nguyên tổ tiên là người họ Hồ có liên hệ với Hồ-xuân-Hương. Tổ tiên nhà Nguyễn-Tây-Sơn vốn dĩ là họ Hồ ở huyện Quỳnh-Lưu và Huyện-Hưng-nguyên.

Ở Quỳnh-Lưu, việc đó chỉ thấy trong tài liệu sách vở, còn ở huyện hưng-nguyên, thì hiện nay vẫn còn tài liệu không phải là trên sách vở giấy tờ, mà là chuyện truyền khẩu của các cụ già kể lại.

Tên con đường tỉnh lộ 20 từ Vinh tới huyện Nam-dân vừa tới cây số 7 về bên tay trái là hòn núi Thai (Trông xa hình giống lưỡi kiếm) và núi Mưỡu (hình giống một lá cờ). Dưới chân núi Mưỡu là đền — Độc-Lôi, cũng gọi là đền Mưỡu. Dưới chân núi, xưa kia có một con khe phát nguyên từ Truong Hến (thuộc địa phận Nghi-lộc và Hưng nguyên giáp nhau).

Người xưa ở đây truyền lại rằng : Có một gia đình nghèo khổ (Gia đình ấy nguyên là tổ tiên nhà Nguyễn-Tây-Sơn) làm nhà ở chân núi Mưỡu và trên bờ khe, để làm nghề dẫn củi độ nhật. Cứ mỗi buổi sáng người chủ nhà đem khoai lang ra bờ khe rửa hôm nào cũng gặp một ông Cụ già, cứ ngồi trên tảng đá bờ khe rửa

chân ;. Một hôm bà chủ nhà than phiền nhà nghèo khó. Ông cụ nói : Tôi làm thầy địa lý xem đất đặt mồ. Ở đây chưa có ngôi nào là đất phát nhú, mà chỉ có đất phát vương thôi. Nhà bà có muốn tạo cháu làm vương không thì tôi làm cho, không cần mất một xu nào.

Bà Lão nhà quê không hiểu Vương là cái gì, bèn chạy về nhà hỏi chồng, người chồng liền chạy ra mời ông cụ vào.

Sau đó, một ngôi mộ được cải táng, bên cạnh núi Thai đã kể trên.

Ông Cụ cho cái kiểu đất bằng chữ Hán là : «Thai sơn vi kiếm» (Lấy núi Thai là Kiếm) «Mao Sơn vi kỳ» (Lấy núi Mưỡu làm cờ) «Chung Sơn vi chung» (lấy núi Chung làm chuông) (Núi Chung nay thuộc làng Tích lý, huyện Nam-dân) «Tuệ sơn vi cổ» (Núi Tuệ làm trống) (Núi Tuệ ở làng Chùa Khê, thuộc Hưng nguyên).

Cải táng xong ngôi mộ này thì gặp dịp nên tiền nhân nhà Tây Sơn bỏ đất Nghệ-an di cư vào

Bình-Định, như ta đã thấy trong
Sử sách.

Và sau đó, sinh hạ Nhạc, Huệ
và Lữ ở Bình-định.

Khi Nguyễn - Quang - Trung
đánh tan hai mươi vạn quân
Thanh, Ngài đã có ý muốn đòi lại
hai Tỉnh Quảng-Đông và Quảng-
Tây, làm cho vua tội nhà Thanh
hoảng hốt, mới nghĩ ra rằng :
Người Giao-chỉ lại có một nhân
vật Kỳ cục như thế tất nhiên phải
được một ngôi mồ mã nào. Thế
rồi Triều-đình nhà Thanh lựa
chọn một số người trong họ «LỤC-
TỘC» cho sang Việt-nam làm
gián điệp phá hoại mồ mã nhà
Nguyễn-Tây-Sơn. Vì ngôi mộ
nói trên bị bọn gián điệp Tàu phá
hoại đi, cho nên Nguyễn-Huệ mới
chết yểu và Xã tắc nhà Tây sơn
cũng sập đổ hoàn toàn.

Như ở trên chúng tôi đã trình
bầy (Trên con đường tỉnh lộ số
20 từ Vinh đi Nam Đàn) tới
cây số 7 về phía bên phải là làng
Thái-Xá, thuộc tổng Thông-Lạng,
Phủ Hưng-nguyên (Nghệ-an)
Làng này nguyên trước là một
môt xóm của họ Nguyễn-Tây-
Sơn. Nhưng sau ngày Tây-Sơn
thất bại, bị Gia-Long tìm hết cách

giết hết cả nòi giống trong họ.
Mặc dù đã tìm đủ mọi cách chạy
trốn, mà cả làng còn bị giết trên
100 người.

Cho nên mãi tới bây giờ cứ
đến ngày 27 tháng 4 âm lịch là
cả làng đều có giỗ. Người ta nói :
Nòi giống Tây-Sơn bị quân quan
nhà Nguyễn-Phúc giết vào ngày
đó.

Ai đã ở HUẾ có lẽ cũng còn
nhớ, từ cửa Thượng-Tứ vào,
qua Ngã-Tur Anh-Danh một thối
đường, thì tới con đường mà
ngày xưa gọi là đường «Mã-
Khái». Mã khái nghĩa là rạc
ngựa, lúc xưa nhà vua làm một
đầy rạc ngựa ở nơi này, nên
được đặt tên là đường Mã-Khái.
Vì ngựa đái ỉa cho nên con đường
này ô-uế vô cùng, ngoài mấy
người lính mã phu thì không ai
tới đó làm gì.

Gia-Long sau khi diệt được
Tây-sơn rồi, cho xử lăng tì
Nguyễn-Quang-Toản, và cho
người sục sạo tìm tòi giết cho hết
nòi giống Tây-Sơn.

Ngoài ra Gia-long còn cho
người đào mồ Nguyễn-Quang-
Trung, đem xương lên đốt cháy
lấy tro bỏ vào một cái lu, rồi đem

chôn dưới một nền chuồng ngựa-
cái ở đường «Mã khái» nói trên.
Con đường này nay đổi là Mai-
Thúc-Loan.

Hành động như thế Gia-long
chưa thỏa mãn, còn sai người viết
một tấm bảng treo lên nơi đó với
bảng chữ :

«Nguyễn-Huệ thụ hình xứ»

(nơi Nguyễn-Huệ thọ hình).

Do đó ngày nay không ai còn
tìm thấy dấu vết mồ Vua Quang-
Trung ở đâu cả !

Gia-long đã phạm một tội-ác
lớn không thể tha-thứ được đối
với Lịch-sử Nhân-dân Việt-Nam
vậy.

● ● ●

Tin mừng

Thân mến mừng cho Bà và ông Thiếu-lá Hồ-văn-Đầy
nhân dịp lễ thành hôn của cháu

Hồ thị Thúy Nga

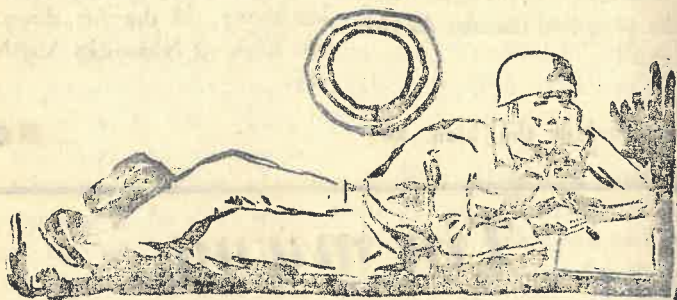
đẹp duyên với

Nguyễn Bách Nhựt,

Và chúc đôi tân-hôn được hạnh-phúc hoàn-toàn.

NGUYỄN-VỸ

Hồi ký



THĂNG BẠN

□□□ THÀNH-VŨ

TÔI năm nghĩ mung-lung về một thằng bạn «Trung Ủy S», chỉ huy một Chi đoàn Thiết Quân Vận tại một Tỉnh nhỏ miền Trung. Đêm nay mưa lạnh vào mùa, hình ảnh của thời dĩ vãng, xa xôi hiện về trước mắt như những ô vuông, chữ số trên kính chiếu. Tôi nhớ đến nó, thằng bạn ngang tính và ngay thẳng, nhớ đến ngôi trường Tiểu học nhỏ nhỏ tạm bợ thiết lập tại một căn nhà bỏ trống vào thời chiến tranh Pháp-Việt. Chúng tôi cùng học một lớp, ở một làng. Tuổi

đời mười hai, mười bốn ấy cần cỏi và khôn lớn trước tuổi vì ảnh hưởng của những năm chinh-chiến quật cường của Dân tộc và những năm kế tiếp lánh cư chạy giặc (1945—1949).

Hôm qua được tin nó bị trọng thương trong một trận chi viện, Thiết-quân-vận của nó bị cháy cong, B41 đã thay hình đổi dạng nó, mặt nó cháy sém không còn nhìn ra được nữa. Người ta di chuyển nó từ chiến địa về Bệnh-viện Hoa-Kỳ rồi từ đấy về Tổng Y Viện Duy-Tân. Tôi chưa kịp vào thăm, nó lại được di tản ra khơi để điều trị tại một tàu Hải-quân Hoa-Kỳ.

Nó vào lính sau tôi những 7 năm, tôi thi bán hồng buồn chuyện đời vào lính, nó tiếp tục học trầy lên trật xuống kiếm được toàn phần ra đi dạy tại một trường bán công, rồi bị động-viên. Có những đứa cùng khóa với nó ngồi ở văn phòng đã lên Đại-Ủy từ lâu. Nó tham-dự nhiều cuộc Hành quân từ những trận Thạch-trụ, Bĩa-Gia Đồi 159 đến Thăng-Bình, Quế-Sơn khắp hai tỉnh Tín Ngải đầu cũng có vết xe của nó, lúc nào nó cũng biểu lộ

đức tính gan lì và ngay thẳng.

Xa nhau đã 14 năm và từ ngày nó vào lính đến nay tôi chỉ gặp nó hai lần, một trong dịp tháp tùng Tướng Th thăm đơn vị của nó.

Gặp nhau nó vẫn thế đó, chỉ cười và bắt tay không hề nhờ vả xin xỏ và một lần đơn vị Biệt-động-quân của tôi về đóng giữ an ninh tại Quận nhà, gặp nó trong dịp về phép. Nó có kể tôi nghe những trận nó đã dự. Lòng can-đảm và tính cương-trực vẫn lộ ra trong câu chuyện tâm-tình.

Tôi nghe nói về nó rất nhiều, gan dạ khi đụng độ với địch và ngay thẳng lúc chỉ-huy. Trong một buổi gặp gỡ tình cờ Thiếu Tá Đ. chỉ huy nó, tôi có than phiền tại sao đến nay nó vẫn còn mang Trung-Ủy. Ông ta bảo tính nó ngay quá không chịu ý ai, nếu không nó đã lên Đại-Ủy từ lâu. Ông X này biết nó, ông Y kia xử - dụng nó nhưng không đề-nghị thì làm sao ông nâng đỡ được.

Tôi ngần-ngor trong giây lát về lời nói chân thật nhưng chua xót đó. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là phiền-trách ông và nghĩ đến

xã-hội đang sống. Tôi nghĩ đến những thằng bạn, những thằng đã có ít nhiều mồ hôi và nước mắt đổ ở chiến trường, những giọt máu đã rơi trên quê hương khô cằn vì bom-đạn hiện đang lao đao trong nghiệp lính, đến thân phận những lớp tuổi trẻ nhiệt thành với đất nước như nó bị quên lãng hay cố tình bỏ quên vì không chịu uốn cúi bợ đỡ, chỉ biết nhiệm-vụ và danh-dự nhưng lại thiếu chất nước bọt hôi tanh dơ dáy.

Tôi nhớ mãi đến câu nói của ông Thiều Tá Đ, nhất là đêm nay lời nói đó lại hiện rõ trong đầu óc tôi cũng như trong giây phút đầu nghe tin nó bị trọng thương. Mưa vẫn rơi nhẹ trên thêm. Gió lọt vào khe cửa lạnh lạnh. Tôi thu mình và nghĩ thương đến nó. Không biết giờ này nó nghĩ gì, chắc là nó đang mê-mán thiêm thiếp trong giấc ngủ xa lạ biển khơi hay đang sống dật-dờ trong cơn ác mộng về trận chiến khốc liệt nó đã dự, về cuộc đời lấm đen bạc trắng trên. Nhưng có một điều làm tôi hãnh-diện và tuổi trẻ hãnh diện là trông hình mặt mày nó không còn biểu lộ được nét ngang-tàng oai-dũng như

xưa nhưng tâm hồn nó vẫn trong sạch chưa hôi tanh, tâm hồn nó chưa vẫn đục vì những lợi danh phù-phiếm, những xô bồ thối nát của xã hội hiện nay.

Tôi thương nó, những canh bạc đỏ đen có nhau khi còn đi học kiếm tìm mua vui trong những dịp nghỉ Tết xa xưa năm nào, những buổi đua xe đạp về quê có nhau, những đêm buồn cùng nhau ngồi nghe giọng ca diu-dặt hồn người của Thái Thanh, Hoài Bắc tại thành phố Hội xứ Quảng cổ xưa...

Tôi nghĩ mãi rồi thiếp đi. Tôi nghe tiếng sóng vỗ vào mạn tàu, tiếng la ới ới của nó trong cơn mê-sảng, tiếng khóc náo nuột của Bác H, thân mẫu của nó, tiếng kêu-la rên xiết của chị Q, vợ nó, tôi nghe cả tiếng hỏa tiễn B40, B41 của địch, tiếng còi báo động.... Tôi giật mình thức giấc bàng hoàng nghĩ đến nó, đến tương lai của vợ con nó, cuộc đời đau khổ của nó hiện tại. Tôi nghĩ đến những bọn người xây-dựng cuộc đời bằng thứ nước bọt dơ dáy và nhớ đến thân phận nó bây giờ, nhớ câu nói chân-thành của Thiều - Tá Đ, tôi rùng mình ghê sợ. ...

□□□



tự tình trong đêm

● ta muốn chặt bàn tay để không còn làm lính
để không còn ngủ trong bùn hôi cỏ nám
để không còn ngồi bên vụng gác đêm khuya
để không còn nghe tiếng súng nổ lạnh lùng tàn bạo
khoét từng ô da thịt rợn người

ta không hèn nhát ích kỷ riêng tư
bởi ta là con người
có đầu óc có lương tri
biết nghĩ suy biết làm chuyện ái tình...

● ta thương những võ văn quan liêm hầu công bộc
thấy ách tai trời cũng xót dạ thương thay
huống hồ chi cảnh đất nước nhiều nhưong
thằng to mặt bụi đều muốn độc quyền chiếm đoạt
miệng nực mùi tham nhũng cầu danh
ta thương dân đến đâu tắt mặt tối chạy ruồng hai
buổi qua ngày

đám con nhà áo quần rách rưới như ă : mây du đảng
thằng cha gặp ngoài đường chẳng biết phải con
minh ?

chẳng biết tuổi lên !!!
thằng hai con ba tên gì mấy tuổi.

● ta biết thân phận ta nhỏ lắm nhỏ lắm
một lời nói của người hơn tiếng nổ lựu đạn
một lời nói của người biến ta thành phi hành
bay đến tận nơi hang cùng ngõ hẻm...
một lời nói của người biến ta thành con thú giữa
lòng thời đại nham nhở này

Ôi ! tiếng cười ôi lời nói thần linh
ta biết lắm ta biết nhiều cho lắm
rốt rồi ta chỉ là linh quèn thôi
chờ đợi chết để khỏi thấy đời bi thảm...

● ta muốn chặt bàn tay để không còn làm lính
muốn khoét mắt ra để khỏi thấy sự đời
đâm thủng màn âm để không còn nghe tiếng khóc
và sám hối chuyện mình bằng cửa Phật từ bi.....

HOÀNG LINH TRUNG
KBC. 6719

HÁT DẶM NGHỆ - TỈNH

trong văn chương bình dân

(Cách mạng) Việt-Nam

Lê-Trọng-Đôn, Phan-Bội-Châu, Ngô-
Đức-Kế, Lê-Văn-Huân, Cụ Tín-Thầu

●●● ĐÔNG-TÙNG

A) ĐẠI CƯƠNG VỀ HÁT DẶM NGHỆ TỈNH

1) Xác định danh từ

THEO ông Nguyễn-Đồng-Chi
trong sách «Hát Dặm Nghệ Tĩnh»
(1) Danh từ hát dặm đã có nhiều
định nghĩa khác nhau :

— Có người bảo : «dặm» là
«giẫm chân» ; hát Dặm là lối hát
có đánh nhịp bằng chân.

— Lại có kẻ nói : Dặm nghĩa
là đoạn, khúc trong một bài hát ;
khi người ta hát hết một khúc
vần bằng, bài hát đổi sang vần

trắc, có lấy trở lại, người hát
hạ thấp giọng xuống...
và kéo lê dài ra, Vì thế mới gọi
là «hát dặm».

Cũng theo ông Nguyễn-Đồng-
Chi, hai định nghĩa trên đây
quá gò ép, nên ông lại viết tiếp :

«Vay nghĩa chữ «dặm» là thể
nào ? Chính câu trả lời của
những người học thức ở Vùng
Nghệ-Tĩnh cũng còn rất lơ mơ.
Họ giải thích : Chữ «dặm» có
nghĩa là đem một vật gì nhét
vào, điền vào một vật gì còn
khiếm khuyết. Nó là bà con (2)
với tiếng «dặm» thổ âm của
Vùng Nghệ-Tĩnh,

«Người Nghệ-Tĩnh nói «dặm ruộng» tức là một thửa ruộng sau khi cấy rồi, có những loại lúa bị sâu, keo cắn đi, người ta đem loại lúa khác cấy vào cho đầy đủ. Người Nghệ-Tĩnh đã hiểu tiếng «hát dặm» theo một nghĩa chung như thế. Vì trong khi hát đối đáp, câu của người trả lời thường chấp theo vần câu cuối của người hỏi.

Vì dụ :

Hỏi :

«Tui (tôi) hỏi mụ (mợ, cô) mấy
lời

«Xin mụ tường cao về tổ»

Trả lời :

«Lời cậu vừa nói đó

«Xui dạ thiếp ầu sâu.v.v....»

Lối hát chấp vần này, ở Vùng Nghệ Tĩnh thường gọi là «hát xấp».

Bởi vậy, người ta có thể định nghĩa rằng : «hát dặm» là lối «hát bắt xấp» riêng của vùng Nghệ Tĩnh hay dân ca Nghệ Tĩnh thì cũng thế.

2) Nguồn gốc phát sinh.
Hát Dặm Nghệ Tĩnh phát
sinh từ lúc nào ?

Thiệt là một câu hỏi khó trả lời. Vì không những hát Dặm Nghệ Tĩnh, chứ những điệu hát thuộc Dân ca như hát quan họ, trống quân, hát Ví, hát Xẩm,

Sa mạc kiều Bắc, hát Lý-ngựa-Ô, Lý-con-Sáo, hò, Vọng cổ miền Nam, Hò giã gạo, hò mái nhì, mái Đầy, Nam bình, Nam ai ở Huế.v.v... Chưa có một tài liệu sách vở nào cho ta biết rõ, mỗi giọng hát của mỗi địa phương đã phát sinh từ hồi nào. Chỉ biết đó là mọi loại Dân ca cổ truyền của từng địa phương mà thôi.

Mà đã gọi là Dân ca cổ truyền địa phương thì không chỉ Dân tộc Việt-Nam mới có, mà cho tới các Dân thiểu số : Mường, Thổ, Mọi-Phía tạo, Cà ná.v.v... ở đâu lại không có loại Dân ca như thế. Nhưng cũng không ai biết được do lai phát sinh từ đời nào.

Chỉ duy có một giọng hát «trống quân» ở Việt-Nam, đã được nhà Văn Phan-kế-Bình nói rõ trong sách «Việt-Nam phong tục». Theo ông Phan : điệu hát này phát sinh từ đời Quang-Trung Nguyễn-Huệ (1788-1792). Khi Vua Quang Trung cất quân ra Bắc, Ngài biết trong quân đội có nhiều kẻ nhớ nhà, Ngài mới bày ra cách chia lính tráng thành 2 phe, Giả làm Nam — nữ hát đối nhau, để cho binh sĩ vui khuây, lãng quên chuyện nhớ nhà.

«Do hai chữ «trống quân» đọc

trại sang «trống quân».

Còn những điệu hát Dân ca khúc, thì cho tới nay, vẫn chưa ai tìm ra do lai từng loại một cả, Vậy hát Dặm Nghệ Tĩnh cũng nằm trong thông lệ đó.

3) Văn Thề

Như người ta vẫn thường nói : Đại bộ phận Văn chương gồm có hai loại. Văn chương bác học và Văn chương bình Dân. Hát Dặm Nghệ Tĩnh tức là Văn chương bình Dân riêng biệt của Vùng Nghệ Tĩnh.

Đã gọi là Văn chương bình Dân thì Văn-thề rất là phức tạp bao gồm và hỗn hợp với các lối thơ lục bát, lục bát gián thất biến thể. Thơ tứ ngôn, ngũ ngôn, lục, thất, bát ngôn biến thể. đủ văn bằng, văn trắc, yêu vận, cước vận, có khi bắt chấp cả điệu Văn. Có người đã ví dụ : Văn chương bình Dân như một con bò trắc nết kéo cây giữa ruộng. Nhưng cái hay ho trắc tuyệt của Văn chương bình Dân lại chính ở điểm đó.

Sở dĩ người ta gọi nó là hát Dặm Nghệ Tĩnh vì điệu hát Dặm này, người ta dùng thổ âm Nghệ Tĩnh (mò, tè, răng, rừa) tới mức tối đa.

B) HÁT DẶM TRONG SINH HOẠT THÔN DÂN NGHỆ TĨNH

Ngày xưa, hồi còn học chữ Hán, Nghệ Tĩnh là Đất Văn Vật. Nghệ Tĩnh là hai tỉnh Đất xấu Dân nghèo, nhưng học hành rất cứng (Nghệ Tĩnh địa tích Dân bần, kỳ nhân cần kiệm nhi hiếu học).

Bên cạnh Văn chương bác học (những buổi bình văn của các trường tỉnh, trường huyện, tư thục các tư gia) thì lại cũng có một nền Văn chương bình Dân. đó là những buổi hát đối, hát ví của đám trai gái nông thôn trong những phường kéo sợi (phường Vải) phường Đán Vó (phường Vó).v.v... ở đây thường diễn ra những cuộc thi đua sáng tác Văn nghệ rất hào hứng.

Những Văn nhân tài tử ở vùng Nghệ Tĩnh như Nguyễn-Du, Nguyễn-công-Trứ, Tập Xuyên Ngô-Đức-Kế, Sào Nam Phan-bội Châu.v.v... đã dùng hình thức Văn Nghệ bình dân này làm môi trường trở tài sáng tác miễn tiếp.

Sau đây là bài hát của Nguyễn-Công-Trứ, khi gặp hai mỹ nữ trong địa phương :

«Vừa ra vừa gặp ông trời.

«Dừng chân đứng lại, gạn mấy
lời văn vi

«Rằng tui (tôi) với hai cô ni (này)

«Có nhân duyên chi nỏ (chàng)

«Cố nhân tình chi nỏ,

«Ông trời bảo rằng : có...»

«Tao đã gán cho vú cả đời»

Và Sào-Nam Phan-bội-Châu cũng là một tay tở phường Vải, kẻ chuyện tài ở vùng Nghệ An.

Trương truyền : Hồi cụ chưa đồ giải nguyên, tên gọi là Đầu xứ Lan, rất thích đi hát phường Vải.

Một hôm đi hát tại một phường Vải, thuộc phủ Hưng Nguyên. Phe nữ biết tin trong đám đàn ông tới hát, có đầu Xứ Lan, nổi tiếng hay chữ, liền bày cho phe nữ hát :

«Vấn quán là quận hà châu ?

«Hà danh, hà tính, xuân thu kỷ hà ? (3)

Cụ hát trả lời lại :

«Nam dân, xuân liễu quê nhà

«Xuân thu ba tám tên là Xứ-Lan (4)

Lại một lần khác, cụ đi hát tới làng Thu liên (làng ông Hồ Chí Minh) lúc bấy giờ cụ Phó bảng Nguyễn tất Sắc (bố ông Hồ-Chí-Minh) mới đậu phó bảng, sắp đi làm quan, cụ Phó-bảng-Sắc, hơn tuổi cụ Phan nhiều, Nhưng cũng là bạn học. Chị em phường Vải ở Thu liên hát:

«Chồng em anh đã biết chưa ?

«Tay cầm hốt bạc, chân đưa võng điếu»

Cụ Phan hát lại :

«Chồng em anh đã biết rồi

«Rõ chẳng rõ-chật mà người thiu liêu (5)

Lại một lần khác, cụ Phan tới hát một phường ở huyện Thanh Chương, có một tay văn nhân địa phương, bày cho phe nữ hát một câu, toàn dùng điệp ngữ và buộc phải đối lại điệp ngữ như thế :

«Năm năm, tháng tháng, ngày ngày

«Chờ chờ, đợi đợi, rày rày mai mai.

Cụ Phan đối lại :

«Duyên duyên, ý ý, tình tình

«Đáy đáy, đó đó, mình mình, ta ta.

Còn nhiều, và còn rất nhiều, những nhân vật và những câu hát loại đó. Nhưng trong phạm vi nhỏ hẹp của một bài báo, không cho phép chúng tôi viết thêm nữa.

(Còn nữa)

(1) Nhà xuất bản Tân Việt năm 1944.

(2) Tức là một de même famille. Văn phạm Trung Hoa hiện đại gọi là «đồng huân dị nghị».

(3) Hỏi anh quê quán ở đâu, lên họ là gì bao nhiêu tuổi.

(4) Ba tám (8 x 3 : 24) năm đó cụ 24 tuổi

(5) Cụ Phó bảng Sắc, mặt họ

HỒ HOÀN-KIẾM

Một sử liệu về THUẬT AN DÂN của

NGUYỄN-TRÁI

□□□ TÂN-NHÂN

Nếu huyền thoại về Lê Lợi được thần ban gươm ở hồ Lãng-bạc, cùng với nhiều tá cây có dấu chữ «Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần» đã gây cho nhân dân ta một lòng tin tưởng quyết tâm ủng hộ Bình định Vương Lê Lợi chiến thắng quân Minh ; thì Hồ Hoàn Kiếm là một tài liệu lịch sử về Thuật-An-Dân của Nguyễn Trãi sau 10 năm kháng chiến gian khổ mặc dù sống bên cạnh nước nghịch khổng lồ nhưng vẫn yên tâm kiến thiết lại xứ sở. Vì tin rằng thần kim quy đã thu gươm (hoàn kiếm) là một dấu hiệu của Hòa-bình.

Phải chăng đây là một nguyên nhân phát sinh ra tên HỒ HOÀN-KIẾM một kỳ tích của nước VN yêu quý chúng ta lưu dấu đến ngày nay ?

HỒ HOÀN-KIẾM một thắng cảnh nằm giữa thủ đô HÀ-NỘI với ngôi đền Ngọc-Sơn, với ngọn bút tháp Rùa

quanh vòng nước biết bao la, làm tăng thêm nét hùng vĩ của non sông nước Việt một quốc gia mà theo nhà văn Ý-đại-Lợi ông Pazzi đã viết trong cuốn

Người Việt cao quý. «Việt-Nam chính là dân tộc duy nhất trên địa cầu này, đã từng chiến đấu, và đã chiến thắng những kẻ xâm lược có khuôn mặt lớn lao nhất trong lịch sử loài người...» Thật vậy, con cháu Lạc-Hồng đã anh dũng oanh liệt, ghi liên tiếp bao chiến công hiển hách sáng chói trên những trang lịch sử chiến đấu chống xâm lăng.

Những địa danh như : Bạch-Đằng, Chi - Lăng, Đống - Đa, Điện biên Phủ.. thì Chi-Lăng là do công trận của Nguyễn-Trải cùng Lê-Lợi khởi nghĩa ở Lam-Sơn 10 năm kháng chiến gian khổ chống quân Minh (1418 — 1427) ghi thêm một trang sử vàng son cho nước Việt.

Nguyễn-Trải tiên sinh, hiệu là Ưc-trai con của ông Bảng-Nhân Nguyễn phi Khanh bị nhà Minh bắt đem về Kim-Lăng chánh sách thủ tiêu những nhân tài nước Việt hầu dìm dân tộc này trong gông xiềng nô lệ muôn đời. Ông khóc lóc lên đến của Nam-quan không chịu trở lại. Ông phi-Khanh khi khái báo rằng : «Thương

cha thì con phải thương nước, mà cái khóc của con nào có giải quyết được gì ? ? » Ông gạt nước mắt trở về, đêm ngày quyết chí lo việc phục thù. Ông ra giúp Bình-Định-Vương Lê-Lợi bày mưu định kế thắng quân Minh rửa nhục cho nước trả được thù nhà.

Đứng trước địch thủ không lồ, bọn phong kiến nhà Minh so với ta chỉ là trứng chọi đá, chấu chống xe, nhưng với lòng yêu nước tuyệt vời của dân tộc Việt đã từng chứng minh chí khí anh hùng qua bao lần chiến thắng vẻ vang làm quân thù dù hung hãn tới đâu như đạo quân bách thắng Mông-Cồ cũng phải ba lần thảm bại.

Đương đầu với một đội quân xâm lược mà tương quan lực lượng quá chênh lệch như vậy, Nguyễn Trãi quyết khắc phục cái nhược điểm ấy bằng cách gây cho nhân dân ta một niềm tin tưởng chiến thắng, mọi mong động viên được toàn thể nhân dân tích cực tham gia vào công cuộc chiến đấu chống ngoại xâm. Vì bất cứ việc gì dù lớn hoặc nhỏ muốn thành công phải có 1 niềm tin tưởng trước đã có tin tưởng nhân

dân mới quyết tâm, một vượt được mọi gian khổ, mọi trở lực để chiến thắng. Nghĩa là ta lấy cái *tru diễm về tinh thần* xuất phát từ lòng yêu nước tin tưởng nơi chính nghĩa tài lãnh đạo của lãnh tụ, sự hưởng ứng và sức chịu đựng dẻo dai của toàn dân... để bá vào cái *nhược điểm số lượng vật chất* vĩ đại của đội quân xâm lược nhưng không hợp THIÊN THỜI, bất thông thủy thổ (ĐỊA LỢI). Thất nhân tâm (NHÂN HÒA) thì nhất định chiến thắng sau cùng sẽ về ta.

Vì :

Tin tưởng : giúp cho Ngu.
Công bặt mối,

Tin tưởng : làm cho Kha
Luân Bồ vượt được trùng
dương

Tin tưởng : làm dân Nam
chiến thắng đoàn quân bách
thắng Mông Cồ

Tin tưởng : Có thể đưa con
người lập biên và trời...

Nếu hiện nay người ta đã có một nền tảng khoa học nên việc, gây một niềm tin tưởng bằng nhận xét khoa học chính xác, bằng chủ nghĩa có biện

chứng khoa học. Như người lữ-hành có địa bàn, trông thấy sao Bắc-Đẩu thì nhất định nơi ấy là phương bắc ; trái lại thời kỳ Nguyễn-Trải trình độ dân trí thô sơ mộc-mạt muốn gây một niềm tin tưởng Nguyễn-Trải phải áp dụng đường lối thần quyền.

Ông tạo ra tiếng đồn lan rộng trong nhân dân rằng Lê-Lợi được thần ban cho gươm báu ở hồ Lăng-bạc (tên HỒ HOÀN-KIỆM trước kia) trong một dịp ông lưới cá ở đây. Việc này đến trong lúc toàn dân Nam đang sống oằn-oại trong gông cùm nô-lệ của bọn nhà Minh, ai ai đều căm thù đến tột độ đang mong muốn có dịp là vùng lên cỡi bỏ gông xiềng. Tin Lê Lợi được thần ban gươm có nghĩa ông là người đang thuận mạng trời để trừ giặc cứu nước, nên nhân dân ùn ùn theo phò Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa kháng minh.

Tiếp theo ông dùng mật viết vào lá cây chữ : «Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần» để kiến ba chục thùng lá cây thành diêm trời linh ứng cốt cũng cố thêm đức tinh sắt đá trong nhân dân.

Một dân tộc nhỏ yếu hiền

lãnh, việc làm xuất phát từ quần chúng, bị áp bức vùng lên khởi nghĩa đánh đuổi quân xâm lược dưới sự lãnh đạo sáng suốt vô tư của người anh hùng áo vải, chịu đựng 10 năm gian khổ đấu tranh cuối cùng chiến thắng quân địch không lờ, đem hòa-bình lại cho đất nước đã chứng minh tài thao lược của thiên tài Nguyễn-Trãi biết áp dụng THUẬT lãnh đạo, cộng với tinh thần yêu nước hy sinh của ông nên động viên được toàn dân xức dụng được cái tim năng vô địch trong nhân dân.

Bất cứ cuộc xâm lược cướp nước nào từ bên ngoài đều cũng phải có sự cấu kết ở bên trong với bọn bán nước và khoác lên một lối giả nhân giả nghĩa hòng che đậy bộ mặt ghê tởm ấy. Bọn giặc Minh cũng nằm trong thủ đoạn đó. Họ bảo rằng họ đem thiên binh vạn mã đến nước Nam là để giúp đỡ (hay viện trợ cũng thế) khôi phục ngôi vua cho nhà Trần. Châu ôi !!! sao họ lại tốt bụng đến thế ?! Việc của nước Nam sao lại không để cho dân Nam tự giải quyết. Vì dân Việt Nam đã có 1 lịch sử lập

quốc 4.000 năm. Tuy vậy nước có lúc thăng trầm nhưng tất cả mọi cuộc xâm lăng trước sau gì đều cũng bị đánh bại. Nghĩa là họ có đủ trình độ Độc-lập tự giải quyết công chuyện của mình, mặc mớ gì nước ngoài vô cớ lại xía vào ?!

Họ bảo là vì nhà Trần. Nhưng nhà mạt Trần có đáng khôi phục lại hay không — Nên nhớ quyền này chỉ dân Nam mới có được mà thôi.

Nhà mạt Trần nhờ thừa hưởng chiến công hiển hách của Bạch đằng giang, suy cho cùng là một chiến công của toàn dân chống xâm lăng mà tiêu biểu là Hội nghị Diên-Hồng (chợ vua nhà Trần muốn hàng ngay từ lúc đầu) để rồi con cháu nhà Trần tọa hưởng kỳ công đi lần đến sa đọa, thối nát, suy đồi phản dân hại nước. Diễn hình như Trần du tông tối ngày say sưa rượu chè be bét, dùng tửu lượng để định phẩm trật triều đình «...ai uống được 100 thăng thì thưởng cho 2 trật, (VN sử lược của Trần trọng Kim. Một triều đại suy đồi bại nhược, như thế thì bất cứ người Việt-Nam yêu nước nào đều có quyền và có trách nhiệm đứng ra chống đỡ cứu

vết cơ đồ khi bị bọn vua quan vô tài bất lực hủy hoại tiêu tan.

Nếu ta không đứng trên quan điểm trung quân mù quáng do bọn phong kiến tạo ra để bảo vệ ngai vàng thì Nước Nam của người Nam là chân lý tuyệt đối không riêng của giòng họ vua chúa nào hết ! Hồ quý Ly ra gánh vát non sông trong thời gian ấy phải đâu là một cái tội ?

Cứ xem tài thao lược về an bang tế thế, lối tổ chức các bộ máy chánh quyền theo phương pháp khoa học mà sau đó mấy thế kỷ tây phương mới làm được điều đó đã chứng tỏ thiên tài của Hồ quý Ly và việc làm rất cần thiết cho nước Nam ta trong thời kỳ bấy giờ.

Nhà Minh dẹp nhà Hồ quả là muốn tiêu hủy cái mầm non ấy ! Nếu không, nó sẽ biến VN thành một quốc gia hùng cường thì làm sao họ thôn tính cho được ? rõ ràng việc làm đó không phải là họ vì nhà Trần, nhất định là không. Một trăm ngàn lần không !!! Vì sau khi diệt được nhà Hồ tên thái thú Trương Phụ thống trị toàn cả nước Nam vợ vết

châu báu ngọc ngà, sách vở kho tàng văn chương vốn liếng văn hóa bao nhiêu đời của dân tộc Việt, thủ tiêu bắt cóc những nhân tài yêu nước như cụ Nguyễn-Phi.Khanh.v.v..... bắt cho tới con gái Việt đem về Tàu, nước ta dưới chiêu bài «giúp đỡ» của giặc Minh đã tan tác tiêu điều, bọn Hoàng Phúc, Vương Thông đầy đọa dân ta như trâu ngựa chó có thấy nhà Hậu Trần nào đâu. Chỉ có là có bọn Việt gian bán nước đầu trâu mặt ngựa lúc nhá lúc nhúc bám vào đũng quần của bọn xâm lược sống trên xương máu của đồng bào như bọn Nguyễn Huân, Lương như Hốt, Đỗ duy Trung, Trần Phong... Chính vì bọn này mà Vương Thông mấy lần phản bội Hiệp ước hòa bình khi bị thảm bại ở Tuy động Vương Thông xin cầu hòa (1426) vì muốn tiết kiệm xương máu của đồng bào, đau lòng trước thảm họa chiến tranh nên Bình Định Vương cùng Nguyễn-Trãi đồng ý tuyền chuyển một vài điều, cốt để cho giặt rút quân, sớm đem Hòa bình lại cho đất nước.

Nhưng bọn Việt gian bán nước sống phè phỡn nhờ chiến

tranh cho nên chúng xúi dục Vương Thông phản bội việc thi hành Hiệp ước, kéo dài thêm bao nhiêu cảnh máu đổ xương phơi nhà tan cửa nát cho dân ta, cho đến khi kháng chiến quân chém được Liễu Thăng đại thắng trận Chi Lăng ngày 20-9 năm định vi (1427) Vương Thông hết đường tháo trúc mới chịu thi hành theo Hòa ước lần thứ 11 rút tàn quân trốn chạy về Tàu.

Mười năm kháng chiến gian khổ, toàn dân đã đóng góp và hy sinh cho công cuộc KC không sao lường được — gương hy sinh của Lê Lai là một điển hình — Địa danh Chi Lăng đã làm vinh quanh cho Dân tộc tô điểm thêm cho trang sử vàng son nước Việt bằng công, bằng của, bằng xương máu và nhất là tài lãnh đạo của người anh hùng yêu nước.

Theo BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO của Nguyễn Trãi : «Liễu Thăng chết ở Mã yên... Thôi Phụ phải quỳ mà xin lỗi, Hoàng Phúc tự trói ra hàng, Lạng giang, Lạng sơn thây chất đầy đồng. Xương giang, Bình than máu trôi đỏ nước. Hai mặt cứu binh, cấm

đầu trốn chạy ; các thành cùng khốn cõi giáp xuống đầu, Bạt tướng giặc mang về nó vấy đuôi phục tội ; Thề lòng trời bất sát ta cũng mở đường hiếu sinh Mã kỳ Phương chính, cấp cho 500 chiếc thuyền, ra đến bờ chưa thôi trống ngực. Vương Thông Mã Anh, phát cho vài ngàn cò ngựa, về đến Tàu còn đồ mồ hôi...»

Nhưng sau 10 năm KC với cảnh tượng hải hùng núi xương sông máu, nước ta lại nằm sát bên cạnh nước nghịch không lờ, tùy chánh sách ngoại giao của ta vô cùng khôn khéo và khoan dung, nhưng trước lòng tham vô tận của bọn xâm lược điều đó cũng không đủ làm cho dân ta được yên tâm hồn tái thiết lại xứ sở.

Hơn ai hết, Nguyễn-Trãi đã thông cảm niềm lo ngại đó của đồng bào, nên ông tìm ra một phương pháp cốt để trấn an đồng bào mà cũng gọi là THUẬT AN DÂN.

Nếu trước kia câu chuyện Lê Lợi được thần bàn gươm ở hồ Lãng-Bạc báo điềm 1 cuộc phát khởi chiến tranh đánh đuổi quân Minh ; thì hôm

nay sau khi chiến thắng câu chuyện thần kim qui gươm (hoàn kiếm) rõ ràng là thần linh ứng một niềm hòa bình cho đất nước đã được văn hồi. (Toàn dân hay tin Bình định Vương Lê-Lợi khi đuổi được giặc Minh, Ngài ngự du ở trên hồ, bỗng thấy một con rùa to nổi lên bơi lại gần thuyền vua. Vua hoảng sợ dùng gươm xua ra nhưng bị rùa thần đớp lấy gươm và lặn mất) Người ta bảo rằng xưa kia thần ban gươm là để trừ giặc Minh nay nước nhà đã thanh bình nên thần thu gươm lại — đó là báo hiệu Hòa bình — Vua truyền đổi tên hồ Lãng-bạc ra là Hồ Hoàn Kiếm (trả gươm) và dựng đền thờ thần Kim quy ngay giữa hồ (tục gọi là Tháp Rùa) nay vẫn còn.

Nguyễn Trãi tiên sinh người đã áp dụng thuật lãnh đạo tài ba : Thời chiến, động viên được nhân lực, vật lực, tài lực của toàn dân kháng chiến chống xâm lăng giành độc-lập cho nước nhà ; Thời bình, đem lại sự an tâm vui vẻ làm ăn để phục hưng xứ sở.

Không nên lầm lẫn thuật

lãnh đạo với thủ đoạn mị dân. Thuật lãnh đạo xuất phát từ lòng yêu nước nhằm mục tiêu ích nước lợi dân ; Ngược lại thủ đoạn mị dân do nơi lòng tham lam ích kỷ dụ dỗ một cách dễ hèn cho nên cũng thời mưu lược khi người ta nói đến Tào tháo là nó trở thành từ ngữ ; thủ đoạn, xảo trá, lừa mị mà thôi.

Kết luận người Việt yêu nước đã đem máu xương trí óc ra để đắp tô thêm cho non sông yêu quý ngày càng thêm đẹp. Hồ HOÀN KIẾM là một dữ kiện lịch sử về thuật AN DÂN của Nguyễn-Trãi do đó hồ Lãng-Bạc được mang danh HỒ-HOÀN-KIẾM đến ngày nay.

T.N.



Góp thêm một huyền thoại về Long Mạch ở dãy HOÀNH-SƠN

●●● Sinh-hòa THÁI-TÀU

N H Â N đọc chuyện «Cao-Biên trăm long Trà-khúc» của Thùỵ-dương-Tử và «Huyền thoại Cao-Biên yếm đất ở dãy núi Đèo Cả» của cô Văn-Uiên đăng trong tạp chí Phồ-Thông số 244 và 247, tôi sực nhớ đến chuyện ông thầy địa lý Tàu nào đó (có phải con cháu của Cao-Biên chăng ?) âm mưu đào đứt long mạch dòng sông CÔN dưới chân HOÀNH-SƠN, khiến cho nhà Tây-Sơn suy vong để trả thù 3 anh em Tây sơn đã chiếm mất long-huyệt của ông tìm ra hay là để ngăn ngừa mầm mống quật khởi của Việt tộc phương Nam ? Vậy xin chép thuật ra sau đây để góp thêm một huyền thoại về

long mạch.

● Hoành Sơn một đại địa :

Hoành-sơn còn gọi là Núi Ngang nằm trong dãy Tây-sơn thuộc địa phận xã Bình-tường quận Bình-kê tỉnh Bình-định. Hoành-sơn không cao (364m) nhưng dài và rộng, ở xa trông rất tuần tú, khôi hùng. Theo các nhà phong thủy Tàu và địa phương cho biết thì Hoành-sơn là đại địa và hiện tại Hoành-sơn là một trong «Nhị thập bát cảnh» của Bình-định. Vì chung quanh Hoành-sơn có nhiều ngọn núi bao bọc, mỗi ngọn mang một dáng dấp cồ vọt như Núi Bút (Trung-sơn),

Núi Nghiên (Nghiên-sơn), Núi Ân (Ấn-sơn), Núi Kiêm (Kiêm sơn), Núi Trống (Cồ-sơn) Núi Chiêng (Chung-sơn), trước mặt là ba dãy gò cao đá mọc giăng hàng trông như quân châu, hồ phục, phía dưới là hai phụ lưu sông CÔN từ phía Tây và phía Bắc chảy ra hợp nhau ở địa đầu thôn Phú-Phong như hai cánh tay người mẹ ôm chầm lấy Hoành-sơn. Địa thế thật cũng đáng gọi là long bàn hồ cứ.

Tam kiệt TÂY-SƠN Nguyễn Nhạc, Nguyễn-Huệ và Nguyễn Lữ sinh trưởng trong một gia đình nông dân tại làng Phú-lạc (Bình-kê) hướng vọng về dãy Hoành-sơn này. Nhưng rồi thời thế tạo anh hùng, địa linh sinh nhân kiệt hay do long mạch của mồ mả tổ tiên mà ba anh em Tây-sơn trở thành những trang anh hùng cái thế, lật đổ Nguyễn, diệt tan Trịnh, đánh bại Mãn-thanh, thống nhất nước Việt - Nam vào cuối thế kỷ thứ 18 ? Điều đó xin nhường lại cho lịch sử phân định. Nhưng theo các vị thức giả ở Bình-kê kể lại thì nhà Tây-sơn phát Đế-nghiệp

là nhờ cuộc đất chôn thân sinh của ba Ngài trên dãy Hoành-sơn.

● Huyền thoại về Long Huyệt :

Các Cụ kể rằng :

Trước ngày ba anh em Tây-sơn khởi nghĩa, trong khoảng thời Định - Vương Nguyễn-phúc-Thuần (1765-1777) trị vì, có một Ông-Thầy địa lý Tàu thường ngày xách địa bàn đi đi lại lại trong vùng Tây-sơn để tìm phúc-địa. Nguyễn-Nhạc thấy vậy theo rình. Một hôm thầy địa lý dường như đã tìm ra long mạch nhưng còn phân vân không biết huyệt-khí nằm ở đâu, Thầy mới đem hai cánh trúc xanh tốt và đều nhau đến cắm ở triền phía đông dãy Hoành-sơn hướng Phú-lạc (nơi sinh trưởng của 3 anh em Tây-sơn) phía Bắc một cây và phía Nam một cây rồi bỏ đi. Nguyễn-Nhạc ngày ngày để ý theo dõi hai cánh trúc ấy. Hai tháng sau, cánh trúc phía Bắc vẫn sống xanh tốt như khi mới trồng còn cánh phía Nam thì héo khô. Nguyễn-Nhạc cá mừng vì biết rằng long mạch

đã ứng hiện nơi cảnh phía Bắc, bên nhỏ cây khô phía Nam đem cắm ở phía Bắc và nhỏ cây tươi ở phía Bắc đem cắm vào phía Nam.

Đúng 100 ngày kể từ ngày trồng trúc, thầy đại lý Tàu trở lại thấy hai cảnh trúc đều chết cả, Thầy nhún vai, trề môi lắc đầu chê là «giả cuộc» rồi bỏ đi thẳng. Nguyễn-Nhạc mừng rỡ về bàn với hai em rồi hốt hải cốt của Cha đem chôn nơi cảnh phía Bắc.

Lại có Cự kể rằng :

Có một thầy địa lý Tàu lúc đến tìm địa cuộc ở vùng đất Tây-sơn thường tá túc nơi nhà Nguyễn-Nhạc và nhờ Nguyễn-Nhạc dẫn đường cho thầy đi tìm long mạch khắp vùng Tây-sơn. Sau nhiều lần xem xét, ngắm nghía, đo đạc địa bàn, Thầy chú ý đến dãy Hoành-sơn và tỏ vẻ đắc ý cuộc đất này lắm. Đoạn Thầy bỏ đi. Một thời gian sau Thầy trở lại cũng ghé nơi nhà Nguyễn-Nhạc mà tá túc. Nhưng đặc biệt, lần này, ngoài chiếc địa bàn Thầy lại còn mang theo một chiếc tráp nhỏ ngoài bọc tấm khăn

điều. Nguyễn-Nhạc đoán biết là Thầy Tàu đã tìm ra được long huyết và... chiếc tráp kia là hải cốt của Cha ông mang sang chôn. Nguyễn-Nhạc bèn đóng một cái tráp giống hệt như cái tráp của Thầy Tàu và hốt hải cốt của thân sinh mình đựng vào rồi tìm cách đánh đổi. Nhưng thật khó mà đánh đổi được vì cái tráp ấy Thầy Tàu luôn luôn mang theo bên mình không lúc nào rời. Nguyễn-Nhạc hội hai em lại và nghĩ ra một kế.

Đến ngày lành đã chọn, Thầy Tàu lên mang tráp cùng địa bàn đi lên dãy Hoành-sơn. Vừa đến chân núi thì một con cọp to bằng người trong bụi rậm gầm lên một tiếng dữ tợn rồi nhảy xổ ra vồ. Thầy Tàu thất kinh hồn vía quăng tráp và địa bàn mà thoát thân. Hồi lâu hoàn hồn, không thấy cọp ruợt theo Thầy mon men quay lại chỗ cũ. Thầy mừng quýnh vì chiếc tráp và địa bàn vẫn còn nằm lẳng lóc ở đó, Thầy vội vã trèo lên nơi long huyết đã tìm trước mà đào bới chôn cất. Xong, Thầy hớn hờ trở về với hy vọng chờ ngày «long huyết

vượng phát». Không ngờ chiếc tráp Thầy chôn là hải cốt của Hồ-phi-Phúc còn con cọp kia chỉ là người giả mà thôi.

Hai thuyết kể trên tuy có khác về tiểu thuyết nhưng vẫn giống nhau là hải cốt của Hồ-phi-Phúc được chôn nơi long mạch trong dãy Hoành-sơn.

Các Cự còn kể tiếp rằng :

Sau khi chôn mộ Cha trên Hoành-sơn xong thì ba anh em Nguyễn-Nhạc vùng phát tướng. Mặt mây sáng rỡ, học hành thông thái. Thầy giáo Hiến dạy ba anh em Nhạc vốn là người có biệt-nhân lại thông thạo về khoa tướng số, xem biết anh em Nguyễn-Nhạc đã vượng thời nên mới đem câu sấm «*Tây khởi nghĩa, Bắc thu công*» ra mà khuyên Nguyễn-Nhạc. Từ đó ba anh em Nguyễn-Nhạc mới ráp tâm mưu đồ đại sự, chiêu tập hào kiệt, lấy dãy Hoành-sơn làm căn cứ.

Mãi cho đến khi Nguyễn-Huệ đại thắng 20 vạn quân Thanh tại gò Đống-đa, đuôi Tôn-sĩ-Nghị chạy về Tàu mình

không kịp mặc giáp, ngựa chưa thắng yên cương, mà còn nuôi mộng lớn lấy lại đất Lương-quảng, cầu hôn công chúa Vua Càn-Long, tiếng tăm vang dội cả Trung-quốc.

Ông Thầy địa lý năm xưa nhớ lại chuyện cũ, bèn bôn ba sang lại Hoành-sơn xem thử thì quả nhiên cuộc đất tìm ra năm trước đang phát. Hỏi thăm thì đó là mộ của Hồ-phi-Phúc thân sinh ba vua Tây sơn.

Thầy địa cả giận vì sự cướp đoạt long huyết của mình đã tìm ra và để tránh hậu họa chiến tranh Việt-Trung, Thầy địa bèn lập mưu phá long mạch bằng cách bảo Nguyễn-Nhạc hãy lấp mấy ngọn phụ lưu Sông Côn ở phía Nam và đào thêm mấy nhánh khác ở phía Bắc để dẫn thủy vào ruộng cho nhân dân cày cấy làm, ăn. Nguyễn-Nhạc tưởng thật nghe lời.

Những nhánh sông vừa đào xong thì dùng một cái, ở Phú) Phú-Xuân Nguyễn-Huệ bằng hà ngày 29-7-1792 (có tài liệu lại nghi 6-9-1972). ở trong

Nam thì Nguyễn-Ánh chiếm hết đất miền Nam rồi kéo quân ra đánh Qui-nhơn. Nguyễn-Nhạc chống không nổi phải cầu cứu cháu là Nguyễn-quang-Toản, Nguyễn-quang-Toản thừa thế cướp thành Qui-nhơn rồi lại sáp nhập lãnh thổ của Bác vào lãnh thổ mình. Nguyễn-Nhạc tức giận thổ huyết mà chết chết ngày 13 — 12 — 1793.

Nguyễn-Huệ mất lúc 40 tuổi, làm Vua được 5 năm. Con, Nguyễn-quang-Toản rot lên nối ngôi Thái-sur Bùi-khắc-Tuyên chuyên quyền làm bậy, triều thần chia rẽ, tương tá giết hại lẫn nhau. Nguyễn-Nhạc làm vua được 16 năm, sau khi chết

con là Nguyễn-Bảo cũng bị Nguyễn-quang-Toản giết. Từ đó nhà Tây-Sơn suy dần và đến năm 1802 thì bị Nguyễn-Ánh dứt hẳn.

Đối với thời đại nguyên tử, hỏa tiễn này, liệu người ta còn có thể tin những huyền thoại về long mạch là có thật không? Tin cũng không được mà không tin cũng không được! vì con người làm sao giải thích nổi cái lẽ huyền-vi của tạo hóa cũng như ai có ngờ rằng con người hôm nay đã lên được trên Cung Quảng?

Sinh-Hòa THÁI-TÀU

★★★



*La parure du mariage est l'enfant.
Đứa con là vật trang điểm của hôn nhân.*

Tục ngữ Pháp.

PHÙ - MỸ qua ca dao

□□□ THÂN-TRÍ-THIỆN

CHÚNG tôi thặng - hoa
vĩ-tử địa-vực Phù-Mỹ như một
khuôn-mặt mỹ-nhân, là hình
trái-Soan, có nốt rồi, có núm
đồng tiền.

Liên-tướng hình-trái soan vì
Phù-Mỹ có hình thể chữ-nhật,
dựng đứng theo chiều Bắc-Nam.

Liên tướng nốt ruồi vì Phù-
Mỹ có hai đảo là hòn-khô (tức
Hòn-Quy, tức Ile de Tortue) và
Hòn-Trâu (tức Ile aux Buffles,
tức Trâu-Island).

Liên tướng núm đồng tiền vì
Phù-Mỹ có Đầm Trà-ổ (tức Bàu
Bàn, tức Châu-Trúc) và Đầm
Đạm-Thủy (tức Nước Ngọt,
tức Đê-Gi).

Dấu rằng khuôn mặt Phù-Mỹ
là hình trái soan mỹ-miệu, có nốt
ruồi trang-diểm, có lúm đồng
tiền duyên-dáng, song khó có
thể làm cho chúng ta cảm mến

nồng-nát tha-thiết, luyến-tiết
da diết mặn-nồng, yêu thương
ngất-ngây đậm-dà, một khi không
được biết rõ nỗi-lòng tâm-tinh.
Bài này nhằm khơi động quang-
huy cho điều thiếu sót ấy, để
chúng ta ngắm-nghía Phù Mỹ
với hai thái-dô côi-mở, ưu-ái trùu
mến, càng ngắm nhìn lâu lòng
càng ưa thích nhiều khổ-ái, tựa-
như trông coi châu-thê ngọc-ngà
mỹ-nữ này sinh lắm nhiều tâm ý
lương hảo, khám phá mờ-xê
nhiều tân-kỳ khôi-tú.

Hảo nhiên, như trên đã nói,
người đã biết đến Phù Mỹ không
phải ở sự hiện-hữu mỹ-miệu của
nó mà chính là ở một hoàn cảnh
sinh hoạt thường-nhật trong nếp
sống của người dân địa phương.
là thanh đạm, an bần, là trầm-
lặng: —

*Khen cho Phù-Mỹ có tài,
Nấu cơm chén gạo nổi hai
cũng đầy.*

Thành thật mà nói địa vực Phù-Mỹ nghèo lắm. Cái nghèo ấy thuộc về ruộng nương thóc lúa. Năm nào mùa-màng mất-mát hư hại, người dân đành chịu thiếu thốn cơm gạo, cơ-cực cái ăn miếng uống bị giảm-sút. Để đắp đổi qua ngày, đồ lửa ngày hai, cơm gạo phải ghé thêm khoai mì (1), ngô bắp, đó là phương sách sinh sống hữu hiệu nhất mà người dân bản xứ đã đem ra áp dụng trong thời gian chiến-tranh Việt-Pháp bùng nổ (1945-1954), thành-hình thể hiện minh chứng qua câu ca trên.

Nghèo về thóc lúa, tức hoa-màu-chiếu nông sản, nhưng Phù-Mỹ không nghèo về hoa màu phụ.

Nhờ có nhiều đất-thổ, soi, rẫy, vườn... trồng được nhiều cây trái, hoa lá : mít, xoài, thơm (dứa) mía, đậu phụng (lạc), mè (vừng), tiêu... nhất là mì; dừa, và chè (trà). đã đem đến cho người dân một sinh-lực kinh tế dồi dào.

Về mì thì như trên đã nói.

Về dừa thì có câu truyền : —

Anh về dưới Vạn ăn dừa

Về chi bên Chụt ăn dừa mỗi
răng.

Vạn đây là Công - Trung, Thanh - Xuân thuộc xã Mỹ-Chánh, trồng nhiều dừa gang, dừa hấu, dừa hồng, trái to bự lại thơm ngon có tiếng.

Còn CHỤT tức là tên tục của Hưng Lạc thuộc xã Mỹ-Thành, dừa trồng nhiều thành rừng.

Đa dụng của dừa biết sao kể xiết. Từ rễ cây chỉ đến ngọn lá không một bộ phận nào mà không đem lại ít nhiều ích lợi thiết-thực hằng ngày trong cuộc sống người dân : —

Cái cây làm nhà,
Cái lá đánh tranh,
Cái cộng chẻ nhỏ để dành
làm nhang.

(1) Phân biệt : — Người Bình Định kêu CỬ thì người Bắc gọi KHOAI. Người Bình-Định kêu CỬ MỸ thì người Bắc gọi KHOAI SẢN. Người Bình Định kêu CỬ-SẢN-NƯỚC (để phân-biệt Củ Sản-Mì. Còn kêu tắt là Củ Sản) thì người Bắc gọi CỬ-ĐẬU.

Cái xô đập tiếp ngay hàng,

Cái sọ gáo, đã làm vầy :
..... (2)

Về chè thì ở Phù-Mỹ trồng gồm hai loại, là CHÈ với tên chữ là NAM-TRÀ, và CHÈ NGỌT ĐẮNG với tên chữ là CAM-KHỔ-TRÀ. Riêng chè có nhiều nhất ở Tam-Tượng, cao dao truyền tụng rằng : —

Anh đi Tam Tượng hái chè,
Bỏ cây ớt chín sau hè chìm
ăn.

TAM TƯỢNG là một địa-danh, ở phía nam dưới chân đồi Phú-Củ.

Đèo PHÚ-CỦ ở cực-bắc quận Phù-Mỹ, đứng làm ranh giới cho quận này và Hoài-An cùng tỉnh.

Trên đây là những hoa lợi thuộc nông sản, thổ sản.

Còn về hải sản, lâm sản thì : —

Một, nổi tiếng TẾP ở Đầm-Trà-ô (tức Đầm Châu - Trác, Bàu-Bàn) : —

Rủ nhau mua tép trà-ô,
Sắn bờ cát trắng phơi khô
đem về.

— một, nổi tiếng gỗ Hà-Ra : —

Anh về gỡ gỗ Hà-Ra,
Cắt nhà lăm thượng, thàng
ba em về

Song-song với lợi tức thâu-hoạch được nhờ ở mặt thiên nhiên, thiên tạo, người dân Phù-Mỹ còn phải đem về tâm sức mình làm lụng ngày đêm, vất vả mồ hôi nhân tạo hầu mới mong đem lại một nếp sống khá dĩ-dồi-dào, sung túc, an lạc. Một trong những sinh hoạt ấy chúng ta phải kể đến nghề làm Thủ Tiều Công Nghệ. Trong nghề này, đáng kể nhất là việc dệt chiếu, làm chiếu, sản xuất nhiều nhất ở An-Nghiệp, Công-Lương, Trà-Bình... nhưng không đâu bằng xứ Bồ-Dịch : —

Anh về bồ dịch, giăng
vuông,

(2) Bài về này hãy còn dài, rất tiếc chúng tôi không nhớ trọn đủ. Độc giả nào huộc nguyên vẹn, xin ghi chép tiếp tay chúng tôi, gọi là góp phần tô điểm tu-bồi vào rừng văn hóa dân-tộc Việt-Nam nói chung, tỉnh nhà Bình - Định nói riêng.

No com, ẩm chiếu lương-
tuồng bỏ em
Em về bầu dịch, giếng
vuông (3)
Sáo treo bốn bức, em buồn
nỗi chi.

Chàng hỏi nàng hôn chữ EM
BUỒN NỖI CHI thật chua cay
độc địa thấm thía. Vì cái buồn
ấy chỉ dành riêng cho chàng
mới hợp tình hợp cảnh hơn : —

Ai về Phủ-Cũ nhắn nhe,
Nhắn chị bán chè sao vậy
chàng lên ?

Chàng nhờ AI thì AI biết AI
mà nhờ ? — Nhắn chị Bán
Chè thì chị bán chè là CHÈ ẮN
hay CHÈ UỐNG đây ? Hay là
chị bán chè như ngụ-ý trong một
câu ngạn ngữ luân lý ẮN
CHÈ ? . Khó mà đoán biết
được. Rõ là những lời lẽ mơ-
hồ u ám vớ-vẩn của kẻ thất tình
sinh lầm cảm lú lẫn, ăn nói vụng
về không ăn nhằm vào đâu cả,
không ra gì cả.

Duyên có tại mình, lỗi tại
mình, trách móc ai được. Mặc,
chàng lắm bầm gât gông bức-
độc, phất câu nổi dóa, nặng lời
thô thiển với nàng : —

Thật thà là thói hồng nhan,

Ấn xuôi nói ngược thà (thề)
gian lạ gì !
Mạn chàng nước vũng đề gì,
Gọi đầm nước ngọt lẽ gì hỏi
em ?

Sầu tình khó đem lại một sự
thăng bằng, lắng đọng cho trí óc
con tim. Thuốc men nào chữa
trị khỏi. Linh nghiệm chỉ có
thời gian.

Cái yếu điểm bí hiểm, tất yếu
đó nào có khác chi một khi
chúng ta muốn hàn gắn lại vết
thương lòng bởi sự rạn nứt đồ-
vỡ phá sản tinh thần lẫn vật
chất do chiến chinh máu lửa đem
đến.

Một ngày xưa : —

Có người ở phủ Qui Nhơn,
Ở Phù-Ly huyện. Gần miền
Bích-Kê.

Cha xưa đi lính trụ về,

(3) Về Giếng - Vuông, ca-
dao Bình Định còn có câu :
Khen ai khéo vét (đào) giếng
Vuông,
Đề em mức (gánh) nước
đàng (đường) truông một
mình.

Vợ chồng gần kề sinh đặng
(được) một con.
Chim trời cá nước chon
von,
Cha mất mẹ còn la chịu
mồ côi (4)...

Người Phù-Mỹ không ai biết
Bích-Kê ở chỗ nào. Có lẽ
không phải địa danh, mà tiếng
danh từ chung chỉ miền sơn
cước.

Bích Khê là khe sanh.

Hav là Bích Khê lắm lộn từ
Bích Khê mà ra ? Hoặc là Kê-
Khê ? . Là những địa danh có
mặt tại Phù-Mỹ.

Chú g ta tạm cho đó là một
huyền thoại.

Còn hôm nay, sau này lịch sử
khắc ghi. Lúc đó nó trở thành
một kỷ niệm buồn, thương,
chúng ta lấy làm kinh nghiệm, và
có quyền hay không có quyền
chấp nhận AIMEZ CU QUE
JAMAES ON NE VERRA
DEUX FOIS (5) : —

Không đi thì nhớ thì
thương,
Ra đi thì sợ cầu cương, chợ
gồm.
Không đi thì thăm thời
sầu,

Ra đi thời sợ nơi (chiếc) cầu
Phù-Ly

Chúng ta buồn tầm mắt,
phóng nhìn gái Phù-Mỹ, đi từ
xã Mỹ Quang (thị trấn, quận-lỵ
Phù-Mỹ) lên xã Mỹ-Hòa (A) (đặc
biệt Phước-Thọ) rồi v.v., Không,
xin lưu ý chỉ riêng xã Mỹ-
Chánh mới có được nhiều gái
đẹp. Mấy khu vực vừa kể còn
an ninh Quân-Sự lẫn Hành-
Chánh trong cuộc chiến hiện tại,
là một địa bàn tốt để chúng ta
dễ dàng thuận lợi du quan rửa
mắt, khuây khỏa tâm hồn ANH
CHANG41(6) thật sự sống tại địa

(4) Cùng như chú 2.

(5) Yêu lấy những cái ta
không thấy được hai lần
(A) Có người đã biến cải
một câu dã dao Việt Nam
đề ca rằng : —

(...) Mấy sông cũng lội, mấy
đèo cũng qua,
Một ngày mà vắng Mỹ-Hòa.
Sáng từng từng nhớ. Tối
tả tả trông.

(6) Tức đơn vị Cộng-Hòa
(Chủ Lực) Bộ Binh (Lực-
Quan) Trung-Đoan 41.

vực Phù-Mỹ kể từ cuối năm 1966, và các ANH CHÀNG BẠN CỦA Y), (7) thành thật mà nói không được huỳnh đệ chí-bình cho lắm, thường đồng nhau tán tỉnh ve vãn gái Phù-Mỹ thật ráo riết tới đả, nhiều lúc rất tình tứ thi vị, song cũng có lúc ngỗ-nghê lỗ mãng. Dĩ nhiên trong việc tán tỉnh ấy không sao tránh khỏi được sự đụng chạm, xích-mịch xô xát nhau. Sở trường sở đoản của mỗi ANH CHÀNG đều được phơi bày ra trọn vẹn trước mắt mỹ nhân đề tùy ý mỹ-nhân thích AI chọn nấy : —

*Dường Bình Định gặp nghề
sỏi đở,
Con gái Bình Dương có má
ứng hồng,
Có lấy chồng lấy thiết vận
xa,
Đừng lấy anh ba thì tôi
buồn lắm.
Em ơi chớ lấy pháo binh,
Đêm đêm nó bắn rung rinh
cột nhà,
Sư đoàn hai mươi hai
Con gà mang trên vai.*

Khi chúng ta lấy nỗi-niềm tình-cảm riêng tư cá-nhân thì nhìn được như vậy. Bao quát hơn, chúng ta phải ruột thắt đau lòng.

Kể từ ngày cái mà chúng ta thường gọi là ĐỎ-LA lảng-vàng trên mảnh đất chữ S thì gây nên một thảm-trạng thuần-phong mỹ-tục. Và riêng cho địa-vực Phù-Mỹ cũng không sao tránh khỏi. Việc đi-diểm đi-thỏa càng ngày càng lan tràn bành-trướng. Một nổi tiếng có DIỄM-TIÊU. Kể là cây số MỘT và HAI (Trà-Quang) Hằng ngày tại các nơi đó diễn ra k'ông biết bao nhiêu cảnh trái-tai gai mắt. Rất tiếc diễm này đã làm phụ lòng một chiến-sĩ từng nói : —

— «Bình-Định, một thứ Bình-Định còn nguyên vẹn linh-hồn, còn sáng ngời bản sắc. Nghĩa là một Bình-Định chưa bị đỏ-la, chưa bị đổ hộp, chưa bị những màu áo, những cặp đùi, những bộ ngực hở-hang phơi bày lộ-liếu một cách tục-tĩu như trong thị xã Qui-Nhơn. Phải nói rằng Bình-Định chỉ thực sự là Bình-Định từ quận Phù-Cát đổ đi Bình-Định

(7) Những đơn vị : Thiết-Giáp, Pháo-Binh, Bảo-An, Địa-Phương-Quân, Nghĩa-Quân, Thanh-niên chiến đấu v.v.,

chỉ thực sự ở màu áo đen lam-lũ» (8).

Lẽ tất nhiên trong lời nói trên đã hàm-chứa địa-vực Phù-Mỹ.

Không ai chối cãi được địa-vực Phù-Mỹ hiện tại này đây tang-thương lắm. Có nhà tan cửa nát. Có ruộng đồng hoang-liêu. Có cây rơi máu chảy. Nội một ngày 23 và 24 tháng 09 năm 1965 tại Phù-Ly, Phù-Cũ cách nhau trên 30 km đã có đến 01.350 cái xác người Việt, cái mà ngày nay chúng ta gọi là Việt-Cộng khát máu, trở về với cát-bụi hư-vô.

Những đối thoại tranh-chấp vu-vơ, chỉ có đem lại cảnh nổi-da xáo-thật càng thêm não lòng :

*Linh cụ Ngó vàng đeo đầy cổ
Linh cụ Hồ cực khổ ngàn năm
Linh cụ Ngó, khổ sau, sướng trước
Linh cụ Hồ khổ trước sướng sau
Bán một viên lóp khiến lóp
Bán một phát lóp vác lóp
Bán huyện . thuyền không
Bán một phát lóp vào lóp
khiên.*

Cán-Bộ thời tha,
Liên-Gia, Ấp-Trưởng

..... (9)

Bao thảm-cảnh xảy đến làm cho TÌNH QUÂN - DÂN CANNƯỚC đẹp-dẽ thắm-thiết hầu như không còn nữa. Đây một tranh chấp khốc-khau giữa Quân với Dân : —

*Linh một ngày,
Trai-cày ba tháng*

(8) An-Quang, trong trí nhớ một người, bút ký của Lê-H.-Nam, chiến sĩ cộng hòa, số 157 ra ngày 15-05-1970.

(9) Cùng như chú 2.

Ngoài ra, chúng tôi còn được nghe biết một thoại dân ca Phù-Mỹ do Quán-Nhân TrĐ 41 BB lưu-truyền, mô-tả những trận-tuyển cũng như cảnh sinh-hoạt đặc-biệt mỗi một nơi Phù-Mỹ mà họ đã có dịp sống qua. Độc-giả nào thuộc lâu, biết rõ làm ơn biên thư mách bảo với chúng tôi. Xin cảm-ơn trước.

Này một trong những thảm cảnh được đàm tiếu, thần sầu quái khốc; có thể nói rằng bất-biệt, đã đi vào lời ca tiếng hát, sống mãi bên cạnh những người dân-quê chất phát hồn nhiên : —

*Lính bắt gà,
Bà già lăn khóc*

Lời ai oán vọng về đâu ? Chỉ có Trời Mây Non Nước âm thầm chép đời tang thương.

Ngày ngày, mỗi nơi nơi, bôm nổ đạn rơi, lửa cháy ngút trời xanh, nước mắt và máu mủ lại láng thắm nhuần vào mặt đất, vẫn không đem lại một sự an cư lạc nghiệp nào.

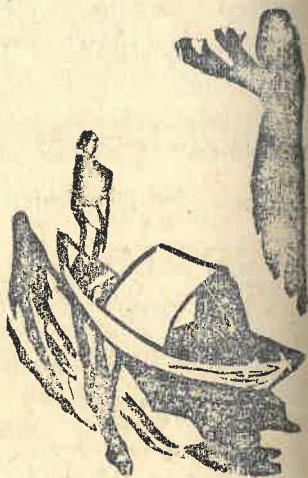
Nhưng nào có phải riêng địa vực Phù Mỹ đâu, mà là chung cho cả cái hình chữ S bé nhỏ quần quai đau khổ này.

Nhưng nào phải riêng địa vực

Ngày xưa, nàng NGUYỆT LÝ NHI (Scheher aafde) kể chuyện TÌNH trong ngàn lẻ một đêm cho vua Ba Tư (Perse) SA LỊ GIA (Scharia) nghe, đã cứu vớt được biết bao ngàn người con gái đẹp để trình tiết thoát khỏi nanh vuốt tử thần nhục dục .

Còn -húng tôi kể chuyện HIỆN TẠI PHÙ MỸ phỏng có mong đem lại một sự ích lợi thiết thực nào không ? Xin thưa gọn lỏn chắc có lẽ rằng không. Thôi thì chỉ còn có cách biết trồng cây nôm và vào bản chất Ô PHI (10) CHI DÂN HẢO TỤNG mà cáo cùg HẬU-THỎ HOÀNG-THIÊN về cái tình cảnh chung của đất nước Việt Nam hiện tại, địa vực Phù Mỹ nói riêng.

(10) Địa - danh ở giữa khoảng Phù-Chiêu thuộc xã Mỹ-Phong, và Chánh-Trực thuộc xã Mỹ-Thọ.



VÔ THUẬT

TRẦN-TUẤN-KIỆT biên soạn

(Tiếp theo P.T 248)

Giải thể cương quyền của các bài :

— Phụ Tứ Bình

— Đại trấn quyền Pháp

— Bát Quái Quyền Pháp v.v...

Soạn quyền : Phần hình ảnh khó khăn vô cùng. Một là thiếu họa sĩ ít ra cũng hiểu về võ thuật để thực hiện đúng cách thế của ngôn quyền.

Hai là chúng tôi thiếu phương tiện để chụp một khoảng tồn phí không nhỏ để thực hiện các hình ảnh đó. Vì thế, chúng dùng tôi tạm qua

tài liệu soạn thảo ở các quyển võ thuật của người Trung hoa mà soạn ra.

Các thế quyền, thường-thường một miếng như một thế. Song Long Bảo Châu, phân chia ra làm nhiều thế khác. Chúng tôi phân ra một chế, chính theo phép chiến đấu và kinh nghiệm của riêng mình. Điều này quý vị cao minh chỉ giáo cho các chỗ sơ hở, và hay họ thêm thì thật là quý báu.

QUYỀN THẾ

1 — Hiện Long Tàng Hồ :

Thế võ này ẩn hiện như rồng

vươn vút và cụp đầu hình đi.

Tác động :

Đứng theo phép định tấn.

Mặt ngó thẳng về hướng địch thủ.

Tay trái thẳng ra. Bốn ngón tay xòe dựng lên. Ngón tay cái (bàn tay trái) kẹp vào kín ở lòng bàn tay trái. Tay mặt (phải) cụp lại. Nắm chặt và đặt vào thất lưng bên phải.

Chân trái rùn xuống. Chân mặt duỗi ra.

Tác dụng : Ta có thể dùng thế này để công địch như sau :

+ Đối diện với địch. Ta thét lên một tiếng «hư» lớn để cướp tinh thần. Rồi dùng *Hiện long tàng hồ* và công địch.

9 — Tay trái như hình bên xòe ra đánh úc bàn tay vào mặt địch.

b — Chân phải từ sau, đánh đầu gối vào rốn địch

c — Cúi chỏm đánh vòng xuống huyết *Huyền Cơ* (là nơi bên cổ trái địch)

Tất cả 3 tác động đều phải nhanh như chớp (xem hình kỳ sau)

2 — Phiên Lôi Cồn Thiên
Thế này có nghĩa là *ánh chớp dậy trời*.

Tác động : Đứng theo phép định tấn. Hướng mắt về địch thủ.

Tay trái đặt vào cạnh sườn. Bàn tay nắm chặt lại.

Tay mặt dắm vòng xuống. Như hình bên.

Chân mặt rùn xuống.

Chân trái rướn ra

Tác dụng : Thế này tiếp theo thế *Hiện Long Tàng Hồ* để công địch.

Tay mặt dắm vào ngực địch.

Tay trái thủ sẵn một thế công, dắm thẳng vào bụng địch. (Nếu địch bị trúng đòn tay phải vừa rỗi).

(xem hình kỳ sau).

3 — Long Quy Tuyền
Động : Thế này có nghĩa là *Rồng trở về suối*.

Tác động : Chân đứng *lập*

tấn. Mặt ngó ngay tới trước về hướng địch thủ.

Hai tay co vào đặt nắm tay vô cạnh sườn.

Hai chân danch ra vừa tầm đứng.

Tác dụng : Thế này có thể xuất kỳ bất ý đánh ra địch bằng các thế nào cũng tiện cả.

Ta có thể dùng thế *Tam Xích Kiếm Trảm Thanh Xà*. Hoặc thế *Phụng hoàng triều dục*. Hay *Tam chiến* mà tấn công địch (Xem quyển *Thiếu Lâm Tự Học*) do nhà Khai Trí in.

4 — Hồ Nhậm Sài Môn :
Thế này có nghĩa là *Cọc vào tới cửa*. Vừa công lẫn thủ đều được cả.

Tác động : Đứng định-tấn. Nhìn ngang mặt địch thủ.

Tay mặt đưa ngang tầm mắt. Che phía bên mặt.

Tay trái duỗi thẳng xuống (xòe ra) che hạ bộ.

Chân mặt rùn xuống. Chân trái duỗi ra (định tấn)

Tác dụng : Thế này có nhiều cách xử dụng về thủ lẫn công địch.

a) Nếu địch cầm dao đâm hoặc chém vào.

Chân trái bước xéo qua trước (phía bên mặt).

Chân phải bước (nhảy) liền theo chân trái (khoảng cách chân trái chừng 2 tấc).

Lúc đó chân trái rùn xuống và đá chân phải vào cánh tay cầm dao địch.

b) Nếu địch đánh vào mặt.

Tay trái khoát lên đỡ.

Tay phải dắm thốc vào ngực địch.

Chân trái xoay lại trụ xuống

Chân phải đá tung vào hông địch.

5 — Song Long Xuất Hải :
Thế này có nghĩa là một cặp rồng thiêng ra biển cả.

Tác động : Mắt nhìn thẳng ra hướng địch.

Chân định tấn.

— Chân trái rùn xuống trước.

— Chân phải ở sau duỗi ra.

Hai tay xòe đánh thẳng về hướng địch. (nhớ là 2 ngón tay

cái co vào lòng bàn tay)

Tác dụng : Từ thế Long Qui Tuyền Động. Ta có thể đánh 2 tay ra thành thế Song Long Xuất Hải.

Đánh ra bằng tức bàn tay.
(xem hình kỳ sau)

6 — Mãnh hổ thối sơn :
Thế này như con cọp mạnh chồm vờn xé quả núi.

Tác động : Chân đỉnh tấn. Mắt hướng tới trước,
Hai tay đánh thẳng ra.

Chân mặt rùn xuống.

Chân trái ruỗi ra.
(xem hình kỳ sau)

Tác dụng : Ta có thể đứng theo lập tấn.

Phóng 2 chưởng vào mặt địch.

Đồng thời rùn xuống sát xoay chân trái một vòng ra sau chân phải.

Tay mặt che ngực,

Tay trái chém cạnh tay về hướng yết hầu địch.

(Xem thế Song Long Xuất Hải & Thiếu Lâm Tự Học).

(còn nữa)

Tủ sách Hồng Lĩnh phát hành giữa tháng 7

2 cuốn sách về Thiếu Lâm Tự đầy đủ hình ảnh và dẫn giải rõ ràng cho người tự luyện tập.

1 — THẠCH ĐẦU QUYỀN

2 — BẮC PHÁI PHẬT GIA QUYỀN

Nền mỹ-thuật

CỔ - ĐÔ HUẾ

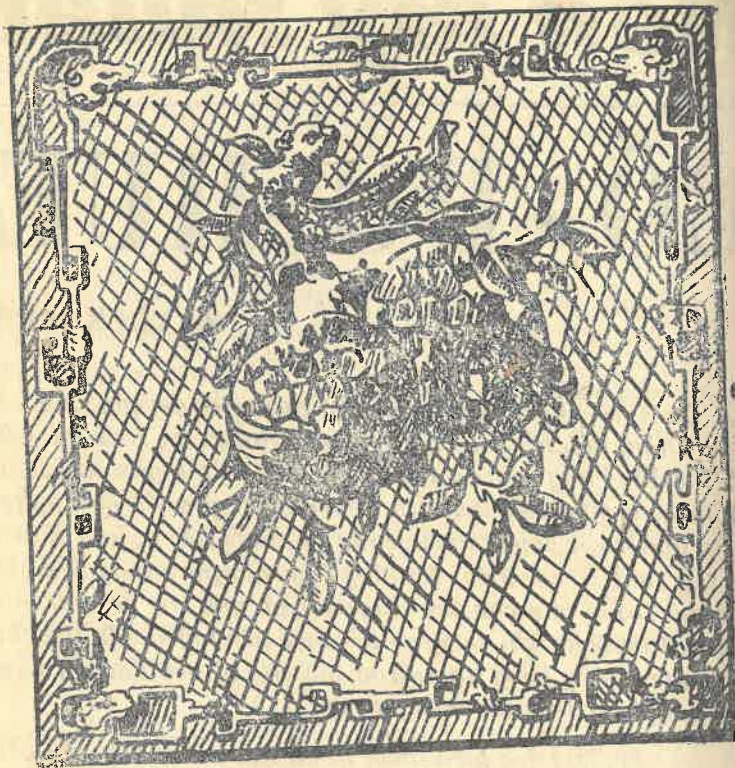
★ TÍN KHANH

Dưới sức phá hoại liên-tục của thời gian và qua biển cổ Mậu-Thân, hầu hết các kiến-trúc mỹ-thuật xa xưa tại Cổ-đô Huế đã bị hủy hoại và trong một tương lai gần đây, khó có hy vọng phục hồi như xưa. Bao nhiêu người đã ngơ ngẩn, buồn đau trước cảnh tang thương ấy, nuôi tiếc những di tích đã tàn rụi trên các điện đài lừng lăm nhưng không bao giờ xóa mờ trong tâm can họ. Đây cũng là mối ưu tư của mọi người Việt-Nam khi thương tiếc một nền mỹ-thuật, tuy còn trẻ trung nhưng từng tạo được một địa vị độc đáo, đã phải mang một vết thương trầm trọng.

Để giúp bạn đọc hiểu thêm về những nét chính của nền mỹ-thuật cổ Việt-Nam và đặc biệt là ở Huế, chúng tôi giới thiệu loạt bài biên khảo của Bạn Tín-Khanh sau đây căn cứ vào những tài liệu của nhà khảo cổ trứ danh L.Cadière và những tài liệu thu lượm trong các sách vở xưa.

Có thể quả quyết rằng nền mỹ-thuật Cổ đô Huế tuy mới vừa 3 thế kỷ, rất trẻ trung so

với nhiều quốc gia khác phát triển trong một hoàn cảnh mới, nghèo nàn chật hẹp nhưng đã giữ vững vai trò đàn anh trong



Quả na và cảnh lá phong vân hóa đầu

nền mỹ thuật Việt-Nam nói chung và cả nhiều quốc gia khác ở Đông-nam-Á nữa. Một nền mỹ thuật kết tinh của non sông cầm tú, của ảnh hưởng lịch sử nên đã có một đường lối khác biệt và mới mẻ.

Về mặt mỹ-thuật, nếu nói về kiến-trúc qua những lăng tẩm, đền đài chúng ta có thể nhận ra ông bà ta xưa không có tham vọng lớn lao. Các tiên nhân không khi nào nghĩ đến xây dựng những đền đài đồ sộ, những cung cấm nguy nga,

vĩ đại như ở Trung-Hoa, Nhật-bản, và dù có nghĩ đến họ cũng không đủ nguyên liệu và phương tiện.

Như thế không có nghĩa là nền kiến trúc Việt-Nam không đáng chú ý.

Các ngôi chùa nhỏ, nhà cửa đền đài thấp và tối mặc dù vẫn được trang hoàng rất tinh tế... Những đường nóc, trụ cột, công vào, bình phong.v.v.. đều xây đắp rất mỹ thuật bằng hình nổi, màu sắc sặc sỡ, rất hòa hợp với cảnh vật chung quanh và ánh sáng trời phản chiếu.

Bên trong, các hàng cột, trau bào rất nhẵn nhụi hoặc láng ngời với màu gỗ thiên nhiên, hoặc ánh lên với màu sơn son thết vàng.

Vách tường cho đến các trính hay xà nhà xuyên bóng bàn ghế đều chạm trổ hồi-văn,

hoa lá tỉ mỉ, hay chạm lõng rất công phu; Những đồ trang trí vật vạnh nhỏ bé nhưng quý giá bày biện trên bàn hay sắp trong tủ.

Nghiên cứu lịch trình phát-triển của nền Mỹ-thuật Việt-nam và cụ thể hơn là ở Cổ đô Huế, nơi tập trung điển hình của nền mỹ-thuật ấy là cả một công cuộc công phu, vì phải đi sâu vào từng bộ môn một như nghề đúc đồng, bạc, chạm trổ trên gỗ, làm nhà, nghề mộc, nghề họa và tô đắp trên vôi, nghề thợ nề.v.v... Thêm vào đó, còn các nghề thêu thùa, thợ vàng bạc, thợ làm mảnh (sáo), họa sĩ vẽ ra chữ.v.v.....

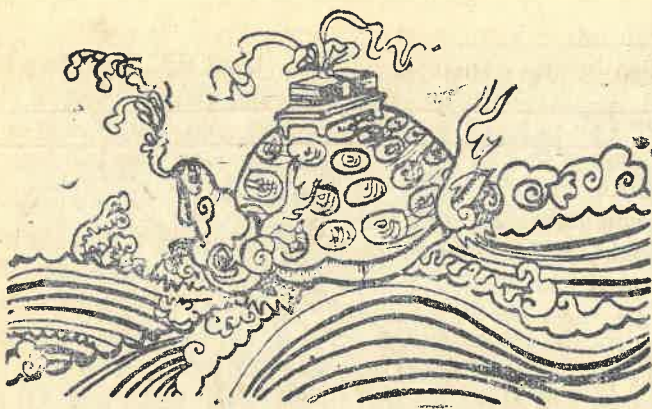
Những điểm đặc biệt

Như đã nói ở trên, tại Việt-Nam mỹ-thuật dưới hình-thức qui mô xem như là chưa có hẳn.

Ta hãy đi sâu vào từng mặt



Long, Phụng trong các tác phẩm chạm trổ



Quy với luồng khói xoáy ốc

đề thấy rõ hơn.

Tại các đền thờ, trên vách thường treo các liên, trướng có hình họa về các đề tài Trung-Hiếu.v.v... các bức họa về Phật hay các Vị Cao Tăng.

Ở các tư gia khá giả, các câu liên giấy vẽ hoa lá, thú vật hay phong cảnh. Trên bàn thờ, ở giữa thì tượng Phật, chung quanh, ảnh các chư Phật. Cũng có nơi thờ hình Quan Công...

Ở các lăng tẩm Vua Chúa, dọc hai bên đường giữa sân tượng trưng cho sân châu, có hai dãy tượng quan văn quan võ...

1) Gò bó trong khuôn khổ

Theo quan niệm về trang trí ở Việt-Nam, các hình vẽ hay chạm trổ trên gỗ hay đồng, các hình linh vật đắp trên các nóc, mái đình hay cung lẫm v.v... hoặc trên các phen vách đều được trình bày đề thỏa mãn về phương diện mỹ-thuật nhiều hơn.

Vì thế, nhìn vào một khúc hồi văn (grecque), một chiết chi, một dây liên đẳng, hoa lá hay thú vật, cho đến con rồng uốn khúc, con kỳ lân lùn, mập hay con rùa thô kệch, ta nhận thấy có khi kéo dài ra hay thu ngắn

lại, vặn uốn có khi thay đổi hẳn điệu bộ đến dị hình.

Mục đích sự gò bó ấy không ngoài quan niệm đặc biệt muốn cho đường cong góc mái kia được gọn gàng, tấm hình đắp trên vách nọ không thiếu sót một trong các đề tài chung, hoặc đầu cây trính không tron tru, ngang ngay sò thẳng như ở các nhà thường dân.

Thậm chí cho đến trên một nắp traps hay trên chiếc lộc bình, các hình vẽ phức tạp kia cũng được trình bày trong một khuôn khổ nhất định, tức là chú trọng về phương diện mỹ-thuật hơn là diễn tích.

Ta hãy xem một bức họa «Tùng lộc» trên một nắp traps khác hẳn với lối vẽ của Tây-phương. Ở đây, hình vẽ dù nhỏ hẹp bao nhiêu cũng phải tỉ mỉ, không bỏ sót một bộ

phận nào. Vì thế con nai có đủ chấm trắng trên da lưng, gạc có bao nhiêu nhánh, chân có mấy móng đều phải đủ số. Về cây tùng, cũng rể, cũng thân cây với vỏ nứt nẻ, cành sum sê, lá um tùm... Họa sĩ cũng không quên điểm thêm ở nền đất mấy bụi cỏ.v.v...

Quan niệm họa theo lối này, trong trường hợp nào ta cũng gặp, và hơn thế nữa, nhà họa sĩ hay điêu-khắc Việt-Nam còn tô điểm thêm cho đề tài mình những hình thức đẹp hơn, ý nghĩa hơn.

Con Rùa mà người ta thường thương xót mà nói lên :

*«Thương thay thân phận
con rùa
«Trên Đình hạt cười, dưới
Chùa đội bia.»*

là một trong tứ linh được chú



Hồi văn Chiết chi



ý hơn hết.

Rùa thường được dùng trong các họa phẩm hay điêu-khắc phẩm làm đề đội bia. Năm địa vị độc tôn ấy, vì rùa là con vật sống lâu. Trong kiến trúc cũng như hội-họa Việt-Nam, rùa tiêu biểu cho Bền-bỉ, Trường thọ, cho nên đặt rùa đội bia là muốn cho bia cũng như rùa được trường tồn bất chấp thời gian.

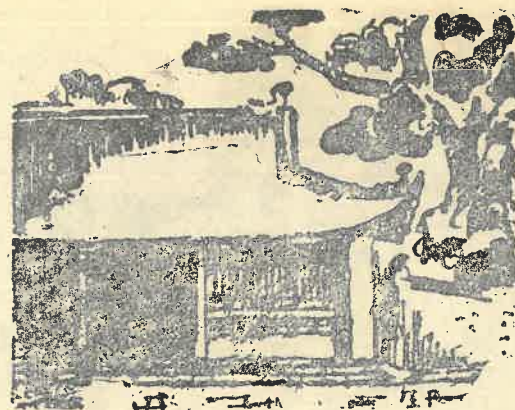
Nhưng khi trình bày Rùa, lại có nhiều cách linh động.

Trong việc đội bia hay hạc cưỡi, giáp rùa được tạc ra đầy đủ vân hay vẩy, cổ ngắn, mõ chỉ lên, nhưng khi phải dùng rùa thay thế rồng (Long)

trong một hình thức trang-trí khác như cuối một đường quyết mái chùa hay chen lẫn trong chiết-chi, mu rùa cao hóa ra vô dụng, người họa sĩ tự tiện cho thấp xuống đồng thời kéo cổ dài ra, và để thêm duyên cho cái đầu vô duyên dài thông ấy. họ cho rùa phun thêm một luồng khói dài xoáy ốc..

2) Không thoát ly mẫu cổ điển.

Nhà mỹ - thuật Việt - Nam kiểu-thức-hóa đề tài mình không ngoài mục đích trang trí thêm duyên dáng. Mọi lối trình bày đều phải theo một khuôn khổ nhất định từ xưa truyền lại, không những trong



Long hay Phụng trên đường quyết các đình chùa

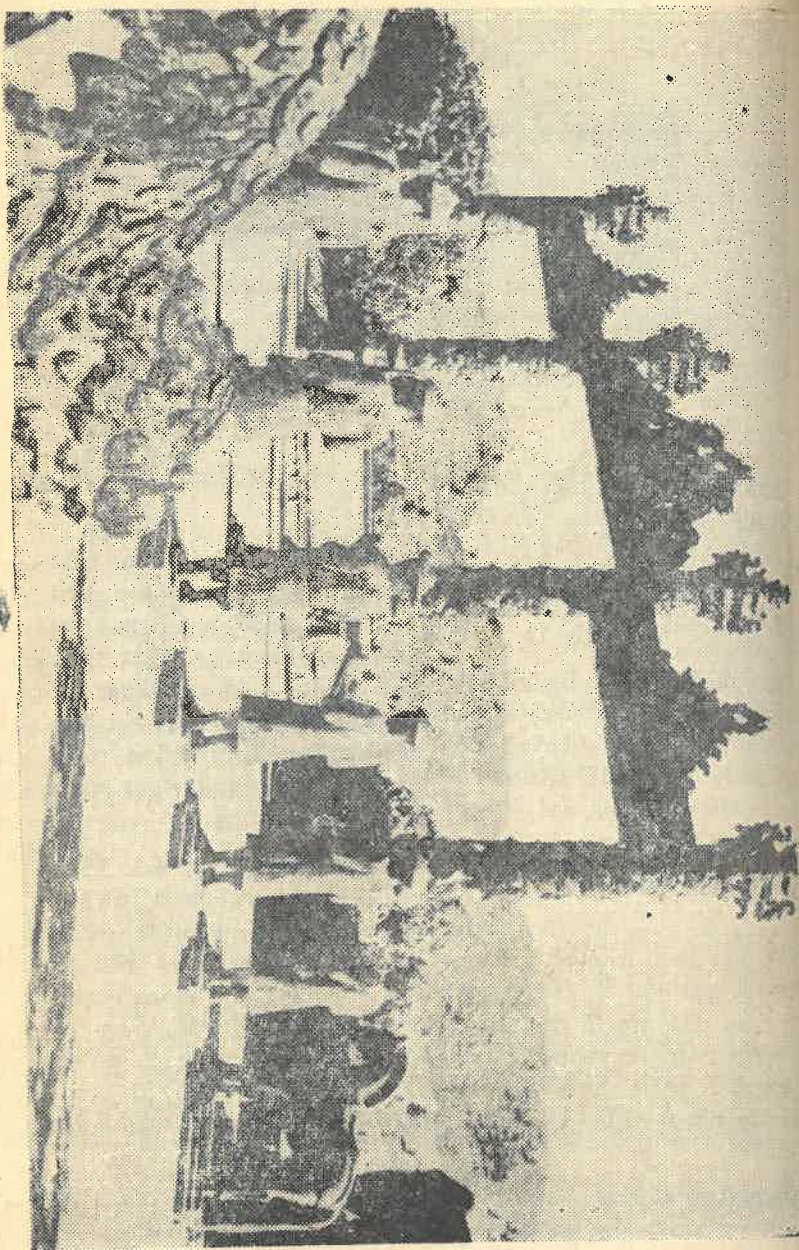
nét vẽ mà còn trong hoa lá, thú vật, tinh vật, mây, bèo, núi, đá v.v...

Tuy nhà họa sĩ hay điêu-khắc không thiếu óc tưởng tượng nhưng họ không có quyền ra đi khỏi phạm vi phong thể cổ điển, và dù có thể thoát ly được, họ cũng tự ràng buộc vào khuôn khổ ấy.

Ta hãy xem một mặt trám gỗ trạm quả như lê, đào, mạn, lựu v.v... Đối với lê hay đào, thì nhất định giữ y hình thức không thể thêm bớt vì loại trái cây này ít có ở Việt-Nam,

ta phải bắt chước theo mẫu của Trung-quốc. Nhưng khi chạm trổ trái lựu hay na (mãng cầu) hay quả phật thủ, tuy nhà điêu khắc không lạ lùng gì những quả ấy, thường ăn, thường thấy, cũng phải tôn trọng những nét theo hình thức đã qui định.

Trên một bức tranh khác chẳng hạn, họa một phong cảnh (các phong cảnh trình bày thường tương tự nhau), con ngựa (mã) đứng dưới chân cây liễu (đề tài liễu mã), những nét của ngựa, co chân vào, và cây liễu cành lá sum sê thể nào đều nhất theo một



luật đã vạch sẵn.

Cho đến những bức tranh tĩnh vật : bên chiếc lộc bình đầy hoa có quả lựu lộ vổ một phần (lúc nào lựu cũng được trình bày lộ một phần vổ) để lộ hột trắng hồng, cũng họa theo một mẫu cố sẵn. Cũng như trong quả Na, những đường kẻ thay vì hình tròn méo hay nhiều cạnh lại thành những đường gạch xéo đều đặn. Quả Phật-thủ thì phải cong mấy (móng) vào như chân gà luộc, lắm khi biến thành một quả dị hình quá xa với thực tế, nhưng bên trong họa sĩ có dụng tâm đó là tượng trưng cho lông bờm hay sừng rồng.

Cảnh hữu tình nhưng xa rời thực tế.

Nhà nghệ sĩ Việt-Nam quen thoát ra ngoài thực tế, và muốn trở lại với tả chân đối với họ rất khó khăn.

Họ cũng thường vẽ phong cảnh. Ngoài những cảnh dựa theo điển tích như vật nào cùng với loại cây nào như Liễu Mã (ngựa dưới bóng

liễu) Liên-Áp (Sen và Vịt), Mai Điều (Mai và chim), Cúc Điệp (hoa cúc và bướm), Tùng Lộc (nai với tùng. Trúc trúc (Trẻ và chim sẻ) v.v... cũng có nhiều lúc họ sửa đổi chút ít đề tài nhưng vẫn giữ tính chấp phong vận (stylisation)

Ngoài những cảnh trên, còn những phong cảnh thiên nhiên : Những đề tài Sơn thủy mà các họa sư Trung-quốc xưa thường tô điểm dựa theo quan niệm cho rằng Đá là xương của trời và đất, nước là máu của núi non, cỏ cây là tóc, sương mù và mây là màn sắc thiêng liêng. Những phong cảnh này thường được trình bày trên các mặt cột hay trụ biểu hoặc những phen bậc. Những nhà nghệ sĩ không chịu đưa ra một cảnh thực tế mà họ quen thuộc hay đã từng thấy có đủ «điều kiện» sơn thủy hữu tình».

Cách họ trình bày thường thường là một mẫu phong cảnh đã họa sẵn từ xưa, một mẫu phong cảnh cổ điển : Quả núi ở tận xa xa, lúc nào cũng ẩn sau làn sương mù ; những tòa



Quả đào

nhà, đèn đài tân kỳ không từng có ở đất nước nhà. Lại thêm những chiếc cầu vòng mỏng lưng lư rất cong, chỉ có trong sách vở hay họa phẩm Tàu thối. Cây cối chi chóc củ kỳ hàng mấy thế kỷ... Nói tóm lại từ núi non, nhà cửa cho đến con sông uốn khúc, những bãi đất... tất cả đều như thuộc về một cảnh hoàng đàng, hay ở thời xa xưa, không một chút nào gần gũi chớ đừng nói là đúng với thực tế.

4) Cả đến người cũng thiếu linh động.

Trong nhiều loại phong cảnh khác như trong loạt họa phẩm «Bá cổ» «một trăm cái xưa» cũng có bóng người, một số mẫu người gần như nhất định. Những ông tướng, mình mặc giáp tung giáo, những kỵ mã phi ngựa như bay, một hươu-quan vui thú điền viên đứng bên bờ sông ngắm cảnh: một «quân tử» chằm cho thế

cuộc, ngao du sơn thủy tìm cảnh «an bần tự lạc», đôi «thực nữ» nô đùa dưới hoa... tất cả nhân vật ấy đều tiêu biểu cho giới quý phái hay trong hoàng tộc nên điệu bộ ra vẻ khoan thai, thanh nhã.

Thỉnh thoảng trong tranh cũng có một vài vai quen thuộc: một nông phu vát cày (canh); một ngư ông với chiếc lò xách tay, cần câu trên vai (ngư), một «thợ rừng» gánh hai bó củi (tiều). Tại đây, nghệ sĩ cũng muốn tô điểm cho gần với thực tế nhưng vụng về làm sao! Nét họa đã quen tay trong lúc vẽ hình các «đăng quân tử» khoan thai hay các «ả tiều-thư» xinh tươi đài các, nên điệu bộ của các vai «thứ dân» kia cũng không thoát được vẻ khoan thai, đài các không thích hợp với hạng người này: Tay xuôi thẳng, chân ngắn và cũng như các họa phẩm khác, gương mặt không phản ánh được nét phong trần của giới chân lấm tay bùn, và nhất là không có thần.

Mặt không khí sắc, hình không cân đối và xa vời với thực tế, nhất là trong lối trang

phục là một cách kiêu-thức-hóa thông thường của người nghệ sĩ Việt-Nam.

Nếu ta nhìn vào các pho tượng xưa của Tây-phương ở những phế tích còn lưu lại ngày nay và thấy cả một sức sống rào rạt, cả một lớp da thịt tươi nhuận qua nét chạm trổ quá tinh vi, rồi ngó lại các pho tượng vụn vỡ quan ở các sân châu lăng tẩm nhà vua ở xứ ta, và đem so sánh về mỹ thuật, ta sẽ không khỏi ngậm ngùi và cảm thấy như đã xúc phạm tiên nhân ta là đã làm một việc không đáng làm.

Trong họa phẩm hay hình điêu khắc của ta, hoàn toàn không thấy nét sống và nói rộng hơn ra, không thấy cả cái gì gọi là mỹ-thuật theo nghĩa đơn thuần của nó. Bất kỳ trong phong cảnh họa ra hay các tượng hình người và vật, dù là một bậc hiền triết, ả tiều thư hay «ngư tiều, canh độc».v.v... đều na ná hình các vị quan kia, điệu bộ, cử chỉ đều tạc theo khuôn khổ đã định.

(còn tiếp)

Chữ Nôm, — mà đáng lý phải gọi là chữ Nam, — chỉ là một phương-pháp ghép hai chữ Hán, một chữ phiên âm, một chữ dịch nghĩa, hoàn-toàn do sáng-kiến và giọng nói của mỗi người.

Trước Hồ xuân-Hương 500 năm đã có độ mười người viết văn Nôm, làm thơ Nôm, nhưng cũng không gọi là «quốc văn». Văn Thơ Nôm của họ cũng xen lẫn Hán-tự vào nhiều, lại đây rầy từ-ngữ Tàu, và điển-tích Tàu. Tác-phẩm thuần túy Việt-Nam chẳng có được bao nhiêu. Kể từ thời-đại thịnh-hành thơ Nôm nhất với Lê-Thánh-Tôn, cho đến thời Lê-Mạt cuối thế kỷ XVIII, Văn-Thơ Nôm vẫn còn nặng-nề truyền thống Văn-tự Trung-quốc, cú-pháp Trung-quốc, Học-thuật Trung-quốc, Lịch-sử Trung-quốc, thấy thấy đều còn ràng-buộc trong khuôn-khô văn-hóa của Tàu, và không thoát-ly được ảnh-hưởng của Tàu.

Độc thơ của Lê-thánh-Tôn, Nguyễn-bình-Kiểm, Nguyễn-công-Trứ, cho đến Cung oám Ngâm Khúc, Chinh phụ Ngâm,

Kim-Vân-Kiều, chúng ta rất buồn thấy rằng tính chất thuần túy Việt-Nam trong các thi-phẩm ấy luôn luôn cứ bị chi-phối bởi hình-thức và tinh-thần của văn-hóa Tàu. Nghệ-thuật và tư-tưởng Việt-nam cứ bị phụ-thuộc nhiều hay ít vào kỹ-thuật căn bản của Cồ văn Trung quốc.

Chỉ có Hồ-xuân-Hương, và độc-nhất Hồ-xuân-Hương, đã từ bỏ hẳn, từ bỏ quyết liệt, mọi thứ lệ thuộc vào Hán-học và Nho-Giáo. Hồ-xuân-Hương đã tự mình xoay-xở biến đổi văn-tự của Tàu thành ra Quốc-âm Việt-Nam để phổ-diễn văn-chương và tư-tưởng Việt-Nam, riêng biệt của Việt-Nam.

Phân-tách một bài «**Vịnh Leo Đu**» trên đây về hình-thức và tinh thần, chúng ta thấy rõ ý chí của Hồ-xuân-Hương muốn thoát ly hẳn khuôn-sáo cũ-kỹ của Tàu, để sáng-tạo một thể-thức thơ Việt, đặc-biệt Việt-Nam, và duy-nhất Việt-Nam.

Về hình-thức, Hồ-xuân-Hương đã phát-minh ra quốc-âm những chữ không có trong Hán-tự, và chưa hề có trong bất cứ một loại văn-thơ nào của bất cứ một tác-giả Việt nào ở những Thế-kỷ trước. Tìm đâu cho ra những chữ Việt như : **Khéo khéo, Khom khom, duỗi, nhỏ, lỗ**, mà Nữ Thi-Bá Hồ-xuân-Hương đã đặt ra.

Hãy xem những chữ «Nôm» đó trong bài thơ, xem phương-pháp sử-dụng chữ Tàu để chế-biến ra chữ Việt, mới nhận định được óc thông-minh, thiên-tài sáng-tạo, của cô Nữ sĩ trẻ tuổi họ Hồ. Cô không cần có bằng Tiến-sĩ như Nguyễn Du, không có đồ Tam-Nguyên như Nguyễn Khuyến, nhưng trình-dộ Hán-học của cô Nữ sĩ bình-dân đã cho phép cô sáng-tác đặc-biệt những từ-ngữ Việt-Nam mà Nguyễn-Du và Nguyễn Khuyến, và Tao-nhân mặc-khách của tất cả các thế-hệ, đều khó mà phủ-nhận được.

Đây, tôi không có phận sự nghiên-cứu về kỹ-thuật chuyển

chữ Hán thành ra Việt-âm, bí-quyết cơ-cấu của chữ Nôm. Tôi chỉ xin xác-nhận rằng cô Hồ-xuân-Hương thông-thạo chữ Hán nhưng không muốn lệ thuộc vào chữ Hán. Cô chỉ sử-dụng Hán-tự như một công-cụ, một phương-tiện sáng tạo ra một ngữ-vựng, riêng-biệt cho văn-tự Việt-Nam, dùng để diễn-tả lời Thơ Việt-Nam. Theo nguyên-tắc đó, hầu hết những Thơ Hồ-xuân-Hương đều làm bằng quốc-âm, viết bằng Văn-tự Việt-Nam, rất ít cho Hán-tự xen lẫn vào. Cô là nhà Thơ độc-nhất thuần túy Việt-Nam, suốt 10 thế-kỷ ảnh-hưởng Hán-học cho đến khi chữ Quốc ngữ la-mã-hóa xuất hiện, thay thế chữ Nôm.

(còn nữa)





Nỗi lòng Phật tử

Người Phật tử bấy nay buồn khổ lắm,
Lòng quặn đau nhìn Giáo-hội vỡ đôi !
Chia rẽ làm chi hồi các thầy ơi !
Lời Phật dạy : «Từ bi và hỷ xả,
Thương chính mình, chúng sinh đều thương
cả»

Nay quý thầy chia hai phái hại nhau !
Thời 63 chống chế độ độc tài
Kết một khối nào phân Trung, Nam, Bắc
Sáng năm châu, lửa từ bi Quảng-Đức
Gìn chính pháp, nghìn con Phật hy sinh
Bảo vệ đạo, chống chế độ Ngô-Đình
Cho Phật Việt được cõng ngày thống nhất
Qua 65 liền bắt đầu rạn nứt
Chia hai phe Quốc tự và Ấn quang
Lòng chúng con thấy đau đớn vô vàn

Tự thâm hỏi «Vi đâu ra nông nổi ?
«Thời chinh chiến gây nên nhiều u tối,
«Hay bàn tay lông lá muốn rẽ phân,
«Hay vì đời, vì ánh sáng kim ngân,
«Đã làm mờ hào quang của Đức Phật ? !
Và từ đó bao niềm tin đã mất
Phật giáo Việt-Nam đến lúc suy vi !
Đi lễ chùa, chúng con chấp tay quỳ
Nhìn Đức Phật, mắt tuôn hai hàng lệ
Ngài ngồi đó, sao quý thầy chấp nệ
Chia rẽ nhau bởi xấu chẳng tiếc lời
Giành giật chùa đăm chém như ngoài đời
Người con Phật thấy lòng đau như cắt !
Từ đó, lễ chùa chúng con vắng mặt
Tự nhủ rằng . Tu giữ ở trong lòng
Nghe các thầy e rồi sẽ hoài công
Sẽ bôi nhọ đạo từ bi và hỷ xả
Xin quý thầy hãy bỏ đi tất cả
Nỗi oan cừu của thường tục thế nhân
Hãy quay về chính pháp Đức Thế Tôn
Cùng thống nhất dưới đạo vàng của Phật
Hãy phủi đi lớp bụi màu thế tục
Áo nâu sòng xin giữ vẻ nâu sòng
Đây lời thơ phát xuất từ đáy lòng
Con mong ước nhìn các thầy thống nhất

Phật tử: LÊ-KỶ



★ HOÀNG-THẮNG

Làng Báo đi... bầu

LẦN đầu tiên trong lịch sử bầu cử của... nhà báo đã có 26 vị chủ nhiệm hay đại diện, đã gặp nhau để bầu «thất hiền» vào ban quản trị.

Kết quả :

Chủ tịch : ông Ngô Công Đức (báo Tin Sáng)

Phó chủ tịch : ông Quốc Phong (báo Tiếng Vang)

Tổng thư ký : ông Huỳnh thành Vị (báo Đồng Nai)

Thư ký : ông Tam Đức (báo Tiếng Việt)

Thủ quỹ : ông Nguyễn trung Thành (báo Tia Sáng)

Kiểm soát: ông Nguyễn Vỹ (tuần báo Thăng Bờm)

Ông Việt Định Phương (báo Trắng Đen)

Như vậy, ban quản trị mới gồm đủ các báo 8 trang, 6 trang 4 trang, cũng như tuần báo giáo dục nhi đồng.

Giải thưởng truyện ngắn

Đây là lần thứ tư, nhật báo Trắng Đen phát giải thưởng cho những truyện ngắn hay nhất của mỗi đợt Ngoài năm giải thưởng chính thức, còn thêm 10 giải khuyến khích.

Ban Giám khảo chấm thi gồm các ông nhà văn Nguyễn-Vỹ, Sơn Nam, Kiên Giang Hà Huy Hà, Vương Hồng Sển, giáo sư Bằng Giang.

Các ký giả lên hương

Từ khi đồng tiền đặt cọc để

chờ có một căn nhà để ở, câu chuyện làng ký giả như đã chìm vào quên lãng. Chẳng lẽ chỉ đóng góp của mỗi chừng 12 000 đ mà có nhà ngay thì... sức mấy mà có. Phải chờ chính phủ cho vay thuê!

Nhưng mới đây, ngày 19 — 6 ông Dương-Kịch-Nhưông, Tổng Trưởng Công chánh đã ký nghị định cho phép Tổng Cục Gia cư xuất quỹ 97.500.000 đ cho cộng tác xã kiến ốc Nghiệp Đoàn Ký Giả VN vay để xây «làng báo chí».

Như xây mỗi ký giả thứ thiết sẽ được vay 300.000đ (tối đa) với lãi suất 4% 1 năm và phải góp trả 12 năm.

Với 97.500.000đ nói trên 325 xã viên của làng báo chí được có quyền nghĩ tới căn nhà tuợng lai của mình một cách rất tin tưởng.

● Giải thưởng về Kịch-Bút ký và Hồi ký chiến đấu.

Nhằm mục đích phản ánh những tấm gương chiến đấu hào hùng, anh dũng của quân dân hiện nổi bật trên khắp các mặt trận cũng như tại nông thôn, Cục Tâm Lý Chiến mở cuộc thi viết Bút ký và Hồi ký chiến đấu dành cho mọi người, ở trong cũng như ở ngoài quân đội.

Nội dung bài Bút ký hay Hồi

ký dự thi phải diễn tả thực tại đặc biệt của chiến trường như tường thuật ghi chép lại một trận đánh tiêu biểu một tấm gương chiến đấu anh dũng hoặc mô tả những công tác yểm trợ xây dựng Nông Thôn của quân đội và đặc biệt là cuộc hành quân của quân lực VN. đánh vào «Cục R» trên lãnh thổ Kampuchea.

Giải thưởng gồm có 8 giải chia ra như sau :

Nhất : 20.000đ

Nhi : 15.000đ.

Ba : 10.000đ.

Và 5 giải khuyến khích, mỗi giải 6 000đ.

Hạn chót nhận bài là ngày 15-8-1970.

Còn về cuộc thi kịch ngắn nội dung đề cao tinh thần chiến đấu dũng cảm cùng những thắng lợi của quân dân miền Nam trong vấn đề Bình Định và Xây Dựng Nông Thôn cũng như chính sách Chiêu Hồi của Chính Phủ.

Ngày hết hạn gửi bài dự thi là 15-8-1970.

Giải kịch ngắn gồm có 9 giải thưởng như sau :

Giải nhất : 30.000đ.

Giải nhì : 20.000đ.

Giải ba : 17.000đ.

Và 6 giải khuyến khích mỗi giải 7.000đ

Triển lãm tranh

Nữ họa sĩ Pauline Dove, sau khi đã mang tranh đi triển lãm tại Hoa Thịnh Đốn (Mỹ), Bombay, Calcutta (Ấn Độ) và Nepal đã trưng bày tranh tại Hội Việt Mỹ vào hạ tuần tháng 6-70.

Những bức tranh gồm có tranh vẽ màu, sơn dầu, vẽ bằng than, tranh lụa và tranh dán.

Có Pauline Dove, sinh quán tại tiểu bang North Carolina, đã đậu M.A. Hội Họa ở Washington và B.A. về Lịch Sử Nghệ Thuật ở Virginia.

Sách, Thơ mới

● Một lần nữa, văn nghệ Hồn Hoang Phan Thiết lại cho trình

bày 2 tập thơ *Buông Tơ* của Thy Linh Thy và *Thùy Vân* và *Ngàn Ru* của Lê Duy Nguyễn Nhị

Nguồn thơ của nhóm văn nghệ Hồn Hoang Phan Thiết như vậy quá ư dồi dào, nhưng chỉ... tiếc một điều là những tập thơ này chỉ quay ronéo, nếu là typô thì đẹp biết mấy.

● Nhà văn Du Tử Lê, từ hồi đi Mỹ về, đã hoạt động mạnh. Anh đã mở nhà xuất bản Khai Phóng, và đã in truyện của nhà Văn Mai Thảo, Nguyễn đình Toàn, và cả những bài không tên, nhạc tuyền của nhạc sĩ Vũ thành An. Chính anh cũng cho ra mắt cuốn *qua hình bóng khác*. Đáng là cuốn truyện dài thứ tư của anh.



THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão

Điện thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỦ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÂN CỒ ÁO, (ÉTIQUEITES) MÀU ĐẸP BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trưong-mục Bưu-điện

Saigon TİM 2.701 THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

TUẦN BÁO

THỜI MỚI

Tòa soạn : L.A Nguyễn-Du Đà Nẵng
Chủ nhiệm : Nguyễn Phúc Văn Hiến
Số ra mắt ngày 27-6-1970.

TẠP CHÍ

ĐẤT MẸ

Cơ quan ngôn luận của hội văn hóa tỉnh Bình Định.

Chủ nhiệm : Giáo sư Đoàn nhật Tấn

Tòa soạn và trị sự : 18 Nguyễn Huệ Qui Nhơn.

★ ĐẤT MẸ rất hân hoan đón nhận phần đóng góp tác phẩm của Quý bạn xa gần.

★ Các bạn trẻ hãy tỏ thái độ của mình trước hiện trạng sinh hoạt văn hóa ngày nay qua mục thường xuyên : **DIỄN ĐÀN CỦA CHÚNG TA.**

Giao thiệp trực tiếp ;

Ông THÁI TÀU điện thoại số 2130

Thư từ, bài vở xin gởi về ;

TRẦN-ĐÌNH-THÁI : Hộp thư 108 QUI-NHON.

Vừa mới phát hành :

TUYỂN TẬP

NHẠC TIỀN-CHIẾN

qui tụ 27 nhạc phẩm truyền tụng của những gốc đại thụ trong làng nhạc tiền chiến :

Nguyễn-Mỹ-Ca, Văn-Cao, Văn-Chung, Phạm-Duy, La-Hối, Nguyễn-Xuân-Khoát, Dzoãn-Mãn, Phạm-Ngũ Thâm-Oinh, Đặng-Thế-Phong, Hoàng-Phú, Nguyễn-Đình-Phúc, Hoàng-Quý, Lê-Thương, Nguyễn-Văn-Thương, Dương-Thiệu-Tước, Nguyễn-Thiện-Tor, Lê-Yên.

Hoàng-Nguyên phân-định và đánh giá Nhạc Tiền-Chiến. Lê-Thương trình bày lịch-sử tân-nhạc từ lúc phối thai đến thời nở rộ (1938-1946).

Một cuốn sách ấn-loát tuyệt-mỹ với hình bìa và phụ-bản của Nguyễn-Khai, một cuốn sách của nhà xuất-bản *Kẻ-Sĩ*

trị: ỈA CHẢY. NHIỄM ĐỘC
Ở RUỘT

KIỆT-LÝ CÓ ĐÂM MÀU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

Hợp với
người lớn
trẻ em

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

206a/BYT/17-8-67

NƯỚC NGỌT

"CON CỌP"



Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.

Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống Lâu, Yên Dối.

Brasseries et Glacières
de l'Indochine

6, Hai-Bà-Trung, Saigon Télec: 20.311

Nhà hàng Đại - La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

-31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dưng hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lôi Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa. Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sớ sài ngoài da mà hết. Uống Giải
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú.Lâm, Cholon
(K.N. BY. số 3—9-5-63)

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại nhà in riêng của PHỒ-THÔNG

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi